

LUẬN GIẢI VỀ TÂM TRONG KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 2

TIỀN TRẦN BIÊN DỊCH, BẢN TÁNH CHĂNG THAY



Bhikkhu Visuddhamma

MỤC LỤC

Lời Phi Lộ	1
Bài 6: Tiên Trần Biến Dịch.....	2
Bài 7: Bản Kiến Bất Nhi, Động Tĩnh Hư Vô	36
Bài 8: 25 Con Đường, Một Cánh Cửa.....	75
Bài 9: 25 Lối Vào Môn Phi Môn.....	109
Bài 10: Không Đường Không Cửa.....	147

LỜI PHI LỘ

Cái Thấy không nằm nơi vật, không nằm nơi ta. Cái Thấy bao trùm biến tướng khắp thế giới nhỏ nhất đến lớn nhất. Cái Thấy có thực. Cái Thấy không thực. Cái Thấy có. Cái Thấy không. Nó ví như chân không, nhưng nó vẫn là chân không, có thể tánh và chịu Nghiệp quả. Thế nên luân chuyển 3 cõi 6 đường thiên thu bất tận. Thấy cũng luân chuyển. Không thấy cũng luân chuyển. Biết cũng sinh tử. Không Biết cũng tử sinh. Hành giả có ngộ ra điều gì về những cái Tiền Trần và Bản Tánh Chơn Như không nhỉ? Còn tham ái dù là ái pháp, ái thiện pháp cũng sinh tử luân chuyển. Bạn có còn muốn thoát sinh tử hay không?

Lạy Phật từ bi.

BÀI 6: TIỀN TRẦN BIẾN DỊCH

Chúng ta đã học để xác minh xem thật sự kinh Thủ Lăng Nghiêm có phải Phật nói hay không và chúng ta đã dùng kinh Pháp Diệt Tận để chứng minh sự thật là Đức Thế Tôn đã nói kinh này. Sau đó chúng ta đã học Phật vấn A Nan bảy lần, vì duyên sự ngài A Nan gặp nạn Ma Đăng Già. Ma Đăng Già thật ra là biểu tượng, tất cả kinh đều chỉ là ẩn dụ.

Ma Đăng Già là chúng tỏ cho tâm không được thanh tịnh, vướng mắc nơi tiền trần. Vì nơi tiền trần tưởng là thanh tịnh nhưng mà thật sự cái ấy chỉ là tiền trần mà thôi. Cho nên nhiều lúc thấy qua tiếng chuông, tiếng mõ đi lạy Phật, đi nhà thờ hay khi bố thí thấy người nghèo khổ rồi thấy tâm thanh tịnh, nói đã tìm ra được sự thanh tịnh. Nhưng cái ấy mới là tiền trần thanh tịnh, tức là bóng dáng bên ngoài nó lặn xuống thôi. Giống như sóng không có gió đương nhiên sẽ không có sóng, chứ chưa nhìn được nước và chưa sống được trong bản thể của nước. Nếu đã sống được trong bản thể thanh tịnh thì không bao giờ ra ngoài. Dứt khoát đã bước vào trong bản thể thanh tịnh, tức là sống trong sự thanh tịnh hoàn toàn thì ở trong. Còn có nhảy ra, nhảy vào thì chẳng qua

đó là tiền trần thanh tịnh. Mà hễ tiền trần thì căn trần giao thoa cho nên biên dịch.

Ngài A Nan đã trả lời Đức Thế Tôn là tâm ở ngoài, tâm ở trong, tâm ở giữa, nhưng cuối cùng không biết tâm ở đâu. Và cuối cùng khi Phật hỏi nó ở đâu thì ngài A Nan nói rằng: *“Khi xưa con thấy Phật với 4 đại đệ tử là Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Phú Lô Na, Xá Lợi Phất cùng chuyển pháp luân và thường nói rằng cái tâm giác tri chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa, chẳng ở chỗ nào, tất cả vô trước gọi là tâm”*. Nó không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa, không ở chỗ nào thì nó ở chỗ nào? Mà nếu nói rằng nó có chỗ để ở rồi lại nói rằng tất cả vô trước, tức là không có chấp, không có chấp thì gọi là tâm. Thế thì cái mà không chấp ấy có phải là tâm hay không, hay lại là một pháp mà pháp ấy gọi là không chấp?

Ở trong Đại Trí Độ Luận khi ngài Phạm Chí Trường Trảo đến hỏi Đức Thế Tôn: *“Này Cồ Đàm. Kẻ không thọ các pháp thì ông nghĩ sao?”*. Thì ngay lập tức ở chỗ ấy đã xác minh có cái pháp gọi là không thọ, cho nên kẹt ở chỗ này, kẹt nơi văn tự. Người đi tu phải nhìn thấy tánh, tức là nương theo kinh là lời của Đức Thế Tôn dạy để nhìn thấy tánh của ta, chứ còn nếu mà bám cứng vào ngôn từ là kẹt.

Có một câu chuyện bên Tây Tạng. Bữa hôm nọ trời mưa lớn, có bức tôn tượng của Đức Phật đứng ở giữa trời mưa ướt. Mưa đương nhiên là ướt tại vì bức tượng để giữa trời. Có một ông tu sĩ đi ngang. Ông ấy mới nói sao mà người ta vô ý thế, mưa như thế này mà để Phật đứng giữa đường ướt hết. Thế là ông lấy hai chiếc dép để lên đầu Phật để che cho khỏi ướt rồi ông đi. Ông đi được một chút xíu có một ông tu sĩ thứ hai đi ngang. Ông ấy thấy hai chiếc dép trên đầu Phật ông mới nói nặng nhẹ ông thứ nhất. Ông nói: *“Cái ông này tu hành mà không biết điều, ai đòi lại để hai chiếc dép lên trên đầu Phật như thế này, không có kính trọng”*. Ông để hai chiếc dép trên đầu Phật thì chỉ có một mục đích là để kính trọng, để không cho ướt đầu Phật, ướt bức tôn tượng của Phật, cho nên mới để hai chiếc dép. Tại vì không có gì nữa chỉ có 2 chiếc dép, cho nên hy sinh hai chiếc dép, đi chân không, để dép lên trên đầu bức tôn tượng của Phật để che lại với tâm thành. Ấy thế mà ông thứ hai lại rửa ông thứ nhất. Nói ông này tu hành kiêu gì vậy, bức tôn tượng của Phật mà dám để dép lên đầu. Cho nên để lên cũng kẹt mà bỏ xuống cũng kẹt.

Nếu chúng ta không biết lấy kinh điển làm ngón tay và bè, ngón tay để chỉ cho thấy mặt trăng và bè để đi qua sông thì chúng ta vướng mắc vào tiền trần.

Và ngài A Nan cũng thế. Ý là em Phật, ý đa văn, ý thị giả của Phật, cho nên không lo tu, cho nên không định, mới gặp nạn Ma Đăng Già. Cái nạn Ma Đăng Già thật sự ra chỉ có một ý nghĩa thôi, đó là tánh dâm. Và dùng một cái đó để quán chiếu hết tất cả các tánh khác, cũng một công thức như thế. Nhưng tánh dâm quan trọng lắm. Từ chỗ dâm dục mới sanh ra con người. Và khi con người sanh ra thì Đức Thế Tôn đã nói: “*Một đứa bé mới sanh ra đã có mang tính dâm dục rồi*”. Khổng Tử thì nói: “*Nhân chi sơ, tính bản thiện*”. Con người mới sanh ra là tính thiện. Nhưng Đức Thế Tôn quán chiếu sâu xa hơn cho nên Ngài nói rằng đứa bé mới sanh ra đã có tánh dâm.



Lý do tại sao? Tại vì nó từ tinh cha, huyết mẹ, tức là từ sản phẩm của sự dâm dục mà ra. Chúng ta cũng thế,

ngày nay chúng ta có thân này cũng từ nơi sự dâm dục của cha mẹ. Cho nên ngay từ lúc mới sanh ra tánh dâm đã có rồi. Nó chưa đủ duyên cho nên chưa hình thành thôi, hễ đủ duyên thì biến ra cái hiện tướng. Bởi thế cho nên cái gọi là thanh tịnh mà không rõ ràng thì chỉ là tiền trần thanh tịnh, tức là chưa có gió thì chưa thấy sóng.

Ngài Tô Đông Pha viết mấy câu thơ:

*“Khể thủ thiên trung thiên
Hào quang chiếu đại thiên
Bát phong xuy bất động
Đoan tọa tử kim liên”.*

Tạm dịch là:

*“Đảnh lễ bậc Giác Ngộ
Hào quang chiếu vũ trụ
Tám gió thổi chẳng động
Ngồi vững tòa sen vàng”*

Ý nói là Đức Phật ngồi tòa Kim liên, bát phong thổi mà chẳng có lay, gửi cho ngài Phật Ấn, ý nói khoe với ngài Phật Ấn là Ngài Tô Đông Pha bây giờ đã tu hành như Đức Phật, đã nhìn thấy được tánh, cho nên bát phong thổi không ăn thua gì, không có lay. Họ Tô lấy làm đắc ý lắm, bèn cho tiểu đồng mang tặng Thiền sư

Phật Ân đang tu ở chùa Kim Sơn. Ngài Phật Ân biết ông này ngã mạn nên không trả lời tiểu đồng. Tiểu đồng nói thầy cho một câu đi, con về con trả lời. Ngài Phật Ân mới nói hai chữ: “phóng thí”. Khi tiểu đồng về báo cáo Tô Đông Pha, nửa đêm Tô Đông Pha chèo đò đi qua sông vượt tới núi tìm cho bằng được ngài Phật Ân để chất vấn coi tại làm sao thơ tôi viết hay như thế mà tại sao dám chê thơ. Khi vừa mới tới nơi chưa nói gì được thì ngài Phật Ân cười liền, “nãy giờ ta chờ nhà người đây”. Ngài Phật Ân nói: “*Ông nói ‘tám gió thổi không động’ mà chỉ một ‘trung tiện’ đã phải bay sang sông rồi*”. Chỉ có 2 chữ “phóng thí” thôi mà phải chèo ghe đi suốt một đêm sang bên kia, như vậy đâu có cần tới bát phong? Là người tu chúng ta nghĩ như thế nào?

Một buổi trưa chúng tôi đang ở trong bệnh viện, nhưng mà cũng có duyên sự. Giờ đó là giờ uống trà, tức là giờ y tá được uống trà. Mấy cô y tá mời chúng tôi ra, tại vì thấy chúng tôi cũng hơi lạ lạ, tức là ăn mặc thì cũng không giống người thường, đầu thì trọc lóc, thành thử mời ra uống trà để hỏi về Phật giáo. Hỏi Phật giáo là gì, ông Phật là ai, lý thuyết của Phật giáo là như thế nào? Chúng tôi nhân cơ hội đó thuyết cho nghe về chân lý của Đức Từ Phụ.

Chúng tôi nói rằng quan điểm của Đức Phật về Thượng Đế như thế nào, Thượng Đế có thật hay không? Tại vì nếu Thượng Đế có thật, Thượng Đế có quyền sáng tạo ra thế giới, có quyền thưởng, có quyền phạt, tại sao trong thế giới này toàn những con người đảo điên, những con người khùng khùng, điên điên chém giết nhau và không có yêu thương? Như vậy là Thượng Đế sáng tác ra toàn những con người điên điên hết như vậy sao? Mà ở trong Kinh Thánh đã nói rằng hình dáng của các người là hình dáng của Thượng Đế, tại vì ta nặn các người ra, ta biến hóa các người ra để giống y như Thượng Đế. Mà nếu những con người ở thế gian này đều toàn điên điên, khùng khùng thì Thượng Đế là gì, như thế nào?

Từ chỗ ấy người ta thắc mắc. Trong lúc chúng tôi đang nói chuyện như vậy chúng tôi cũng mở máy lên để cho xem ở trong các đạo tràng online người ta sinh hoạt như thế nào. Vô tình chúng tôi mở vào trong đạo tràng Đạo Phật Vào Đời. Khi mở vào trong Đạo Phật Vào Đời thì gặp được ngay một vị thiện trí thức có nick name Vui Lên Tí. Vị này nói ra những điều rất là thù thắng, rất là cao thượng, vô cùng tuyệt vời. Nó cao thượng ở chỗ là đưa ra những thử thách để cho những vị ở trong đạo tràng này phải học, trong đó chúng tôi nhớ hình như có ba, bốn vị mà khi bị thử thách như vậy không có khởi

tâm phiền não. Cái điều quan trọng là biết nó như huyễn thì không khởi lên phiền não. Mà không khởi lên phiền não là thù thắng rồi, đã hiểu được bài học và đã thực hành được những bài giảng hôm trước. Cho nên chúng tôi rất hoan hỉ. Khi bị Vui Lên Tí nói thế này thế kia đủ thứ nhưng tâm vẫn không khởi lên phiền não, vẫn hoan hỉ thì Vui Lên Tí chính là thiện tri thức, cũng giống như Đề Bà Đạt Đa là thiện tri thức của Đức Thế Tôn. Mặc dù Đề Bà Đạt Đa dành ngôi của Phật, cho voi để ám hại Phật, xô đá để tính đê Phật nhưng là thiện tri thức của Phật.

Kinh Thánh cũng thế, trong lịch sử của kinh Thánh, Jesus nhờ người phản bội (Giu-đa phản bội Jesus) đem bán Jesus thì mới lên làm Thánh, làm Chúa, người ta mới tôn thờ, tức là cũng phải có những người như thế, giống như Đề Bà Đạt Đa. Khi người ta chọc, thử thách, nói móc ta, phá hại mà ta không buồn phiền thì ta đã nhìn được phần nào tâm của ta. Ta đã biết được đó là huyễn, đó không thật. Đi tu chỉ có bấy nhiêu đó thôi, chứ còn cất chùa lên thì cũng sập. Cho nên tâm tham, tâm sân, tâm si mà quán chiếu được, khi khởi tâm lên ta biết tâm của ta đang khởi lên cái gì ngay lập tức quán chiếu thì cái đó thù thắng vô cùng. Cho nên chuyện người ta nói gì thì nói, ta nghe thì nghe. Mà nếu nghe mà dùng

thức, tức là cái biết của nghe để mà nghe thì bị nhồi sọ từ nhỏ tới lớn.

Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan vì duyên có gì ông đi tu thì ngài A Nan nói: *“Con vì thấy Đức Thế Tôn có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp cho nên con khởi tâm ưa thích mà đi tu”*. Đức Thế Tôn dựa ngay vào đây mà hỏi 2 yếu tố: yếu tố thứ nhất là con mắt, yếu tố thứ nhì là tâm. Con mắt nằm ở đâu và tâm nằm ở đâu? Hai điểm chính đó thôi. Hỏi 7 lần thì ngài A Nan chẳng biết mắt nằm đâu và tâm nằm đâu. Nếu nói rằng con mắt nhìn thấy 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp thế thì con mắt của người chết còn sờ sờ đấy tại sao không nhìn thấy? Mà nếu nói rằng không có con mắt mà tâm nhìn thì nếu tâm nhìn thì người mù cũng nhìn thấy vậy. Mà nếu nói tâm thì tâm ở đâu? Đức Thế Tôn hỏi ở đâu thì ngài A Nan nói ở trong, ở ngoài, ở chặng giữa. Nếu nói ở trong thì vậy sao không thấy ruột gan. Nếu ở ngoài vậy sao không thấy mặt ta? Cho nên tất cả đều là cố chấp. Chấp có con mắt để nhìn và con mắt nhìn thấy cho nên tánh biết núp ở trong con mắt. Chỗ đấy là chấp. Mà tất cả những điều Đức Thế Tôn hỏi chẳng qua để phá chấp thôi.

Con người ta thường thường chấp vì được huân tập từ nhỏ. Lúc nhỏ bố mẹ bảo bông hồng màu đỏ, bạn bè nói bông hồng màu đỏ, đi học ông thầy giáo nói bông hồng

màu đỏ, cho nên ta hề thấy bông hồng là nói màu đỏ liền. Tại vì được huân tập, nhồi sọ từ nhỏ tới lớn. Nhưng thật sự nó có phải màu đỏ không? Ánh sáng có cả bao nhiêu màu, căn bản thì có 3 nhưng mà có cả hàng triệu màu (là quang phổ), trong ấy là năng lượng. Ánh sáng chỉ là năng lượng thôi. Cho nên bây giờ người ta có năng lượng mặt trời, tức là dùng ánh sáng để chuyển thành năng lượng. Vì là năng lượng cho nên chiếu tới vật chất nào thì vật đó sẽ hấp thụ năng lượng. Thế thì nguyên tắc của ánh sáng là gì? Khi chiếu vào bông hồng thì vật thể ở trong bông hồng, tức cái thể ở trong bông hồng ấy hấp thụ hết tất cả các năng lượng, các màu. Duy chỉ có một màu mà không hấp thụ thì màu ấy phản chiếu ra và màu ấy hấp thụ vào trong con mắt, đồng tử. Và đằng sau đồng tử có võng mạc, võng mạc ấy có dây thần kinh dẫn lên trung khu thị giác thần kinh ở trên não, ghi nhận từ nhỏ tới lớn đều nói là màu hồng, cho nên nói màu hồng. Nhưng chúng ta biết rõ ràng là bông gọi là màu hồng thật sự ra là tất cả các màu ngoại trừ màu hồng, tức là chỉ có màu hồng nhả ra thôi, còn các màu khác giữ lại.

Chúng ta cứ nói là màu hồng thì có phải chúng ta đã làm không, đã bị căn trần thức đánh lừa, ngũ uẩn đánh lừa.

Chúng ta sống ở trong thế giới của sắc, thanh, hương, vị, xúc mà chúng ta cứ ngỡ là chúng ta sống thật. Chúng ta tưởng rằng cái biết của chúng ta là biết thật, nhưng mà thật sự ra nó không thật. Giống như máy chụp hình, bạn thấy người đứng thì máy chụp hình trong phim quay ngược lại. Con mắt chúng ta cũng thế, võng mạc ghi nhận ngược lại hết. Nó y như máy chụp hình. Cho nên cái thấy không phải là thật. Bởi vậy cho nên trong kinh Pháp Cú Đức Thế Tôn mới nói ở trong phẩm Ngàn, nói với ông Bahiya như thế này: *“Nếu ông muốn tu học thì ta cho ông mấy câu thôi, ông hãy suy nghiệm. Trong cái thấy chỉ có cái thấy. Trong cái nghe chỉ có cái nghe. Trong cái sự hiểu biết chỉ có cái hiểu biết”*.



Cũng như buổi trưa đó nếu không có thiện tri thức Vui Lên Tí vào nói thế này thế kia. Một vài vị khuyên không nên nói, vì nói sẽ gieo nhân quả. Vui Lên Tí biết nhân quả, nói chi mất công. Tại vì tục ngữ Việt nam có câu là “Ngậm máu phun người, dư miệng ta trước.” Nếu ta nói lời không thanh tịnh thì miệng ta dư trước, đầu ta dư trước, tức là óc ta dư trước rồi đưa xuống miệng dư thứ nhì. Chuyện đó đương nhiên rồi, Vui Lên Tí dư sức biết rồi, nhưng chẳng qua ưa thích nghịch ngợm phá thôi. Một vài Phật tử lên tiếng là thôi không nên, nhân quả, nhưng chúng tôi không nói gì hết, cứ để xem sao. Nhưng vì như vậy các Phật tử mới quán chiếu được tâm của ta, coi xem đối cảnh có sanh tâm không? Đối cảnh có phan duyên không? Tức là trong những bực bội ta có khởi tâm buồn phiền, tâm phiền não không, như vậy mới hiểu là ta có tu hay không. Nếu không có Vui lên Tí thì chưa chắc một số Phật tử đã hiểu là có tu hay không tu, nghe nói là vạn pháp như huyễn, âm thanh cũng như huyễn nhưng mà không có người thử thì sao biết được.

Ở trong kinh nói tới chỗ khi ngài A Nan nói rằng tại vì Phật và bốn đại đệ tử cùng nói tâm hằng tri chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa, chẳng ở chỗ nào, tất cả vô trước thì gọi là tâm, là không chấp. Đức Thế Tôn yêu cầu là ông hãy dùng trực tâm để trả lời thì mới giúp

cho ông tu hành được. Thế mà hỏi tới lần thứ 7 thì ngài A Nan lại nói: “*Khi xưa con thấy Phật với bốn đại đệ tử cùng chuyển pháp luân thường nói cái tâm tri, giác tri chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa, chẳng ở chỗ nào, tất cả vô trước thì gọi là tâm. Vậy con vô trước được gọi là tâm chăng?*”?

Tức là thứ nhất, dựa vào chuyện có Đức Thế Tôn và bốn đại đệ tử nói như thế. Và thứ nhì là nói rằng: “*Vậy thì con vô trước tức là con không chấp thì có được gọi là tâm chăng?*”? Tức là cũng vẫn còn nghi ngờ nhưng mà không có dám chắc cho nên mới hỏi Đức Thế Tôn như thế. Khi Đức Thế Tôn nhập diệt rồi ngài A Nan tới hỏi ngài Ca Diếp là: “*Ngoài Y bát ra Đức Thế Tôn còn truyền lại bí mật gì cho đại huynh không?*”? Ngài Ca Diếp gọi ngài A Nan: “*A Nan!*” A Nan: “*Dạ*”. Ngài Ca Diếp nói: “*Cây phướn trước chùa ngã*”.

Cây phướn trước chùa ngã, bạn hiểu không? Cho nên còn chạy theo vọng tưởng điên đảo cho nên còn kẹt. Phật trả lời A Nan như thế này: “*Người nói rằng tâm giác tri chẳng ở chỗ nào. Vậy như các loài bay trên hư không, ở dưới nước, ở trên bờ gọi tất cả vật tượng tri nơi thế gian mà người vô trước, đó là có hay không? Nếu mà nói không thì nó giống như lông rùa, sừng thỏ thì có cái gì đâu mà vô trước? Nếu có sự vô trước thì không thể nói*

là không, không tướng mới là không, chẳng không thì có tướng. Tâm đã chấp có tướng thì còn gì nói vô trước”.

Cho nên nói rằng tất cả vô trước gọi là tâm giác tri thì chẳng đúng. Tại sao gọi tất cả vô trước là tâm giác tri? Tâm giác tri tức là tâm biết, tánh biết. Tại sao nói rằng không chấp thì là tánh biết? Ngày hôm qua có một vị hỏi chúng tôi không chấp thì có được không? Tôi nói không chấp mà nói không chấp là kẹt chỗ không chấp rồi, tại vì có cái gọi là không chấp. Buông luôn cả kiến chấp là ta không chấp, chứ nếu ta nói rằng ta không chấp là ta đã kẹt vào pháp, mà pháp ấy tên nó là “*không chấp*”.

Tất cả những lời Đức Thế Tôn nói chẳng qua là phương tiện để chỉ cho A Nan đến thẳng chỗ tự ngộ mà thôi. Sau khi nghe như vậy A Nan từ trong chỗ ngồi đứng dậy, quì gối chân phải chấp tay cung kính bạch Phật: “*Con là em út của Như lai, được Phật thương mến, nay dù xuất gia nhưng còn y lại lòng thương nơi Phật, chỉ ham học rộng nghe nhiều, chưa được vô lậu, chẳng uổng đẹp được tà chú, bị nhiếp vào nhà dâm, chỉ vì chẳng biết đến chỗ chân thật (chỗ chân thật tức là chơn tâm thường trụ của ta). Kính mong Đức Thế Tôn từ bi thương xót khai thị cho chúng con đường lối tu thiền định Samatha”.*

Đáng lẽ ra khi Đức Thế Tôn hỏi bảy lần không trả lời được thì phải hỏi là vậy con nói sai? Vậy theo lời dạy của Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy cho con biết là tâm nằm ở đâu, con mắt nằm ở đâu? Không hỏi, lại nói bây giờ Đức Thế Tôn dạy cho con phép Samatha. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn mới bảo ngài A Nan: *“Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay đủ thứ điên đảo, tạo thành giống nghiệp, kết tụ nghiệp nhân, thành ra quả luân hồi. Những người tu hành chẳng được chứng quả vô thượng Bồ Đề trở thành thanh văn duyên giác hoặc thành cõi trời ngoại đạo ma vương quyền thuộc ma, đều do chẳng biết hai thứ căn bản tu tập sai lầm, cũng như nấu cát mà muốn thành cơm, dầu cho trải qua nhiều kiếp cũng không thành tựu”*. Hai thứ điên đảo ấy là gì?

- Một là căn bản của sanh tử từ vô thủy, ***nhận tâm phan duyên làm tự tánh***. Tức là hễ thấy cảnh là sanh tâm cho nên nhận là tánh biết. Con mắt vừa thấy thì nói rằng tôi đã thấy và thức lại nói rằng ấy là biết. Nhưng thật sự ra đó chỉ là nhãn thức chứ không phải là tánh biết của con mắt. Cái gì có đến có đi, có sanh có diệt thì ấy không phải là tánh. Bản tánh vốn là thường trụ, không sanh, không diệt, không đến, không đi. Những cái gì đến đi là phan duyên. Cho nên tiền trần thanh tịnh là như thế. Tức là có gió thì có sóng, hết gió thì

hết sóng. Cho nên sóng, gió, cái lặng của sóng và gió, không gió không sóng để cho yên lặng thì cái ấy là tiền trần thanh tịnh, tức là điều kiện. Mà hễ có điều kiện thì là không thật, là duyên. Thuật ngữ nhà Phật thì gọi là duyên sanh. Mà duyên sanh thì như huyễn, không thật.

- Cái thứ hai là ***bản thể vốn thanh tịnh của Bồ Đề Niết bàn từ vô thi*** (kinh Trường Bộ), tức là bản thức vốn sáng tỏ nay bị các duyên che khuất đi thành ra lạc mất. Có nghĩa là giống như mặt trăng sáng. Cái tánh biết giống như mặt trăng. Chẳng qua có đám mây đi ngang, rồi con mắt nhìn không thấy thì nói mặt trăng tối. Nhưng thật sự mặt trăng không tối, mây che thôi. Mây là gì? Tham, sân, si. Khi che rồi thì bản thể thanh tịnh không thấy bị mờ đi, tưởng là tối. Không phải vì mây che mà mặt trăng mất đi một chút xíu sáng nào hết. Nó vẫn sáng. Dù có tham sân si.



Đức Thế Tôn trước khi chỉ dẫn Samatha thì hiển thị ra để cho A Nan biết và dẫn dắt từ từ. Như Lai đưa cánh tay sắc vàng, co năm ngón tay bảo ngài A Nan: “*Ngươi có thấy chǎng?*” A Nan đáp: “*Thấy*”. Đưa cánh tay lên co năm ngón lại hỏi ngài A Nan “*Người có thấy chǎng?*” Ngài A Nan đáp: “*Thấy*”. Phật bảo: “*Ngươi thấy gì?*” Ngài A Nan đáp: “*Con thấy Như Lai đưa tay, co ngón tay thành nắm tay, chói mắt sáng lên và chói vào tâm mắt con*”. Phật mới bảo: “*Người dùng cái gì để thấy?*”

Không nói con mắt thấy mà ngài A Nan nói con và đại chúng đều dùng mắt thấy. Tức là nói một thì không chắc, phải nói cả đại chúng. Nói con và đại chúng đều dùng mắt thấy, tức là tâm cong.

Phật mới hỏi ngài A Nan: “*Theo lời người đáp, Như Lai co ngón tay thành nắm tay chói tâm mắt người. Vậy lúc nắm tay ta chói rọi mắt người thấy được cái gì, và lấy cái gì làm tâm?*” Ngài A Nan nói: “*Nay Như Lai gạn hỏi tâm ở chỗ nào, con dùng tư tưởng suy tìm, cái hay suy tìm ấy con cho là tâm*”. Có nghĩa là sao? Có nghĩa là khi thấy một việc gì ta khởi tâm suy nghĩ về việc ấy rồi ta cho rằng sự suy nghĩ ấy là tâm, phải không? Thế thì Phật bảo: “*Sai rồi, A Nan. Cái ấy chǎng phải tâm người*”.

Chẳng hạn như bạn nhìn ở trên màn hình bạn thấy Vui Lên Tí chat chat, rồi bạn khởi tâm lên. Thế thì khởi tâm là suy nghĩ “ờ cái anh Vui Lên Tí này ảnh nói lãng nhăng, hay là ảnh nói hay, hay là ảnh nói dễ thương”, tức là khởi tâm phân biệt rồi suy nghĩ “ý anh nói như thế là nói cái gì”, rồi nói cái ấy là tâm của ta. Tức là nếu như người ta nói cái gì vừa ý ta thì khởi tâm ưa thích. Nếu người ta nói cái gì không vừa ý ta thì khởi tâm phiền não.

Ngài A Nan nói: “*Con dùng tư tưởng suy tâm, cái hay suy tìm ấy thì con cho là tâm*”. Có nghĩa là khi ta gặp sự kiện gì ta khởi tâm suy nghĩ thì ý thức và mặt na thức sinh liền. Ngài A Nan nói rằng cái ấy là tâm thì Phật lại nói: “*Sai rồi, A Nan. Cái ấy chẳng phải là tâm*”. Nghe như vậy ngài A Nan đứng dậy chấp tay: “*Bạch Phật. Từ xưa đến giờ chúng con vẫn nghĩ cái đó là tâm mà bây giờ Phật nói cái đó không phải là tâm thì gọi là cái gì?*”

Cái mà chúng ta thường thường dùng để suy nghĩ, để biết sự kiện, biết đây là máy vi tính, kia là cái chuông, kia là mõ, kia là người đàn ông, kia là người đàn bà, biết đó là con chó, kia là con mèo. Thường thường chúng ta dùng sự suy nghĩ để biết? Bây giờ Đức Phật lại nói cái ấy không phải là tâm. Thế thì tâm là gì? Cho nên ngài A Nan giạt mình nói cái ấy chẳng phải là tâm thì gọi là gì?

Phật mới nói với ngài A Nan như thế này: “*Ấy là tướng, vọng tưởng của tiền trần mê hoặc chơn tánh của người. Do người xưa nay nhận giặc làm con, lạc mất bản thức chơn thường nên bị luân chuyển*”.

Tướng vọng, do tướng có tiền trần, tức là nó biểu hiện ra như thế, chấp, suy nghĩ cho nên che mờ tâm tánh. Chơn tánh nhìn là biết liền. Còn nếu khởi tâm suy nghĩ thì ngay lập tức sai. Cái đó là niệm thứ nhì, niệm thứ ba, niệm thứ tư cho nên căn trần giao thoa, ngũ uẩn đánh lừa cho nên chúng ta nhận giặc làm con. Lâu ngày rồi những cái ấy ở trong tiềm thức, gọi là huân tập, tập quán. Những cái đây dính mắc cho tới ngày hôm nay để rồi nhìn cái gì suy nghĩ rồi nói cái đó là tâm, và những cái đó huân tập để cuối cùng những cái đó đúc kết ra cái gì? Tập khí cũng là một chữ nhưng mà chưa đúng lắm. Có một chữ thôi: Nghiệp.

Nghiệp là sự huân tập có tác ý. Cứ tập mãi thành ra nghiệp và nghiệp lôi ta đi. Chúng ta là chủ của nghiệp mà chúng ta cũng là thừa tự của nghiệp. Tại sao Đức thế Tôn nói thế? Tại vì ta tạo ra nghiệp chứ không ai tạo ra nghiệp. Không phải ông Thượng Đế nào tạo ra nghiệp cho ta, không phải con ma tạo ra nghiệp cho ta, chính ta tạo ra nghiệp. Khi bạn nói lung tung thế này thế kia là bạn đang tạo nghiệp. Tại vì có tác ý, huân tập lâu ngày

rời rớt vào trong mảnh đất tâm, trồng lên những cỏ dại mà không biết, và nghiệp này đi theo ta tới chân trời, góc biển.

Trong kinh Pháp Cú nói: “*Nghiệp đi theo ta tới chân trời góc biển và ta là thừa tự của nghiệp*”. Có nghĩa là nghiệp đẩy cho chúng ta biến tướng ra. Nó biến tướng ra sau khi chết ta thành con gì? Con 2 chân, 4 chân, 8 chân là do nghiệp này. Cho nên khi thân trung ấm vừa mới rời khỏi sắc pháp thì nghiệp này khao khát có một thân gá vào đó. Nó tìm một cái thân. Vì nghiệp thức dày quá không thanh tịnh, mới đi bất cứ chỗ nào, có nhiều khi làm chó, làm mèo là như thế. Tại vì không thấy rõ, nên mới làm chó, làm mèo.

Nếu trong kiếp sống hàng ngày tu hành tạo nhiều phước đức, thì dầu làm chó làm mèo đi chẳng nữa vẫn được lợi lạc. Ví dụ như con chó nhà giàu khác con chó nhà nghèo. Con chó nhà nghèo thiếu ăn. Con chó nhà giàu được cưng, tắm rửa, ăn uống đàng hoàng. Cho nên nghiệp đẩy chúng ta đi, hướng dẫn chúng ta đi và chúng ta cũng tạo ra nghiệp. Nghiệp là một hành động có tác ý, khi ta khởi tâm lên ta suy nghĩ là tạo ra nghiệp.

Đức Phật nói với ngài A Nan: “*Nếu khi khởi tâm suy nghĩ thì chẳng phải là tâm người*”. Ngài A Nan hỏi vậy

thì cái đấy gọi là gì? Đức Thế Tôn nói ấy là vọng tưởng của tiền trần, tức là biểu hiện ra như thế mà thôi, tức là biến tướng. Cái tiền trần biến dịch, biến tướng ra như thế, mê hoặc chơn tánh. Cái chơn tánh là bất sanh bất diệt, là như thế mà chúng ta cứ làm những biến tướng như vậy. Chúng ta làm nói là cái biết, chúng ta nhận giặc làm con, cho nên mới bị luân chuyển trong ba cõi sáu đường.

Ngài A Nan lại tiếp tục hỏi Phật: *“Bạch Thế Tôn, Con là em của Phật, vì mến Phật nên xuất gia. Tâm con chẳng những cúng dường Như Lai mà còn muốn trải khắp hằng xa quốc độ phụng sự chư Phật và thiện tri thức, phát tâm dũng mãnh làm những phận sự khó làm đều dùng tâm này, dấu cho bán pháp bỏ hẳn thiện căn cũng vì tâm này. Nếu Thế Tôn phát minh cái ấy chẳng phải là tâm, vậy con thành ra không có tâm, giống như là gỗ, là đất, lìa giác tri thì chẳng còn gì cả. Sao Như Lai lại nói cái ấy chẳng phải là tâm? Con thật ra kinh sợ và cả đại chúng đều khởi nghi hoặc, mong Thế Tôn rủ lòng từ bi khai thị”*. Tức là tướng tiền trần thanh tịnh là tâm, cho nên chấp vào đấy. Và ngài A Nan nói rằng: *“Từ xưa đến giờ con phát nguyện làm hết mọi việc mà chỉ có một cái là vì khởi tâm lên ưa thích, suy nghĩ mới làm được cái việc ấy, vì con làm cúng dường pháp, cúng*

dường chư tăng, vì con suy nghĩ rằng làm như thế là tốt. Con làm hết tất cả, phụng sự chư Phật, làm những việc khó làm. Việc khó làm, người ta mắng chửi, cũng vẫn hoan hỷ, không khởi tâm phiền não. Con làm được hết. Mà nhờ cái chỗ con suy nghĩ phải làm như thế mới đúng pháp, mà nay Đức Thế Tôn nói những điều suy nghĩ ấy đều không phải là tâm thì thành thử ra con làm những việc ấy chẳng khác nào là gõ đá, là không có tâm hay sao? Cho nên xin Đức Thế Tôn rủ lòng từ bi nói cho biết”.

Đức Thế Tôn muốn cho A Nan và đại chúng đều được chứng nhập vô sanh pháp nhẫn cho nên xoa đầu A Nan khai thị. Tại sao lại phải xoa đầu? Tại vì biết rằng A Nan hoảng hốt, cho nên xoa đầu để cho dịu bớt, để tạo sự chú ý. Học pháp không nên khởi tâm tham học, đừng mong cầu, cứ tự nhiên mà học thôi, từ từ học. Còn khởi tâm mong cầu và tham học cũng là sai, tại vì tâm đó là tâm tham.

Bấy giờ Thế Tôn nói: “*Như Lai thường nói chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện*”. Duy tâm sở hiện, từ tâm mà ra. Tất cả nhân quả thế giới vi trần đều do tâm này thành, có thể tánh. “*A Nan, tất cả sự vật trên thế gian cho đến cỏ lá, chỉ mảnh, cứu xét nội cốc đều có thể tánh, dầu cho hư không cũng có danh hiệu, huống là cái tánh trong*

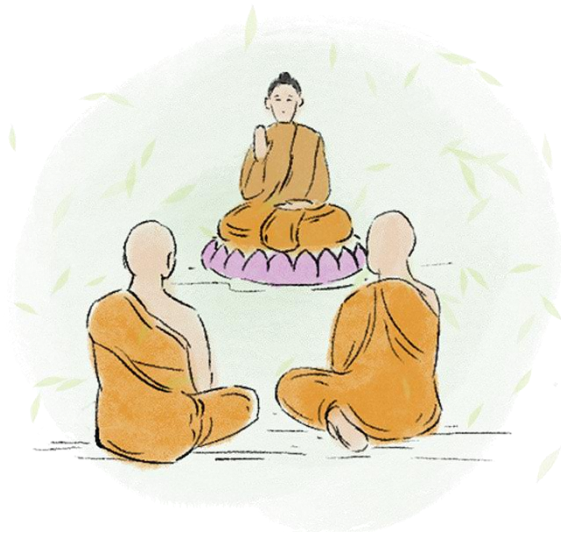
sạch sáng tỏ của cái tâm lại chẳng có tự thể hay sao? Có nghĩa là tất cả các vật đều có cái tên, đều có cái tánh, hà huống gì cái tánh biết của ta lại không có một cái gì kết cấu nó hay sao? Nếu người chấp thật cái tánh giác tri phân biệt cho là tâm thì tâm này phải là tất cả các sự vật lục trần chẳng có tự thể”.

Nếu có suy nghĩ nói rằng có tâm thì có đối tượng? Hễ có đối tượng có suy nghĩ. Mà hễ có đối tượng thì suy nghĩ ấy chạy theo cảnh. Bởi vậy trong kinh Pháp Cú phẩm Ngàn Đức Thế Tôn mới dạy cho Ông Bahiya: “*Trong cái sự hiểu biết chỉ có cái hiểu biết*”, là như thế đó. Tức là theo cảnh, phan duyên cho nên những cái ấy không thể là tâm.

Rồi Đức Thế Tôn lại nói tiếp: “*Như người hiện nay đang nghe thuyết pháp là do âm thanh nên có phân biệt. Nghe âm thanh nên có phân biệt có tiếng cao, tiếng thấp, tiếng khó nghe, tiếng dễ nghe, tiếng trầm, tiếng bổng cho nên do âm thanh nên khởi sự phân biệt. Dầu cho diệt hết tất cả kiến văn giác tri giữa u nhàn cũng còn bóng phân biệt của pháp trần*”.

Dù bạn có tu tập để diệt hết tất cả các kiến văn giác tri (tức là những điều hiểu biết của ta ngoài thế gian), nghe nói rồi khởi tâm phân biệt nói “ông đó nói sai, ông

đó nói đúng, ông đó nói hay, ông đó nói dở, ông đó nói đúng kinh”, tất cả những điều ấy đều là tiền trần, bóng dáng phân biệt của tiền trần, không có thật. Còn nếu bạn nghe chỉ là nghe thôi, không khởi tâm phân biệt thì cái ấy mới chính là bản thể thanh tịnh. Còn nếu bạn khởi tâm phân biệt: “À, không biết ông nói vậy là ý sao? Không biết ông nói vậy đúng hay không”? Tất cả những cái ấy đều bị kẹt, kẹt ở chỗ là bạn đi theo cái phân biệt của pháp trần, có nghĩa là bạn đi theo tướng biến dịch của tiền trần. Dầu là bạn có buông bỏ hết tất cả những kiến thức ở ngoài đời người ta nói thế này thế kia, lắng nghe, nghe âm thanh, buông hết đi, cũng vẫn còn muốn phân biệt của pháp trần. Tại vì còn phân biệt là ông này nói đúng hay nói không đúng, nói hay hay nói dở. Nghe thì nghe, đừng khởi tâm phân biệt, đừng mong cầu, thanh thản thì đấy mới thật sự là bản thể thanh tịnh của ta. Còn nghe mà khởi tâm lên ưa thích hay là không muốn nghe hay là chê bai hay là nói trúng, sai, tất cả những cái ấy là phân biệt, mà hễ có khởi tâm phân biệt là mặt na thức, huyền không thực.



Đức Thế Tôn lại nói tiếp: *“Ta chẳng bảo người chấp thật phi tâm nhưng người hãy suy xét nơi tâm. Nếu lìa tiền trần mà có thể tự tánh phân biệt tức là chơn tâm”*. Không phải Đức Thế Tôn nói buông bỏ cái chấp ấy là phi tâm mà hãy suy kỹ nơi tâm. Nếu lìa cái tiền trần tự thể của tánh phân biệt, tức là chơn tâm. Có nghĩa là nếu con chó đi ngang thì tấm gương thấy rõ ràng con chó, không có suy nghĩ. Con chó đi mất thì tấm gương cũng không vướng cái bóng của con chó.

*Nhạn quá trường giang
Bóng trâm hàn thủy
Nhạn vô di ảnh chi ý
Thủy vô di ảnh chi tâm*
(Hương Hải Thiền Sư - Thời Lê)

Tạm dịch:

*Nhạn bay qua sông, bóng in đáy nước.
Nhạn không có ý để lại hình bóng trên nước và nước
cũng không lưu ảnh nhạn vào tâm.*

Nhạn quá trường giang phi lạc ảnh. Con chim bay ngang dòng sông. Nó không có ý muốn lưu bóng trên dòng sông. Chẳng qua vô tình đủ nhân duyên có ánh sáng thì bóng của nó rớt trên dòng sông. Và dòng sông đó cũng không có ý lưu bóng của con chim. Chẳng qua đủ nhân duyên có ánh nắng thì bóng của con chim rớt trên dòng sông. Và khi con chim bay đi rồi thì dòng sông cũng trở lại y như cũ. Nó không giữ lại bóng của con chim. Cái ấy mới là căn bản, chân tâm, bản thể thanh tịnh. Còn hề có một cái gì để cho ta suy nghĩ thì cái ấy không phải chân tâm. Cái ấy là tiền trần và biến tướng, giống như sóng, có lúc lên, có lúc xuống, có lúc có gió thì có sóng, không có gió thì không sóng, mà không có sóng thì không phải là thanh tịnh, chẳng qua là chưa có gió.

Phật mới bảo A Nan: “*Tất cả người tu học trên thế gian vì chưa dirt sạch tập khí phiền não, dù đã tu đến chín bậc thiền định chẳng thành chánh quả đều do chấp trước sanh tử vọng tưởng cho là chân thật*”. Do chấp trước sanh tử vọng tưởng là chân thật. Nói sanh tử, vọng tưởng là chân thật, cho nên người dẫu học rộng nghe nhiều mà không thành chánh quả. Học rộng nghe nhiều tức là đem những cái của thế gian vào làm cái riêng, cho nên không thành chánh quả. Do chấp trước sanh tử vọng tưởng (tức là tiền trần biến dịch) mà cho rằng là thật, cái đó là tánh chân thật và vì chấp như vậy cho nên nhận giặc làm con.

Trong kinh A Di Đà có câu: “*Dẫu đến một niệm mà nhất tâm bất loạn thì sẽ về cõi Cực Lạc*”. Nhất tâm bất loạn là chìa khóa mà nhấn đến một niệm nhất tâm bất loạn. Hai vế nó có đối nghịch với nhau không? Nó là biến dịch thôi. Nếu bạn chấp là có đối nghịch ngay. Nếu có một niệm thì làm sao có nhất tâm bất loạn? Nhất tâm bất loạn là vô niệm, là không một niệm nào. Mà nói nhất tâm bất loạn mà nói một niệm tức là nói tá danh, nói như thế thôi chứ thật sự ra không như thế. Cũng như Phật hỏi ngài A Nan bảy lần là hỏi để phá chấp, chứ lời của Phật cũng không thật mà câu hỏi của ngài A Nan cũng không thật. Nếu bạn chấp là bạn kẹt, mà nếu bạn nói không

chấp là bạn cũng kẹt luôn, tại vì bạn đang chấp cái không chấp.

Nghe như vậy ngài A Nan đau xót rơi lệ quì gối chấp tay bạch Phật: *“Từ khi con phát tâm xuất gia, ý cạnh oai thần của Phật, thường nghĩ rằng chẳng nhọc tự tu mà cho rằng Như Lai sẽ ban cho tam muội (tức là ban cho trí tuệ), không biết thân tâm vốn chẳng thể thay thế nhau nên lạc mất bản tâm, thân dù xuất gia mà tâm chẳng nhập đạo. Như đứa con nghèo bỏ cha chạy trốn, đến nay mới biết dấu cho học rộng nghe nhiều nếu chẳng tu hành thì chẳng khác gì người chẳng nghe, cũng như nói ăn mà không ăn thì làm sao no”*.

Chúng ta hàng ngày bị huân tập không phát hiện ra được. Chúng ta cứ ngỡ rằng những điều chúng ta thấy, nghe, sự suy nghĩ tạo ra sự hiểu biết rồi nói rằng sự hiểu biết ấy là tánh biết. Cái tánh của con mắt, tánh thấy, tánh nghe. Nghe phát hiện ra thì là có suy nghĩ, suy nghĩ rồi đưa vào thức rồi nói rằng là tánh nghe, tánh thấy là như thế. Nhưng đây là vọng tưởng điên đảo, đều là tiền trần biến dịch tức là biến tướng của tiền trần. Mà hễ biến tướng của tiền trần thì cái ấy là phan duyên, cái ấy là không thật, có sanh có diệt. Mà những cái gì có sanh có diệt đều không phải là tự tánh, đều không phải là chơn tâm thường trụ. Tự ta quán chiếu tâm của ta để biết rằng

tâm ấy là thật hay tâm ấy là giả. Nếu có suy nghĩ thì ngay lập tức chỗ ấy là giả, chỗ ấy là giả tại vì phan duyên, chỗ ấy không phải là tâm.

PHẬT PHÁP VẤN ĐÁP

Câu hỏi: Xin cho biết làm sao để biết tâm vọng tưởng?

Trả lời: Nói tới cái tâm vọng tưởng thì đương nhiên là có sự phản nghịch của ngôn từ. Tiếng Anh gọi là contradiction in terms, tức là vọng tưởng thì không phải là tâm. Vì tâm phan duyên cho nên mới có vọng tưởng, là biến dịch cái tướng của nó. Cho nên nói tâm vọng tưởng thì đương nhiên có hai cái đối nghịch với nhau. Nhưng thật sự có nghĩa là tâm phan duyên. Làm sao để biết tâm phan duyên. Khi nào tự biết rằng tâm đang lăng xăng, tâm đang suy nghĩ những chuyện linh tinh không định, không ngừng lại?

Thế Tôn đã dạy phép quán chiếu như thế này: “*Nếu người hành giả luôn luôn trong từng sát-na quán chiếu cái tâm của ta: Khi một niệm sanh biết nó sanh. Khi một niệm diệt biết nó diệt. Nếu niệm hỷ sanh biết cái niệm hỷ vừa sanh. Nếu niệm hỷ diệt biết niệm hỷ vừa diệt*”. Chỉ bằng một cách ấy thì rất thù thắng. Đức Thế Tôn nói

cách đây sẽ đưa người hành giả tới nơi tới chốn. Trước khi chết biết ta chết. Và trước khi chết biết ta sẽ chết đi về đâu, tự ta chọn. Cái gọi là tâm thật sự ra không phải chọn tâm thường trụ, mà chỉ là những vọng tâm điên đảo. Chạy theo huân tập tạo ra nghiệp và dẫn chúng ta đi trong sinh tử luân hồi, ba cõi sáu đường cứ thế cho tới khi nào ta đứng lại thì tất cả những cái đó tan hết.

Đức Thế Tôn nói: *“Trong từng sát-na nên luôn luôn quán chiếu và không ngưng nghỉ”*. Tức là luôn luôn quán chiếu trong tâm. Nếu một niệm sanh biết nó sanh, một niệm sân sanh ra biết niệm sân ấy vừa sanh, niệm sân vừa diệt thì biết niệm sân ấy vừa diệt, bằng cách ấy là thù thắng. Đức Thế Tôn cũng thế, ngài ngồi 49 ngày dưới gốc cây bồ đề khi ngài chứng đắc thì ngài nói sao? Câu đầu tiên Ngài nói: *“Kể từ nay kiếp này là kiếp chót. Kể từ nay ta không còn tái sanh vào trong cõi này nữa. Ta không còn bị nghiệp lực chi phối. Ta đã thấy rõ mặt mũi chơn tướng của nghiệp. Cột kèo, đòn, giông đã gãy đổ hết. Ngươi không thể nào xây dựng được cái nhà nữa”*.

Vậy Đức Thế Tôn đang nói về cái gì? Nói về cái nghiệp. Đức Thế Tôn sanh tử ở trong bao nhiêu kiếp chắc chắn đều có tạo nhân, tạo quả, tại sao tới giờ chót khi trí tuệ phát hiện ra thì tất cả các niệm đều không sanh nữa, đều

ngừng bật hết? Rồi Đức Thế Tôn lại nói: “*Kể từ nay ta không còn tái sanh nữa tại vì nghiệp ta đã thấy rõ nhà ngươi*”. Cái đó là thứ nhất.

Thứ nhì, ngài Vô Não giết 999 người, thiếu có một người. Đức Thế Tôn thị hiện ra trước mặt cho ông thấy. Ngài Vô Não rượt theo, đòi xin cái tai. Đức Thế Tôn cứ đi từ từ, nhưng Ngài thị hiện thần thông cho nên Vô Não đuổi theo không kịp. Vô Não nói: “*Này Cò Đàm, hãy đứng lại*”. Đức Thế Tôn nói: “*Ta đã ngừng lại từ lâu*”. Cái dừng ấy là cái gì? Có phải dừng cái thân không? hay dừng cái đi? Không, chính là dừng cái ý. Tức là không có khởi lên một ý niệm nào nữa, ý đã dừng bật rồi. Đức Thế Tôn có Phật nhãn biết ông Vô Não chỉ có một chút đó thôi là ông sẽ giác ngộ, cho nên Ngài chỉ cho ông, ông giác ngộ liền. Ngay khi nghe được câu ấy lập tức ông quỳ xuống đánh lễ.

Trong kinh A Di Đà cũng nói thế: “*Một niệm không sanh nhất tâm bất loạn*”, tức là một niệm không sanh. Mà một niệm không sanh thì trí tuệ phát sinh. Như mây và mặt trăng. Mây che ngang mặt trăng, chứ mặt trăng lúc nào cũng sáng. Cái bản thể thanh tịnh lúc nào cũng sáng, chẳng qua bị đám mây che. Mây đó là mây tham, sân, si, mây vọng tưởng điên đảo đủ các thứ. Khi ngừng tất cả những đám mây đó rồi không còn bay ngang nữa thì

đương nhiên mặt trăng sáng vẫn sáng thôi. Cái bản thể thanh tịnh, chơn như tam muội hay bản lai diện mục hay là Phật tánh sáng vằng vặc không thay đổi. Nó không sanh không diệt mà ở trong mỗi người đều có.

Thế chúng ta tu cái gì? Chúng ta đang tu cái gọi là tham, sân, si. Thế thì tham, sân, si có thật không? Nó là duyên sanh cho nên là huyễn.

Câu hỏi: Nước có nhớ hay không?

Trả lời: Đức Thế Tôn đã dạy là vạn pháp đều có đồng một tánh. Có nghĩa là sao? Kể cả nước cũng đồng một tánh. Nước cũng là một pháp thì cũng là đồng một tánh. Nó cũng giống như ta thôi. Nó cũng nhớ và cũng bị ảnh hưởng. Ở bên Nhật người ta đã chứng minh điều đó nhiều năm nay. Khi người ta cho nước nghe một loại âm nhạc buồn, thì người ta chiếu quang tuyến vào màu kết tinh rất là u ám. Nhưng nếu cho nhạc vui, cho âm thanh vui thì kết tinh của nước đẹp đẽ, lóng lánh. Và người ta đã chứng minh như vậy đều như vậy. Tức là đưa một loại âm thanh có tần sóng rung động buồn thì tự nhiên nước kết tinh u ám, không đẹp. Nếu âm nhạc đấy rất hay, vui vẻ, thì nước kết tinh lại rất là đẹp, mà khoa học chứng minh mười lần như mười. Nếu nói rằng một lần

thì nói là ngẫu nhiên, tình cờ còn đây là mười lần như mười.

Đức Thế Tôn đã dạy: “*Trong nước trong có hàng vạn vi trùng, hàng vạn sinh vật trong ấy*”. Cho nên nước có đặc tánh của nó và nước là một pháp mà hễ là một pháp thì đều có pháp tánh.

Ở nơi các vật thì gọi là pháp tánh, ở nơi con người thì gọi là Phật tánh, tức là tánh rộng không, tánh thanh tịnh, tánh lặng lẽ, tánh ghi nhận, đều có hết. Cái tánh ghi nhận, tánh nhớ đều có. Ngay cả như một cây cỏ, một bông hoa ngoài đường nếu chúng ta là người tu, chúng ta khởi tâm từ thì cũng không vô duyên có mà ngắt bỏ một bông hoa, thấy đẹp rồi ngắt bỏ, người chơi rồi bỏ dưới đất như vậy là mang tội. Muốn đem bông hoa đó đi cúng Phật, ngắt bông hoa đó rồi đem chưng trên bàn Phật thì có lý do. Còn nếu không có lý do gì hết mà khởi tâm lên ngắt bông hoa chơi thì đó là phá hoại, đó không phải là tâm từ. Tại vì bông hoa cũng có thụ phấn, thì cũng có sinh sản, cũng có lớn, nó cũng có cảm giác. Cho nên tất cả các pháp đều có một tánh bình đẳng.

Có một ông Tăng tới hỏi ngài Triệu Châu: “*con chó có Phật tánh hay không?*” Ngài Triệu Châu nói: “*không có*”. Tại sao Đức Thế Tôn nói vạn pháp đều có một tánh

bình đẳng mà ngài Triệu Châu lại nói rằng con chó không có Phật tánh. Thế là ông Tăng thắc mắc mới hỏi tại sao lạ vậy? Ngài Thiền sư Triệu Châu mới trả lời: *“Con chó có Phật tánh nhưng vì nghiệp thức che mờ (nghiệp thức che mờ có nghĩa là nghiệp cộng với thức che mờ) cho nên không thấy Phật tánh của nó. Mà nếu không thấy Phật tánh của nó thì có cũng như không”*. Bởi thế là người tu, nếu chúng ta không thấy được Phật tánh mà chạy theo tham, sân, si, chạy theo cảnh thì dù chúng ta có Phật tánh cũng như không thôi. Tại ta không thấy Phật tánh của ta thì cũng như không. Có viên ngọc trong chéo áo giống như trong kinh Pháp Hoa nói, mà làm anh chàng Cùng Tử đi ăn xin.



BÀI 7: BẢN KIẾN BÁT NHỊ, ĐỘNG TỊNH HU' VÔ

Ngài A Nan từ xưa đến nay là đại diện cho chúng sanh, ngài A Nan chấp rằng hễ có vật gì vướng vào con mắt thì lập tức nhìn thấy, rồi suy nghĩ xem vật ấy là cái gì và cứ chấp rằng suy nghĩ ấy là tâm. Đức Phật chỉ cho biết rằng: “*Sai rồi, cái ấy không phải là tâm*”.

Nghĩa là khi chúng ta nhìn thấy một vật - ví dụ như thấy chiếc xe chạy ngang, thì lập tức ta suy nghĩ liền xe ấy là xe Mercedes hay là Toyota hoặc là Honda... suy nghĩ như vậy rồi gọi là tâm.

Thì 7 lần khi Đức Phật hỏi ngài A Nan, ngài ấy đều trả lời không đúng. Câu trả lời đầu tiên, Ngài nói như thế này: “*Bạch Đức Thế Tôn, con ý là em Phật, con ý đa văn; cho nên con không lo tu mà cứ nghĩ là Đức Thế Tôn trước sau gì vì thương con nên Ngài cũng sẽ ban cho con trí tuệ*”.

Thế thì, có bao nhiêu vị cũng có suy nghĩ như thế? Nói rằng, thôi bây giờ con không tu, con chỉ cần tin Phật thôi thì Phật sẽ ban cho con. Hay là bây giờ con cứ ráng đi theo hộ trì Tam Bảo như in kinh, cúng dường chư Tăng, rồi đến khi con chết thì tự nhiên Chư Tăng, Chư

Ni tụng niệm cho con và con được vãng sanh tịnh độ; con chẳng cần phải tu.

Ngài A Nan nói rằng con đi tu vì thấy Đức Thế Tôn có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, cho nên khởi tâm ưa thích mà đi tu. Ngài ấy đi tu chẳng qua là vì mê mẩn theo tiền trần, tức là mê mẩn theo bóng dáng của tiền trần - là 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp; tức là cảnh, tượng trưng cho cảnh.

Trong kinh Bát Nhã, Đức Thế Tôn đã hỏi ngài Tu Bồ Đề: “*Như Lai có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp hay không?*”. Thì ngài Tu Bồ Đề nói là: “*Không*”. Tại vì nếu lấy con mắt phàm phu để thấy Đức Thế Tôn có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp; thì ấy là sai. Tại vì, chẳng qua duyên sanh mà có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Hễ cái gì do duyên sanh thì như huyễn; là không thực; là như hoa đóm trong hư không; chẳng qua con mắt bị nhặm nên mới thấy hoa đóm. Nếu chữa con mắt hết nhặm là hết hoa đóm; có thể thôi.

Cho nên, bệnh có hoa đóm không phải là do trên chân không có hoa đóm, mà lỗi tại con mắt. Cũng như thế, khi Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan: “*Ông lấy cái gì để mà nhìn ra 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp*”; trong tâm khởi lên ưa thích Đức Thế Tôn, cho nên ông đi tu; vậy thì tâm ấy nằm ở chỗ nào?

Đức Thế Tôn hỏi như thế là để phá chấp; ngài A Nan chấp có con mắt để nhìn thấy, thứ nhì là có tâm. Khi con mắt nhìn thấy thì tâm khởi lên ưa thích và vì khởi lên ưa thích nên mới đi tu; cho nên Đức Thế Tôn muốn chỉ thẳng cho trực tâm. Những điều mà ngài A Nan suy nghĩ đều là giả, đều sai. Bởi thế, những điều mà Đức Thế Tôn gặng hỏi ngài A Nan trong 7 lần; những điều ấy cũng là giả luôn. Tại vì nó là duyên sanh, có duyên sự của ngài A Nan do không rõ được tâm tánh; cho nên, Đức Thế Tôn hỏi như thế thôi.

Nếu chấp vào lời của Đức Thế Tôn vặn hỏi ngài A Nan ấy là chân lý, là đã phụ lòng Đức Thế Tôn. Đức Phật chỉ muốn chỉ cho ngài A Nan thấy bản tánh chân thật; 07 lần hỏi thì ngài A Nan đều trả lời lòng vòng. Lúc thì nói tâm ở trong; lúc thì nói tâm ở ngoài. Rồi cho tới cuối cùng, ngài A Nan nói rằng: *“Vì nhìn thấy cho nên mới suy nghĩ và suy nghĩ ấy là tâm”*. Thì Phật dạy liền: *“Sai rồi A Nan, cái đấy không phải là tâm của người”*. Tức là không đúng; mà từ xưa đến giờ, ngài A Nan đều suy nghĩ như thế; là tại vì nói nếu con có suy nghĩ thì con mới ham thích đi tu. Nếu không có suy nghĩ thì ưa thích ở chỗ nào?

Ở trong Pháp Bảo Đàn Kinh; ngài Huyền Giác tới hỏi ngài Huệ Năng là ý phân biệt và khi ngài Huệ Năng hỏi:

“*Phân biệt mà cũng có ý sao?*”. Thì ngài Huyền Giác đáp: “*Phân biệt cũng chẳng phải ý*”.

Nếu không có ý thì làm sao phân biệt. Phân biệt cũng không phải ý; tức là dùng cái ý khởi lên phân biệt, thì ở ngay chỗ đó là có trái, có phải, có đúng, có sai. Mà nếu có khởi ý phân biệt thì cái ý ấy là gì? Cái ý tức là Pháp trần. Tiền trần là những cái bên ngoài, chẳng hạn như cái máy; thành thử ra bạn nghe âm thanh ấy thì cái gì làm cho bạn nghe được? Có phải lỗ tai không? Sai rồi, nếu như vậy người chết cũng có lỗ tai sao họ không nghe được? Âm thanh va chạm vào màng nhĩ, màng nhĩ có hệ thống dây thần kinh nối lên não, ở trên bộ não có 1 trung khu thần kinh thính giác, trung khu lưu trữ các tài liệu nghe. Trung khu ấy phân tích ra; âm thanh này là như thế... a, b, c, sắc huyền hồi ngã... và nối kết lại, nó có cái phân biệt rất là nhanh, nhanh hơn cả máy vi tính nữa. Nó phân biệt nên biết được ý nghĩa của từng câu như thế nào, ráp lại có ý nghĩa như thế nào. Bộ não của chúng ta có tác dụng như thế. Vậy thì, lỗ tai không nghe được; bộ não có trung khu thần kinh thính giác đây là nơi lưu trữ dữ liệu của các cái nghe. Từ nhỏ tới lớn ta đã được nghe nhiều thứ rồi, cho nên ta nghe là ta nhận diện được liền.

Nghe Sư nói: “*Bản kiến bất nhị. Động tịnh hư vô*” thì lập tức biết ngay bản là chữ bản; bất nhị là không hai. Tại sao như thế? Tại vì ta được nhồi sọ từ nhỏ đến lớn; kể cả chữ bất nhị cũng được nhồi sọ ở trong chùa rất lâu rồi. Bạn đọc kinh sách, nghe chữ bất nhị là không hai; đi chùa quý Thầy nói bất nhị là không hai; đạo hữu cùng tu học cũng nói bất nhị là không hai; có nghĩa là ta bị nhồi sọ phải không? Ta bị nhồi sọ từ nhỏ tới lớn; mà ta cũng chẳng hiểu bất nhị là cái gì? Rồi bây giờ, hễ nói tới bất nhị thì ta biết đó là một; bất nhị là chân lý. Chân lý bất nhị; chân lý là không hai.

Ví dụ: Bây giờ bạn lấy lửa, chích vào trong tay ta thì phỏng liền phải không? Vậy là do lửa. Lửa thì nóng là chân lý; hễ nói tới lửa thì phải nói là lửa nóng. Không sai vì nó là chân lý. Còn cái gọi là phương tiện để hiểu được là nóng thì cái đó chỉ là phương tiện mà thôi. Bây giờ nói lửa nóng thì ai hiểu được; nếu không bị phỏng thì làm sao biết được. Cũng như nói điện, có ai nhìn thấy điện không? Không nhìn thấy điện, nhưng nhìn thấy cái biểu hiện của điện. Tức là nhìn thấy cái gì? Tức là ánh sáng, cái quạt khi cắm điện vào cái quạt quay, cái máy lạnh chạy, đèn sáng...thì nhìn thấy biểu hiện của nó phát ra thôi chứ ta không nhìn thấy điện.

Cũng như thế, cái mà chúng ta nghĩ rằng cái tánh biết của ta, giống như điện vậy. Nó không thấy được nhưng mà biểu hiện ra giống như quạt quay, máy lạnh chạy... Sắc, thanh, hương, vật ở bên ngoài như con chó, con mèo... Ta nhìn thấy thì lập tức ta khởi lên ý phân biệt là con chó này màu đen, màu trắng, đại khái như vậy gọi là cái biết.

Nhưng mà cái thấy biết theo thức; tức là đã được huấn tập. Đó gọi là kiến văn giác trí, ở trong đó đầu là ta có tu để mà bỏ hết những cái đó đi; thì vẫn còn bóng dáng của tiền trần; tại vì ăn sâu vào trong tâm khảm. Giống như bạn lấy cây đinh đóng vào cây cột, rồi bạn nhổ cây đinh ra thì lỗ đinh vẫn còn lưu lại trên cây cột đó. Nghĩa là ở trong thâm kín, sâu xa trong tâm khảm của ta, TA vẫn còn trong đấy.

Cho nên, có ông Thiền sư đến gặp ông Thiền sư khác vì nghe nói ông này tu cao, tu lâu lắm rồi. Ông mới nói 1 câu như thế này: *“Không ngờ bây giờ là Ngài tu cao thâm, nhất niệm đều không sanh và hoàn toàn là tịch lặng. Vì diệu thay, xin tán thán”*. Ông Thiền sư khi nghe thì cũng chẳng lộ ra sắc mặt nhưng mà mũi thì hơi nhỉnh một chút; điều đó vì tế là như thế, rất là nhỏ; gọi là bóng dáng tiền trần. Vì nơi các cảnh bên ngoài mà có những ý thức - biết. Chẳng hạn như ánh sáng, màu, thì những

cái ấy gọi là kiến văn giác; những cái biết ấy đều là biết do sự phân biệt của bên ngoài; mà hề biết do sự phân biệt ở bên ngoài thì giống như cây đình đóng trên cột, dù nhỏ ra rồi nhưng vẫn còn sót lại lỗ đình; bóng dáng của tiền trần. Khi ta đã dẹp nó hết rồi; tức là ta trú vào cái gì đấy để ta dẹp nó đi, làm ta đã được an tịnh. Nhưng mà trên thực chất, còn có bóng dáng của nó.

Ví dụ như bây giờ bạn niệm Phật, niệm lục tự Di Đà “*Nam mô A Di Đà Phật*”. Bạn nói niệm để dẹp trừ lăng xăng, phiền ão nhưng mà thử xem niệm được bao nhiêu câu thì tâm định; hay chỉ niệm được vài câu thôi thì vọng tưởng xuất hiện và chen vào liền? Nếu tu theo pháp môn Thiền thì đếm hơi thở: rồi có nhiều khi cố tình đếm hơi thở của ta, đếm từ 1 đến 10. Tức là khi bạn sử dụng phương tiện thì trong ấy có bóng dáng của tiền trần; còn dính mắc tới cảnh. Giống như cây đình đóng vào cột, dù đã nhỏ cây đình ra rồi thì cột vẫn lưu lại lỗ đình; tức là vết tích của nó. Ta có muốn dẹp nó đi nhưng chẳng qua là phương tiện thôi, phân biệt nhưng là pháp trần; là trong ý của ta có phân biệt, có suy nghĩ. Cái phân biệt ấy, tạo nên một vết hằn hoặc là dấu tích ở trong tâm thức của ta; ta nghĩ cái ấy là tánh biết.

Nhưng cái ấy có phải là tánh biết hay không hay là cái ấy là sự tích lũy những thông tin, dữ kiện trong suốt cuộc

sống của ta, từ nhỏ đến lớn. Giống như ví dụ về bông hồng. Từ nhỏ mới sinh ra thì bố mẹ bảo đấy là bông hồng; khi đi học thì thầy cô giáo nói đấy là bông hồng; chơi với bạn bè thì cũng gọi đó là bông hồng; khi lớn lên muốn tặng hoa cho người yêu cũng tặng cho người yêu bông hồng vì bông hồng tượng trưng cho tình yêu. Tại sao bông hồng lại tượng trưng cho tình yêu mà không phải là bông khác? Nếu nói rằng bông hồng tượng trưng cho tình yêu, như vậy có phải là quy ước của thế gian không?



Đó là quy ước của thế gian để khởi lên sự phân biệt thì tất cả những dữ kiện, những dữ liệu ấy trữ ở trong đầu của chúng ta; cái ấy gọi là tiền trần - cái biết có phân biệt; rồi cái ý ưa thích hay không ưa thích cũng lưu trữ

lại gọi là pháp trần. Hai cái này đều giao thoa với nhau; mà thực sự ra bông hồng cũng không phải là bông hồng. Bông hồng là tất cả các màu, ngoại trừ màu đỏ; tại vì chùm ánh sáng trắng, năng lượng bị giữ lại ở trong vật thể của bông hồng ấy và chỉ có 1 màu không giữ lại, mà màu này phản chiếu vào võng mạc của con mắt nên mới nhận diện ra được; thì màu ấy là màu đỏ. Cho nên, thực chất về khoa học, về vật lý thì bông hồng không phải là màu đỏ; mà là tất cả các màu, ngoại trừ màu đỏ nhưng chấp rằng là màu đỏ. Tại vì từ nhỏ đến lớn, ta được nhồi sọ như vậy.

Ý gọi là pháp trần, phân biệt của pháp trần. Cho nên, tiền trần và pháp trần là cảnh và ý, ý là tự bên trong ta, nhưng nói thật sự ra nói bên trong thì cũng không đúng. Tại vì ý này đều được huân tập từ cảnh bên ngoài, đối cảnh cho nên mới có ý. Thế thì ý gọi là tiền trần hay là pháp trần, chỉ là mượn danh từ để mà gọi thôi. Đối với ngũ căn thì gọi là tiền trần - mắt, tai, mũi, lưỡi... nhìn cảnh; còn đối với ý căn thì gọi là pháp trần, có thể thôi.

Đức Thế Tôn nói rằng: *“Nhu người hiện nay đang nghe thuyết pháp là do âm thanh nên có phân biệt, dấu cho diệt hết tất cả kiến văn giác chi, giữ trong u nhân cũng còn là bóng của phân biệt của tiền trần, bóng phân biệt của tiền trần hay của pháp trần thì cũng y như vậy”*;

nghĩa là có ý. Ngài A Nan không hiểu. Đức Thế Tôn mới nói như thế này: “*Nay Ta vì người dựng Đại Pháp Tràng, khiến 10 phương chúng sanh đều được diệu tâm sáng tỏ, pháp nhãn thanh tịnh*”.

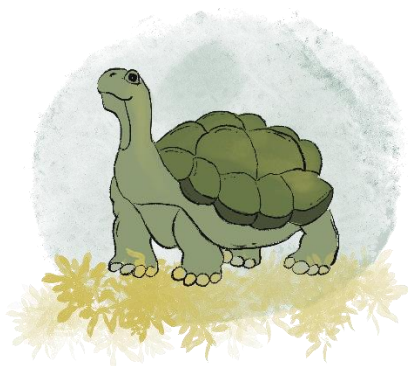
Đức Thế Tôn vì ngài A Nan (ngài A Nan là đại diện cho chúng ta, tức là chúng sanh, những con người đa văn mà kiến chấp. Chấp rằng những điều ta biết là đúng và ham học); trong kinh Pháp Hoa có nói giống như anh chàng Cùng Tử có viên ngọc ở trong ché áo mà không biết nên cứ đi ăn xin; đi ăn xin trí tuệ cũng là đi ăn xin.

Anh chàng Cùng Tử có viên ngọc ở trong ché áo; có nghĩa là không quay lại trong tâm quán chiếu tâm của ta, xem nó sanh sanh diệt diệt như thế nào; nếu thấy được tự tánh thì tự nhiên thông suốt hết. Hay như ngài Huệ Năng, chỉ nghe được câu: “*Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*”, tức là khi buông hết rồi, không dính mắc một cái gì cả thì tự nhiên tâm Phật hiển lộ ra. Cái ấy mới là tâm Phật vì nó thường trụ, trong sáng, có mãi không mất, không sanh không diệt; còn cái mà có lúc thấy lúc không thì có sanh có diệt; ấy gọi là tiền trần hay pháp trần.

Tiền trần là theo căn, tức là theo cảnh, bị cảnh đối cảnh, mới sanh ra. Pháp trần là theo ý, theo ý của ta. Cho nên, là người tu học nên để dành nhiều thời giờ quay trở

lại quán chiếu ở trong tâm của ta vì trong tâm của ta mới là quan trọng. Thế giới này có ý nghĩa gì đâu nếu khi chúng ta nằm xuống, khi chúng ta chết rồi thì thế giới này cũng vô nghĩa đối với chúng ta; có thêm chúng ta cũng không có ích lợi, mà mất chúng ta thì thế giới vẫn xoay.

Đức Thế Tôn dạy ngài A Nan rằng: *“Con rùa mù 500 năm ở dưới đáy biển mới trôi đầu lên mặt biển 1 lần, rồi tìm bông cây trôi nổi trên mặt biển để chui vào”*.



Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan: *“Việc đó có khó không?”* Ngài A Nan đáp: *“Việc đó rất khó, khó vô cùng”*. Đức Thế Tôn lại nói: *“Như vậy nó chưa khó bằng việc được mang kiếp người”*.

Chúng ta ở đây đã tu không biết bao nhiêu kiếp rồi, bây giờ được mang thân người; rồi lại không đi tìm tâm,

để giải quyết vấn đề sanh tử; lại chạy lằng xằng tìm chỗ này chỗ kia... đại khái gọi là kiến thức thế gian; để làm chi? Để thỏa mãn kiến thức thế gian thì cũng giống như ngài A Nan.

Ngài A Nan do mắt nhìn thấy Đức Thế Tôn có 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp nên khởi tâm ưa thích đi tu. Có nghĩa là ngài A Nan cũng chạy theo tiền trần, chạy theo cảnh; thấy bên ngoài có cảnh đẹp nên chạy theo. Cảnh đó là 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp của Đức Thế Tôn; nên khởi tâm đi tu vì cảnh; chứ không phải đi tu vì muốn giải thoát sanh tử.

Như chúng ta chạy hết đạo tràng này đến đạo tràng khác, từ chùa này sang chùa kia; nói rằng chùa này linh, chùa kia không linh; nói thầy này nói không liễu nghĩa tìm thầy khác..., không có thầy nào nói liễu nghĩa được. Liễu nghĩa hay không là do tự tâm của bạn thôi; vì trong tâm đã có Phật; ta không kiếm ông Phật ở trong tâm ta mà chạy đi kiếm ông Phật ở bên ngoài. Cho nên, bạn phải tự tu thôi; tự ta phải tìm ra tâm của ta.

Đức Thế Tôn cũng vậy; Phật chỉ cho ngài A Nan biết tâm, tự ngài A Nan ngộ ra tâm; Đức Thế Tôn cũng không làm sao để cho ngài A Nan ngộ được; không thể nào ban cho trí tuệ được. Ngài A Nan cứ nói: “*Con là em Phật,*

thị giả của Phật thì con nghĩ là trước sau gì Đức Thế Tôn cũng ban cho con trí tuệ; cho nên chẳng cần tu”.

Thứ nhất đi tu là vì cảnh, chứ không phải vì phát nguyện để thoát ly sanh tử. Thứ nhì là ý là đa văn, ý em Phật, thị giả của Phật và nghĩ rằng trước sau gì Đức Thế Tôn cũng ban cho trí tuệ; cho nên chẳng cần tu. Ngài A Nan là đại diện cho chúng ta đây. Chúng ta cũng thế, bây giờ nghĩ làm theo lời Phật dạy bố thí, đem tiền đi cúng dường chùa này chùa kia, rồi in kinh, rồi đọc kinh gõ mõ thì trước sau gì cũng về cõi Tịnh Độ. Cõi Tịnh Độ đến 10 muôn dặm quốc độ, xa lắm. Ngài Xá Lợi Phất khởi tâm muốn dùng thần thông đến đánh lễ Phật A Di Đà mà không đánh lễ được; hà huống gì chúng ta.

Tại sao ngài Xá Lợi Phất muốn đi đánh lễ mà không đến được? Tại vì, ngài Xá Lợi Phất là đại diện cho trí của thế gian; biện luận của thế gian; chứ không phải căn bản trí. Mà nếu không thấy được căn bản trí thì đường vào đạo còn xa; biết Phật Pháp cho nhiều nhưng mà đường vào đạo còn xa.

Đức Thế Tôn nói: *“Nay Ta vì người dựng Đại Pháp tràng khiến 10 phương chúng sanh đều được diệu tâm sáng tỏ, pháp nhãn thanh tịnh. A Nan trước người trả lời, thấy nắm tay chói sáng. Vậy (1) nắm tay này do đâu*

mà có, (2) làm sao thành nắm tay; (3) người lấy gì để thấy?”

Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan 3 điều như vậy; thì ngài A Nan đáp: “Do tánh thanh tịnh sáng ngời như núi báu của thân Phật sanh ra hào quang, ngón tay Phật co nắm lại thành nắm tay, chính mắt con thấy tướng”. Nghĩa là nói rằng nắm tay là do các ngón nắm lại và con mắt thì thấy rõ ràng như thế.

Đức Phật lại bảo: “Hôm nay, Ta nói thật cho nghe; những người có trí cũng phải nhờ ví dụ mới được khai ngộ; tức là nếu không có ví dụ thì cũng không thể nào hiểu được; dầu là có trí đi chăng nữa thì cũng cần có ví dụ. A Nan, ví như tay của Ta nếu chẳng có cánh tay thì chẳng thành nắm tay; nếu chẳng có con mắt của người thì chẳng thành sự thấy của người. Vậy lấy nhãn căn của người so với nắm tay của Ta, 2 nghĩa giống nhau chăng?”

Đức Thế Tôn muốn hỏi cái thấy của nắm tay thì lấy cái gì thấy? Ngài A Nan nói là thấy do con mắt, nắm tay là do các ngón tay nắm lại. Đức Thế Tôn nói như thế này: “Nếu chẳng có con mắt của người thì chẳng thành cái sự thấy; mà nếu chẳng có nắm tay thì chẳng thành nắm tay. Vậy thì nếu lấy nhãn căn của người và cái nắm

tay thì 2 nghĩa có giống nhau không”? Tức là có nắm tay và có con mắt thì mới có sự thấy, 2 nghĩa này giống thế không?

Ngài A Nan trả lời: *“Bạch Thế Tôn! Vâng, giống. Nếu chẳng có con mắt thì chẳng thành sự thấy (nếu không có con mắt thì làm sao thành sự thấy?). Vậy đem nhãn căn so với nắm tay của Như Lai thì 2 nghĩa giống nhau”.*

Đức Thế Tôn rầy ngài A Nan: *“Người nói 2 nghĩa giống nhau nghĩa này không đúng; như người có cánh tay thì tuyệt nhiên chẳng có nắm tay; nếu người ấy không có cánh tay thì làm sao có nắm tay; tức là phải có cánh tay thì mới có nắm tay. Còn người không có mắt thì chẳng phải không thấy; người có mắt thì không phải là không thấy. Vì sao, người thử hỏi người mù có thấy chăng? Người ấy sẽ trả lời: Tôi không thấy gì, chỉ thấy mỗi một màu đen”.*

Xét theo nghĩa này tiền trần tự tối, tự sự thấy đâu có giảm bớt; tiền trần tức là con mắt và cảnh bên ngoài, tự nó tối chứ còn sự thấy thì đâu có tối vì người mù cũng thấy là tối đen.

Ngài A Nan lại tiếp lời: *“Những người mù trước mắt chỉ thấy tối đen, sao lại gọi là thấy”? Có nghĩa là ngài A Nan vẫn chưa nhận được tánh thấy.*

Đức Phật lại dạy: “Người mù không có mắt chỉ thấy tối đen, thế thì so với người có mắt ở trong phòng tối đen, không có đèn cũng thấy tối đen. Thế thì 2 thứ tối đen của người có mắt trong phòng tối đó và người mù không có mắt cũng thấy tối đen, có khác hay là chẳng khác”?

Ngài A Nan trả lời: “Bạch Thế Tôn, thực sự cả 2 cái tối đen đó giống y như nhau”.

“Này A Nan, “Nếu người không có mắt, thấy toàn tối đen; rồi bỗng được mắt sáng, liền thấy được các sắc tướng trước mắt thì gọi là mắt thấy. Thế thì, người ở trong phòng tối cũng toàn thấy tối đen, bỗng được đèn sáng lên, cũng thấy được các vật trước mắt thì gọi là đèn thấy. Nếu đèn có thấy thì chẳng gọi là đèn và nếu là đèn thấy thì chẳng dính dáng gì tới nhà người” (Nếu bật đèn lên rồi ta mới thấy thì đây là đèn thấy vì khi tắt đèn tối đen thì ta đâu có thấy gì đâu; chỉ khi mở đèn sáng lên là ta thấy, thế thì đèn thấy ấy có dính dáng gì tới ta không?).

Đức Thế Tôn nói tiếp: “Vậy biết, đèn chỉ có tác dụng làm hiển hiện sắc tướng, sự thấy là mắt chẳng phải đèn; mắt chỉ có tác dụng hiển hiện sắc tướng; sự thấy là tâm chẳng phải mắt”.

Đèn làm cho vật sáng lên để con mắt ta có thể nhìn thấy; cho nên con mắt chỉ là cửa sổ để thu nhận các dữ kiện bên ngoài. Và cái tánh thấy - cái biết của con mắt thì cái ấy gọi là tâm, con mắt không thấy; mà chính là tâm - tức là tánh thấy, không phải là nhãn thức (Nhãn thức là còn phải có nhãn căn, nhãn trần và khi nhãn căn, nhãn trần giao thoa thì mới có nhãn thức; thì cái biết của mắt ấy mới gọi là nhãn thức; tức là tiền trần ấy là pháp trần ấy; chứ không phải là cái tánh thấy chân thật).

Tại sao nói con mắt chỉ là cửa sổ thôi, là giác quan không hơn không kém. Nếu ở bên Châu Âu, bên Mỹ thì đối với những người nào con mắt bị hư rồi nhưng nếu trung khu thị giác thần kinh - trung khu nhìn ở não vẫn còn tốt, dây thần kinh dẫn xuống con mắt nhưng do con mắt bị hư nên không nhìn thấy được. Họ chế tạo ra 1 con mắt giả hay cái kiếng, phẫu thuật não để nối dây thần kinh thị giác ấy vào con mắt giả; và nhờ con mắt giả này mà người mù lúc này nhìn thấy được, xem được. Điều này chứng minh cho lời Đức Thế Tôn nói từ hơn 25 thế kỷ trước.

Người mù không phải là không nhìn thấy, chẳng qua con mắt không sử dụng được vì cửa sổ bị đóng thôi. Thời nay với trình độ khoa học phát triển; người ta chế tạo ra 1 con mắt giả để thay thế thì người ấy nhìn thấy. Trung

khu thị giác thần kinh còn y nguyên và khi nói lại với con mắt giả thì người mù nhìn thấy được. Điều này nói rằng: Con mắt không phải là nhãn căn; con mắt chỉ là cái cửa sổ. Còn nếu chấp vì con mắt thấy là sai; vì chấp cho nên Đức Thế Tôn hỏi 7 lần để phá chấp của ngài A Nan.

Mặc dù, Đức Thế Tôn đã giảng tới như thế nhưng trong đại chúng vẫn im lặng; đại chúng vẫn chưa hiểu. Khi Đức Thế Tôn nói rằng: “*Đèn chỉ có tác dụng làm biểu hiện các sắc tướng; cái sự thấy là mắt chẳng phải đèn; ngay cả con mắt cũng chỉ có tác dụng biểu hiện các sắc tướng; còn cái tánh thấy là tâm, chứ không phải là mắt*”; nhưng ngài A Nan vẫn chưa hiểu.

Nếu chúng ta không hiểu thì vẫn mãi sẽ lăn trôi trong 3 cõi 6 đường; tham, sân, si buồn giận. Vì không thấy được như thế, cho nên đại chúng im lặng. Nghe thì nghe nhưng ngài A Nan và đại chúng nghe Đức Phật nói thì cũng không hiểu nổi; cho nên nghe mà vẫn chưa ngộ, vẫn chưa hiểu được và chấp tay lại thỉnh Phật giảng thêm.

Đức Thế Tôn hiểu ý nên Ngài duỗi cánh tay, mở 5 ngón tay ra (lúc này năm, bây giờ mở ra), rồi hỏi ngài A Nan và đại chúng: “*Lúc Ta mới thành đạo nơi Lộc viên;*

có nói với 5 vị Tỳ-kheo và Tứ chúng rằng: “Tất cả chúng sanh chẳng thành Bồ-đề và chứng quả A La Hán đều tại làm theo phiền não khách trần. Lúc đó, các người do đâu mà khai ngộ, nay được chứng Thánh quả”?

Lúc xưa, khi Đức Thế Tôn dạy cho 5 anh em ngài Kiều Trần Như thì nói rằng: *“Chúng sanh không đắc được quả Bồ-đề, không đắc được trí tuệ là tại vì làm; làm theo phiền não khách trần”*. Khách trần là gì? Khách trần là ở bên ngoài; có đến có đi; còn tâm nằm tại chỗ, không sanh không diệt nhưng vì chấp phiền não khách trần và sự biết của phiền não khách trần ấy là tâm; làm nên chấp như thế, nhận giặc làm con.

Ngài Kiều Trần Như đứng dậy thưa: *“Con là bậc Trưởng lão trong chúng học, được gọi là học rộng biết nhiều; vì ngộ được 2 chữ khách trần nên chứng Thánh quả. Bạch Đức Thế Tôn, ví như người đi đường vào nghỉ tại nhà nghỉ, ăn uống xong rồi lên đường đi tiếp, chẳng thể ở lại; còn người chủ thì cư trú tại đó, chẳng cần đi đâu”*.

Vậy chẳng trụ là khách; trụ là chủ nên lấy chữ chẳng trụ làm nghĩa chữ khách. Giống như bạn đi nghỉ ở trong khách sạn; bạn đến ở đôi ba ngày rồi bạn đi; bạn không ở lại; đến đi như thế thì là khách trần.

Có nghĩa là những gì đến đi trong nhận thức của bạn khi bạn nhìn 1 vật gì, rồi khởi tâm lên ưa thích; thì ngay cả vật ấy cũng biến dạng, biến dịch, không đứng 1 chỗ; cho nên nói là tiền trần biến dịch. Rồi sự suy nghĩ của bạn và cái gọi là biết về cái vật ấy của bạn, cũng biến dịch theo, không đứng 1 chỗ, thay đổi; cái tâm sanh sanh diệt diệt liền.

Cũng là 1 dòng sông, mà nếu ta đưa tiễn người yêu đi sang sông thì ngày hôm ấy lại thấy khác; như bài thơ Tống Biệt Hành của nhà thơ Thâm Tâm:

*Đưa người, ta không đưa qua sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?*

Sóng ở ngoài và sóng trong lòng khác nhau chỗ nào? Nếu chúng ta không nhận rõ như thế thì phiền não trong suốt cuộc đời, cứ đeo đuổi theo chúng ta mãi thôi.

“Đưa người, ta không đưa qua sông. Sao có tiếng sóng ở trong lòng?” là tại vì chấp có sóng ở trong lòng; chứ sóng ở bên ngoài là sóng ở bên ngoài thôi. Tại vì có chấp, cho nên không thấy được cái thấy của ta, cái nhận biết của ta, cái sự biết của ta là thường trụ; mà lại chấp cái tiền trần ở bên ngoài làm cái bên trong; lấy cái biến dịch ở bên ngoài làm cái bên trong.

Mà cái biến dịch bên ngoài là duyên sanh là căn trần thức; không có thực chấp là có thực. Nhãn thức, nhĩ thức... tất cả những cái thức ấy là gì? Thức là biết, biết này là biết giả, biết theo duyên; mà biết theo duyên thì như hoa đốm trong hư không, không có thực; cho nên lấy phiền não làm tâm.

Ngài Huệ Năng khi nghe câu “*Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*”, vì thấy rất rõ các pháp đều là khách trần; đến đến đi đi, ngay cả trong tâm, trong suy nghĩ của ta.

Cái đến cái đi không có thực nhưng căn cứ nơi nhìn con mắt, rồi nói là nhãn thức, cái biết của sự đến đi thì nói cái đấy là cái biết; thật sự ra, cái đấy không phải là cái biết.

Đức Thế Tôn nói tiếp: “*Giống như mưa mới tạnh, ánh sáng mặt trời rọi qua khe hở; thấy rõ tướng bụi trần lăng xăng nơi hư không. Trần lay động, hư không tịch nhiên;*”

Vậy tịch lặng gọi là không; lay động gọi là trần nên lấy sự lay động làm nghĩa chữ trần. Nghĩa là, khi bạn nhìn thấy bóng nắng rọi vào, bụi bay lăng xăng lăng xăng; chân không tịch nhiên, không có lay động nhưng bụi cũng không lay động.

Như Lai mở rồi nắm, nắm rồi mở cái bàn tay; Đức Phật phải diễn tả bằng cử động như thế để cho ngài A Nan và đại chúng hiểu. Nắm cái tay lại, rồi mở ra, mở ra rồi nắm lại và hỏi: “*Nay ngươi thấy gì*”, ngài A Nan đáp: “*Con thấy bàn tay của Như Lai lúc mở, lúc nắm*”. Chữ thấy mà ngài A Nan trả lời câu hỏi của Đức Phật rất quan trọng, bạn cần thận trọng. Cái thấy ấy là do cái tánh thấy hay là do con mắt thấy?

Thế thì, Đức Phật lại hỏi ngài A Nan: “*Ngươi thấy tay ta mở - nắm là do tay Ta có mở - nắm hay do cái thấy của ngươi có mở - có nắm*”?

Bây giờ, Đức Phật chỉ thẳng: “*Tay Ta mở nắm, tức là cái Trần di động, biến dịch; hay là cái thấy của ngươi có di động; tức là có mở có nắm, tức là cái tánh thấy, sự biết về cái thấy mở hay nắm*”.

Ngài A Nan trả lời: “*Bàn tay của Như Lai tự mở-nắm, chứ chẳng phải tánh thấy của con có mở-nắm*”.

Ngài A Nan nói bàn tay của Như Lai mở-nắm; tức là cái tiền trần biến dịch, thay đổi; chứ còn cái tánh thấy của con không thay đổi, tại vì con vẫn thấy như thế. Có mở con thấy mở, có nắm con thấy nắm.

Phật hỏi tiếp: “*Cái nào động, cái nào tịnh*”? Nếu nói rằng cái bàn tay động hay cái tánh thấy động có đúng không?

Ngài A Nan thưa: “*Tay Phật chẳng trụ, tánh thấy của con thì tịnh còn chẳng có; làm sao có động*”. Bản kiến bất nhị, động tịnh là hư vô.

Tay Phật chẳng trụ, nghĩa là có nắm - có mở, có di động, biến dịch nên không có đứng dừng. Tức là tiền trần - các cảnh bên ngoài luôn luôn biến dịch. Nhưng cái tánh thấy tịnh còn chẳng có, làm sao có động.

Tại sao ngài A Nan lại nói như vậy? Là tại vì cái tánh thấy tìm không có; Cái tâm chơn như, tâm thường trụ, bỗng lai diện mục.

Khi ngài Huệ Khả tới hỏi Tổ Đạt Ma rằng: “*Tâm con không an, xin Tổ an tâm cho con*”. Tổ bảo: “*Đưa cái tâm của con ra đây, Ta an cho*”. Ngài Huệ Khả tìm hoài không thấy cái tâm ở đâu, lúc chưa đi tìm nó lảng xãng, vọng tưởng điên đảo; khi đi kiếm rồi thì biến đâu mất tiêu.

Cũng như thế, khi ngài Huệ Minh truy đuổi theo ngài Huệ Năng; hỏi pháp. Ngài Huệ Năng nói rằng: “*Ngươi*

muốn hỏi pháp việc đầu tiên là phải ngồi xuống định đĩ” (trong kinh không nói rõ là ngài Huệ Minh ngồi bao lâu).

Rồi sau đó, ngài Huệ Năng mới nói: “*Không nghĩ thiện, không nghĩ ác; cái bản lai diện mục của người là gì*”? Là 1 niệm không sanh, 1 niệm không sanh thì rỗng rang, không hình không tướng. Cho nên, cái biết ấy là cái biết thường trụ, cái biết không hình không tướng, rỗng rang; lớn nhất cũng là vũ trụ, nhỏ nhất cũng chỉ như cái đầu của lỗ kim khâu; cái chỗ nào cũng có hết; cái ấy gọi là Phật tánh, cái ấy gọi là bản lai diện mục; không tên không tuổi, không hình không tướng.

Cái mà bạn thấy là có hình có tướng, có tên có tuổi, 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp, bầu trời, mây nước, đưa người ta không đưa qua sông... Những thứ ấy gọi là cái biết theo căn trần thức, theo ngũ uẩn, theo sắc thính hương vị xúc; tức là theo cảnh, phát sinh ra cái biết; những cái ấy là giả, không thật.

Kinh Kim Cang nói: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*”, tất cả đều như thế; cái gì có tướng đều là hư vọng. Khi bạn nghe, bạn nhìn là đều có tướng, có duyên sanh hết; cái tánh thấy - tánh nghe - tánh ngửi mà không biết, thì kẹt ở ngay chỗ này. Chấp rằng là cái ấy là tôi biết.

Ngửi cái mùi toilet; con mắt nhìn vào toilet biết dơ; tức là khởi lên các cái niệm ấy từ đâu? Là đã được huân tập, được nhồi sọ từ nhỏ đến lớn. Con người khi đi ra phân thì bỏ đi; con mèo thì đào cái lỗ để chôn cục thải đó; còn con chó thì thấy mừng và chạy tới xoi. Con chó, con mèo, con người đều có Phật tánh vì Đức Thế Tôn đã dạy vạn pháp đều có tánh bình đẳng, rỗng rang như hư không. Thế thì tại sao khi con người đi ra cục phân thì lại muốn xối nước cho trôi xuống cống, không muốn nhìn; cục ấy ở đâu ra? Ở trong bụng chúng ta phải không? Mỗi người đều có cái thùng phân; người này chê người kia; cái thùng phân của ta không lo quán chiếu, lại chê cái thùng phân của người khác.

Thùng phân này có 2 ý nghĩa: Thùng phân vật chất và thùng phân trí tuệ. Nhét nhiều cái ý kiến của người này người kia, đọc sách báo nhiều; rồi cuối cùng nói rằng là ta đây biết nhiều; cái ấy là thùng phân, thùng rác. Rác thế gian vút vào đây, rồi chất chứa nhiều trong đó; chứ thực chất cái bản thể thanh tịnh có đâu. Ta không nhìn thấy nó; giống như anh chàng Cùng Tử trong kinh Pháp Hoa, không biết trong chéo áo có viên ngọc quý mà đi ăn xin.

Đức Thế Tôn chỉ cho ngài A Nan: “*Cái nào động, cái nào tịnh?*”. Ngài A Nan trả lời: “*Cái tánh thấy, tịnh còn*

không có làm sao có động”. Tại vì không nhìn được tánh thấy, cho nên không có tịnh, không có động.

Đức Phật mới nói: “*Đúng thế...đúng thế*”. Chỗ này mới là bản kiến bất nhị, động tịnh hư vô là như thế đấy. Vì nó không hình không tướng. Cái tánh thấy là không hình không tướng; cái tánh nghe cũng thế, không hình không tướng.

Liên đó, Như Lai từ trong bàn tay phóng ra 1 tia hào quang, rơi vào bên phải ngài A Nan; A Nan quay đầu sang phải. Đức Phật phóng tia hào quang bên trái, ngài A Nan quay đầu nhìn sang trái. Đức Phật khi ấy mới hỏi ngài A Nan: “*Đầu người vì sao lại lay động*”? Ngài A Nan đáp: “*Con thấy Như Lai phóng hào quang đến 2 bên cạnh con, nên con phải quay đầu nhìn, cái đầu tự động quay*”. Đức Phật lại hỏi ngài A Nan: “*Người nhìn theo hào quang lay động là do đầu người động hay cái thấy động?*”

Trong cuộc sống hàng ngày; thường là khi ta thấy 1 vật gì là ta chạy theo; cái tư tưởng chạy theo; hễ nhìn thấy là căn trần giao thoa liền, chúng ta chạy theo. Vì thế, Đức Phật mới hỏi ngài A Nan: “*Người nhìn theo hào quang lay động là do đầu người động hay cái thấy động?*”

Cái đầu, con mắt tức là căn, đi theo cái vật bên ngoài tức là trần; thế thì cái tánh thấy có động hay không? Ngài A Nan đáp: “*Bạch Thế Tôn, đầu con tự động, tánh thấy của con ngưng còn chẳng có, nói gì là lay*”. Bản kiến không đối đãi, động và chẳng động đều không dính dáng, liên quan gì. Có nghĩa là, cái căn tự động thôi; thấy cái cảnh bên ngoài thì chạy theo nhưng cái tánh thấy thì không có thay đổi.

Tánh thấy là gì? Tức là ánh hào quang ở bên phải thì quay sang bên phải; ánh hào quang bên trái thì quay sang bên trái; tức là căn chạy theo trần, sự biến dịch của trần thì căn cũng biến đổi theo. Nhưng cái tánh thấy đó, không thay đổi.

Ví dụ, bây giờ bạn lắng nghe Sư vừa đánh 1 tiếng chuông, bạn có nghe tiếng chuông không? Chắc chắn là có nghe tiếng chuông Sư vừa đánh phải không; rồi bây giờ Sư không đánh chuông nữa bạn có nghe không? Vẫn nghe nhưng nghe Sư không có đánh; hồi nãy khi Sư đánh chuông bạn nghe có đánh chuông; còn bây giờ Sư không đánh, bạn cũng nghe (vì cái Tánh nghe thường hằng) nhưng nghe không có tiếng đánh chuông.

Tức là cái tánh nghe còn đó, không mất. Nếu đánh nghe có tiếng chuông, không đánh cũng nghe nhưng

nghe không có tiếng chuông; cho nên cái tánh nghe thường hằng như vậy; không bị điên đảo theo căn trần. Cho nên cái tai, cái mắt, cái mũi... Chẳng qua nó là căn, là phương tiện, là cửa sổ, không phải tánh biết; cái tâm không nằm theo đây. Nên nói rằng, cái tâm và căn trần lay động là như thế.

Vì vậy “*Bản kiến bất nhị, động tịnh hư vô*”, tức là không có dính mắc, không có đối đãi gì tới cái tánh cả. Đức Phật mới khen: “*Đúng thế*”. Khi ngài A Nan nói: “*Đầu con tự động, tánh thấy của con ngưng còn chẳng có nói gì là lay động. Cái tánh thấy ngưng còn không có, nói gì là lay động tại vì nó thường hằng, nó như thế*”.

Đức Phật lại bảo đại chúng rằng: “*Nếu chúng sanh cho lay động là trần; chẳng trụ là khách. Các người hãy xem như A Nan, đầu tự lay động mà tánh thấy chẳng lay động. Lại tự tay Ta nắm-mở mà tánh thấy chẳng mở-nắm. Vậy sao các người hiện nay lại cho động là thân, cho động là cảnh; từ đầu đến cuối niệm niệm sanh diệt lạc mất chơn tánh, hành theo điên đảo. Vì tâm tánh chẳng chơn, nhận vật là ta, tự trôi theo dòng sanh tử, cam chịu luân hồi*”.

Nghĩa là chúng ta cứ chấp rằng những điều chúng ta biết, tức là cái Tánh mà chúng ta gọi là nhãn thức, nhĩ

thức ... những cái ấy là tánh biết nhưng thực sự thì không phải; do duyên sanh. Tức là vì có cảnh, trần, căn, các điều kiện ánh sáng ... nghĩa là có đầy đủ các nhân duyên; cho nên mới hội tụ và vì cái biết ấy do các điều kiện căn - trần - thức nên cái biết ấy là duyên sanh; cái mà chúng ta gọi là biết, thật sự do duyên sanh, mà cái gì do duyên sanh thì như huyễn.

Đức Thế Tôn đã khẳng định: “*Kẻ nào thấy được Lý Duyên Sanh thì kẻ ấy thấy được Pháp. Kẻ nào thấy được Pháp thì kẻ ấy thấy được Như Lai*”. Tất cả những điều chúng ta tu học là quay trở lại nhìn bản thể thanh tịnh của ta; đừng có nhận lầm giặc làm con; đừng có nhận lầm căn-trần-thức mà nghĩ rằng cái đó là cái tánh biết. Bởi thế cho nên, ngài A Nan cuối cùng mới xin Đức Thế Tôn dạy cho pháp Samatha - thiền định.

PHẬT PHÁP VẤN ĐÁP

Câu hỏi: Đức Thế Tôn nói rằng: “*Ta đã tu Ba A-tăng kỳ kiếp*”. Tại sao là 3 mà không phải là 4 hay 5 A-tăng kỳ kiếp?

Trả lời: Ba ở đây biểu trưng cho tham, sân, si; tâm tham, tâm sân, tâm si. Như chúng tôi đã trình bày với bạn rồi, tâm tham thì phải có cảnh mới khởi lên cái tâm; cho nên cái tâm tham này không phải tự nhiên có tâm tham.

Ngay cả như nghe pháp; bạn cũng phải khởi tâm tham, tham nghe pháp thì bạn mới vào đây bạn nghe; cho nên cái tâm này cũng là tâm tham. Kinh Thủ Lăng Nghiêm chỉ cho bạn biết cái tâm thực ở chỗ nào. Để rồi khi chúng ta nghe pháp không khởi tâm tham, không mong cầu; nghe vẫn nghe, nghe mà không khởi tâm tham nghe pháp; chỗ này mới gọi là thù thắng.

Nếu không thấy cái tâm của ta thì việc tu ấy chẳng đi đến đâu cả. Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn cũng nói: *“Kẻ tu mà không thấy được cái tánh thì chẳng khác nào lấy sỏi cát mà mong nấu thành cơm”*. Cho nên, chúng ta phải thấy rõ; còn nếu không thấy được tánh của ta, thì nhận lầm tiền trần và pháp trần.

Câu hỏi: Pháp trần nảy sinh trong tâm là chủ hay khách?

Trả lời: Pháp trần là do ý, mà hễ ý cộng trần là duyên sanh; tức là khách, đến đi. Tại vì trần có đến có đi; mà ý cũng đến cũng đi. Ý là tâm viên ý mã, ý phân biệt, nảy sinh ra. Cái ta tưởng là thường trụ, thường hằng... lại biến dịch, mà hễ biến dịch thì không thường trụ; như vậy là khách, chứ không phải là chủ; không phải là bản thể thanh tịnh. Bản thể thanh tịnh mới là chủ.

Câu hỏi: Thiết nghĩ ngài A Nan là bậc đa văn trí tuệ, không lẽ ngài không hiểu những gì Đức Phật nói; nhưng

chẳng qua ngài đóng vai trò như vậy để thị hiện và để Đức Phật giảng trạch ra cho hậu thế hiểu, như vậy có đúng không?

Trả lời: Bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm là Đức Thế Tôn vì duyên sự ngài A Nan ngộ nạn Ma Đăng Già; cho nên Đức Thế Tôn mới thuyết. Thế thì duyên sự ngài A Nan ngộ nạn Ma Đăng Già; ý nói là ngài A Nan đa văn; tức là ham học chữ nghĩa giống như chúng ta, ham nghe kinh nhưng mà không chịu tu tâm. Cho nên, tâm không định nên bị cảnh trần quấy nhiễu: Ma Đăng Già tượng trưng cho trần; một trong những trần người ta dễ bị vướng là dâm.

Khi nhìn, khởi lên niệm dâm thì niệm dâm đây là gì, ở đâu? Căn trần thức giao thoa mà chúng ta chấp rằng là có thực, cho nên chúng ta kẹt vào chỗ đó. Thực sự ra trong suốt 45 năm thuyết Pháp, Đức Thế Tôn nói Ta có nói gì đâu. Những điều Ngài nói giống như ngón tay chỉ cho mặt trăng và bè để đưa hành giả qua sông. Ngón tay không phải là Đạo, ngón tay không phải là chân lý; cho nên những điều được Đức Thế Tôn nói, để lại trong kinh điển chỉ là ngón tay thôi; để hướng cho chúng ta thấy được bản thể thanh tịnh, bản tâm thường trụ.

Đức Phật không tu dùm chúng ta được; cho nên những điều Đức Thế Tôn nói chúng ta phải suy ngẫm. Ma Đăng Già là ẩn dụ cho tánh dâm và ẩn dụ cho trần, tức là cảnh bên ngoài; tượng trưng cho cái trí của thế gian, tức là văn chương, đa văn ham học, tâm tham, tham học kể cả tham học đạo cũng là tâm tham. Cho nên bạn cứ thông dong thôi, đến nghe học hiểu nhưng không khởi lên tham; cái đó mới thù thắng. Chúng ta phải phân biệt nếu không chúng ta sẽ mắc kẹt vào đấy.

Thật sự, Đại hội mà Đức Thế Tôn và các vị Thánh Tăng lập ra vì các ngài ấy thấy chúng sanh điên đảo, không thấy được tâm; cho nên các ngài thị hiện ra, rồi các ngài hội lại để lại một số kinh điển cho chúng ta đến ngày hôm nay. Đó giống như một vở tuồng để lại sáng tác vĩ đại cho thế gian, để người thế gian theo đó tu học. Tiền kiếp của ngài A Nan là các vị Bồ tát, không phải là ngài ấy không biết; mà đó chỉ là nhân duyên để nói thôi; để cho chúng ta có những bộ kinh và tùy từng bộ kinh để chúng ta nương theo ngón tay để tìm ra chơn tâm thường trụ của chúng ta.

Kinh Pháp Hoa nói: “*Chư Phật ba đời thị hiện ra, chỉ có một mục đích đó là tỏ ngộ tri kiến Phật cho thế gian*”. Tri kiến của Phật là gì? Là chúng sanh và Phật có Phật tánh đều bình đẳng, giống như nhau.

Câu hỏi: Cái Tánh Thấy - Cái biết về Thấy?

Trả lời: Cái tánh thấy thường hằng; biết về tánh thấy là huyễn vì do duyên sanh; cái gì cần có những điều kiện để tạo thành thì cái ấy là duyên sanh. Vạn pháp do duyên sanh cho nên gọi là nhãn thức là do nhãn căn, nhãn trần; tức là vật ở bên ngoài và con mắt, dây thần kinh thị giác, trung khu thị giác thần kinh, ánh sáng, môi trường... tạo nên nhãn thức; nhãn thức này là duyên sanh, mà những cái nào do duyên sanh thì như huyễn, không thực.

Cho nên, nói rằng có vật thấy để mà biết thì biết ấy là nhãn thức; tức là căn cứ nơi có căn và có trần. Mà căn trần là khách đến khách đi, chứ không phải là chủ nhà; tánh biết là thường trụ, không sanh không diệt. Nhưng nhận thức có vật này vật kia và thay đổi thì sanh diệt. Tại vì căn cứ nơi nhãn căn, nhãn trần và các điều kiện khác nữa. Trong thuật ngữ nhà Phật, gọi các điều kiện ấy là duyên, tức là duyên sanh, mà hễ duyên sanh thì như huyễn. Bạn còn nhớ Đức Thế Tôn dạy cho ông Bahiya ở Phạm Ngân trong kinh Pháp cú không: “*Trong cái thấy chỉ có cái thấy. Trong cái nghe chỉ có cái nghe*” Trong cái thấy chỉ có cái thấy là trong cái mà ta tưởng là ta thấy chỉ có cái thấy tức là đối tượng, tức là cái trần; chứ thật sự ra, cái tánh thấy không có ở đây. Trong cái hiểu biết chỉ có cái hiểu biết; tức là cái trần, chứ còn tánh

biết thì không có. Tại vì, trần là khách, đến đi; trong khi đó tánh thấy, tánh nghe, tánh ngữ...là thường trụ.

Thế cái tánh là gì? Bây giờ, ví dụ: Giống như một tấm gương. Nếu có một con chó đi ngang thì lập tức tấm gương sẽ soi thấy con chó trong gương và nếu con chó đi khuất thì gương không còn giữ bóng con chó nữa, phải thế không bạn? Thế thì con chó đen, con chó trắng, con chó cao hay thấp... tấm gương này soi lại y nguyên như vậy, không có sự khác biệt nào. Bạn khi tự soi gương thì thấy y như vậy, không sai. Tánh Biết, tánh Nghe, tánh Ngữ ... giống như tấm gương vậy.

Khi một vật nào đi ngang là nhận diện được liền nhưng do con người ta sống trong vọng tưởng điên đảo; không dừng ngay ở chỗ nhận diện; mà nảy sinh ra niệm thứ 2, thứ 3, thứ 4... Niệm thứ 2, thứ 3, thứ 4 là gì? Niệm thứ 1- con chó này của ai. Niệm thứ 3 - con chó này là con chó đực hay con chó cái. Niệm thứ 4 - con chó này có cắn hay không. Niệm thứ 5 - con chó này là con chó nhà giàu hay con chó nhà nghèo...tức là niệm thứ 2, thứ 3, thứ 4, thứ 5... nảy sinh ra hoài và che lấp đi niệm đầu tiên.

Tấm gương chỉ nhận diện ra con chó thôi. Niệm đầu tiên này vô tư, không phân biệt; cái mà nhận diện ra đầu tiên

ấy gọi là bản thể thanh tịnh, cái ấy thường trụ; tánh biết, tánh nghe, tánh nghĩ.... có sẵn. Ví như nghe là biết liền nhưng do khởi lên niệm, chạy theo niệm nên mất tánh nghe, mất luôn tánh thấy. Chúng ta phải ngừng niệm thứ 2, thứ 3, thứ 4... sống trong bản thể thanh tịnh là niệm thứ 1.

Tại sao ngài Vô Nãi, giết chết 999 người; lúc rượt theo Đức Thế Tôn nói: *“Này Cồ Đàm, ông hãy đứng lại; ta chỉ cần lấy thêm lỗ tai của ông nữa là ta sẽ chứng đắc”*. Vì ngài Vô Nãi được sư phụ hứa rằng nếu giết đủ 1000 người và lấy lỗ tai của họ về thì sẽ được dạy cho pháp chứng đắc.

Vì mê, chạy theo cảnh nên sau khi đã giết chết 999 người rồi, ông định về giết mẹ cho đủ 1000 người. Đức Thế Tôn quán chiếu căn cơ của ngài Vô Nãi nên thị hiện cho ngài Vô Nãi thấy khi ông đang trên đường về nhà tìm giết mẹ. *“Chỉ cần thêm 1 người này nữa là ta đủ 1000 người rồi, ông đứng lại đi để ta giết cho ta chứng đắc”*. Ngài Vô Nãi nghĩ rằng có chứng đắc, có quả chứng đắc và cần giết 1000 người cho đủ; những cái này là biết theo vọng tưởng điên đảo.

Ý nghĩa câu chuyện này cần phải hiểu; tức là chạy theo vọng tưởng điên đảo, chạy theo trần. Nói rằng có đủ

1000 thì sẽ chứng đắc, có quả vị để chứng đắc. Kinh Kim Cang đã nói: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng. Cái gì có hình tướng thì đều là huyễn, đều là không thực*”. Ngài Vô Não chấp rằng quả chứng đắc có thực, cho nên rượt theo Đức Thế Tôn và la lên tới lần thứ 3: “*Này Cô Đàm, ông hãy dừng lại*”. Đức Thế Tôn đáp: “*Ta đã dừng lại từ lâu*”.

“Ta đã dừng lại từ lâu” là dừng bật tư tưởng, không khởi lên một niệm nào nữa cả, không chạy theo trần nữa. Tức là đừng chạy theo giết cho đủ 1000 người để được chứng đắc? Chứng đắc không có, quả vị cũng không vì cái nào có hình có tướng thì ấy là hư vọng, huyễn. Cho nên, nếu nói có quả vị nào đấy để chứng đắc thì cũng là huyễn.

Vì thế, ông Bahiya khi nghe Đức Thế Tôn nói: “*Trong cái thấy, chỉ có cái thấy*”. Tức là đối tượng. Nếu chạy theo đối tượng là chạy theo trần; nhận giặc làm con; không sống trong bản thể thanh tịnh của ta. Khi quán chiếu được, hiểu ra ông Bahiya chứng đắc A La Hán.

Cũng như thế chạy theo trần thì rong ruổi, cho nên khi Đức Thế Tôn nói: “*Ta đã dừng lại từ lâu, tại sao ngươi còn chưa dừng*”. Dừng ở đây là dừng bật tư tưởng, không có 1 niệm sanh nữa. Và ngay chính chỗ ấy, ông Vô Não giật mình liền, giống như con ngựa chiến, khi

thấy bóng roi thì chạy đúng đường; ông hoá nhiên, ngộ ra là ta đã sai rồi.

Do chạy theo 1000, chạy theo quả vị là chạy theo trần; ngưng bắt hết các tư tưởng, 1 niệm không sanh mà nhất tâm bất loạn như trong Kinh A Di Đà nói khi ấy trí tuệ phát sinh; mà 1 niệm không sanh, nhất tâm bất loạn và trí tuệ phát sinh thì sống trong an lạc, sống trong Cõi Cực Lạc ngay hiện tiền, là Di Đà tự tánh, bản thể thanh tịnh rồi. Cực lạc là nơi ấy không có sự khổ, không có điều khổ vì tâm đã thanh tịnh, đã rỗng rang rồi, đâu còn có gì là vui là khổ nữa; hoàn toàn thanh tịnh, hoàn toàn rỗng rang.

Kinh Kim Cang nói “Ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm”. Kinh Duy Ma Cật thì nói: “*Com là pháp; pháp là com*”. Đạo tràng nghĩa là trực tâm; trực tâm tức đạo tràng. Cho nên, trong cách cư xử, đời sống hằng ngày; chúng ta sống theo trần, lấy khách là chủ, nhận giặc làm con. Cho nên, chúng ta sống trong vọng tưởng điên đảo và cứ như thế huân tập cho tới lúc bị điên đảo mà không hay biết.

Thế thì, cái điên đảo ấy là gì? Đây là nghiệp; hễ có khởi lên niệm thì là nghiệp. Dùng chữ tác ý, không tác ý chỉ là mượn danh từ, tá danh mà nói thôi. Nhưng khi đã huân

tập lâu ngày rồi, có tác ý mà không biết, không dừng được; chính chỗ ấy là nghiệp.

Nghiệp là hành động, suy nghĩ có tác ý, có huân tập được lặp đi lặp lại nhiều lần. Và nghiệp này là do tự chúng ta làm ra; chúng ta là chủ nhân của nghiệp nhưng đồng thời chúng ta cũng là thừa tự của nghiệp, là đầy tớ của nghiệp; nghiệp dẫn chúng ta đi. Cho nên, khi thân trung ấm ra khỏi xác hiện tại, do được huân tập cái nghiệp quen rồi; cho nên, khao khát có 1 thân khác vì hàng ngày đều có thân, ưa thích thân đó, ưa thích ngã, ưa thích bối cảnh xung quanh, ưa thích chồng vợ, ưa thích tiếng ngọt tiếng khen...cho nên khi chết thân trung ấm lập tức đi tìm 1 thân hay 1 nhà khác để trú; cho nên cứ sanh tử luân hồi; nghiệp là như thế đấy.

Đức Thế Tôn sau 49 ngày thiền định, chứng đắc và việc đầu tiên Ngài nói như vậy: *“Ta đã thấy kẻ xây nhà, Ta đã thấy mặt mũi của cái nghiệp; từ đây trở về sau Ta sẽ không còn phải sanh tử luân hồi nữa. Kiếp sống này là kiếp cuối cùng”*. Cái nhà nghiệp sẽ không còn nữa, nơi ấy rỗng rang, 1 niệm không sanh nữa. Đó là bản thể thanh tịnh, ung vô sở trụ. Kinh Duy Ma Cật có dạy: *“Không rời phiền não mà vào Niết-bàn”*, tại vì Phiền não - Niết-bàn thực tướng của nó không có; chẳng qua là do duyên sanh. Và nếu hiểu được như vậy, Niết-bàn

cũng là phiền não, phiền não tức Niết-bàn. Cho nên, người ta mới nói phiền não tức Bồ-đề; Bồ-đề là trí tuệ hay là Niết-bàn.



BÀI 8: 25 CON ĐƯỜNG, MỘT CÁNH CỬA

Nói theo tục ngữ của người Tây phương thì người ta nói là đường nào cũng về La Mã; có nghĩa là bạn tu bằng bất cứ Pháp môn nào hay là đi bằng lối nào; cuối cùng bạn cũng tới. Điều cuối cùng là nhận ra bản thể thanh tịnh của ta và liễu trừ kiết sử phiền não; tức là chứng đắc A La Hán; rồi sau đó từ từ chứng đắc thành Phật. Nghĩa là tìm ra Phật tánh thường trụ, bất sanh bất diệt của ta, không còn vương mắc nữa. Thế thì 25 con đường là gì?

Đức Thế Tôn hỏi Ngài A Nan 7 lần Ngài A Nan không biết tâm là gì, khi thì nói là con mắt, biết của con mắt, nhãn thức, sự suy nghĩ từ nơi con mắt phát sinh ra...; tất cả những thứ ấy Đức Thế Tôn đã bác bỏ. Đức Thế Tôn nói sai hết. Nếu những thứ ấy là sai hết thì cái gì đúng?

Đức Thế Tôn hỏi trong đại chúng: “*Vì cái nguyên do gì mà các ông chứng đắc*”; tức là hỏi những Vị đã chứng đắc A La Hán. Hỏi rằng các ông vì lý do gì và dùng phương tiện gì mà được Tam Ma Địa, tức là định được bằng cách nào?

Đức Thế Tôn hỏi các vị đã chứng đắc A La Hán thì ngài Kiều Trần Như trong số 500 vị Tỳ-kheo đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật và thưa rằng: “*Con ở Lộc Uyển*

được lời dạy của Phật khi mới thành đạo; do âm thanh Phật nên ngộ Tứ thánh đế”. Đức Thế Tôn giảng bài pháp đầu tiên cho 5 anh em Kiều Trần Như là bài pháp Tứ Diệu Đế, đó là Pháp căn bản, thù thắng vi diệu.

Ngài Kiều Trần Như nói: “*Con được nhờ âm thanh Phật nên ngộ Tứ Thánh Đế. Khi đó Phật hỏi các Tỷ-kheo, con là người ngộ giải trước tiên, cho nên Như Lai ấn chứng cho con tên là A Nhã Đa, tức là ngộ giải được diệu âm mạch viên, con do âm thanh mà đắc quả A La Hán*”.

Ngài Kiều Trần Như cũng không vì hiểu được Tứ thánh đế mà chứng quả A La Hán; mà Ngài nhờ âm thanh của Phật, âm thanh của Phật rất là vi diệu và nương vào âm thanh ấy, mới ngộ ra được cái lý ở trong của Tứ Diệu Đế, chứ không phải tự nhiên mà Ngài hiểu được Tứ Diệu Đế rồi chứng đắc A La Hán.

Ngài nương vào âm thanh, âm thanh rất là vi diệu của Đức Phật và vì nương vào âm thanh ấy Ngài liễu tri được Tứ Diệu Đế, cho nên mới gọi là Diệu Âm Mật Viên, đắc quả A La Hán.

Thế thì trong Tứ Diệu Đế có điều gì vi diệu? Tứ Diệu Đế khởi đầu bằng khổ, khổ - tập - diệt - đạo. Bây giờ nói khổ trước.

Khổ đầu tiên là sinh - lão - bệnh - tử. Nhưng mà sinh - lão - bệnh - tử là gì? Sinh lão bệnh tử có dính mắc gì tới bạn không? Nó có dính mắc gì đến pháp thân thường trụ; tức là tánh biết, tánh nghe, tánh thấy không? Đức Thế Tôn hỏi Vua Ba Tư Nặc: “*Lúc còn nhỏ ông có thấy Sông Hằng không?*” Bây giờ khi Vua già rồi, vua vẫn thấy Sông Hằng phải không? Cái thấy của Vua lúc còn trẻ khi ở độ 23 tuổi và cái thấy Sông Hằng khi ở tuổi 60; thì 2 cái thấy đó có gì khác với nhau không?

Vua Ba Tư Nặc đáp: “*Dạ, không khác. Cái thấy của con về Sông Hằng khi còn 23 tuổi hay khi 60 cũng như thế, không có gì thay đổi; duy chỉ có tóc con thì bạc, da của con thì nhăn, tay chân thì run; tức là con thì già đi mỗi ngày nhưng mà cái tánh thấy, tánh biết về Sông Hằng không thay đổi*”.

Nghĩa là nó thường trụ, không sinh không diệt. Bởi vậy ở trong Chứng Đạo Ca khi ngài Huyền Giác gặp Tổ Huệ Năng ngài Huyền Giác không chịu đánh lễ mà chống trượng đứng. Tổ Huệ Năng mới quở: “*Là Sa môn cần giữ hạnh khiêm cung, hà cứ gì ngang tàng đứng như*

vậy”? Ngài Huyền Giác mới nói: “*Sinh tử là hệ trọng*”. Ý nói là sinh tử mới là chuyện quan trọng; nghi lễ chỉ là chuyện nhỏ, bỏ đi, đừng chấp nhất chuyện nhỏ đó. Ý nói sinh tử mau chóng, vô thường là mau chóng, rất hệ trọng; cho nên nói phải tới đây để hỏi chuyện này.

Tổ mới nói như thế này: “*Sao chẳng thấu rõ lý vô sanh*”? Cái lý vô sanh có nghĩa là cái bản thể thanh tịnh của ta, tánh biết của ta thường hằng, bất sanh bất diệt, sao không hiểu cái đây? Lo chi chuyện hình tướng bề ngoài, hình tướng bề ngoài là sắc thân phàm tứ đại, ngũ uẩn thì đương nhiên là phải trả về tứ đại, ngũ uẩn thôi. Nó do duyên mà thành thì cũng do duyên mà diệt. Đó là chuyện thường, chứ đâu có phải là bất thường đâu.

Nó là thường, người ta thường nói sanh tử là bất thường, là vô thường. Vô thường là sinh tử; nhưng như vậy là nói theo con mắt phàm phu; còn bạn thấy hằng ngày người ta cũng chết, hằng ngày người ta cũng sanh, có khác gì đâu. Cho nên chuyện sanh tử là thường, chứ đâu có vô thường.

Đức Thế Tôn nói là sinh lão bệnh tử; cầu bất đắc khổ, đại khái là muốn mà không được thì khổ; ghét mà gặp hoài là khổ.

Ghét là do sự cảm thọ, chỗ cảm thọ ấy gây ra sự đau khổ; chứ không phải nơi trần, cũng không phải nơi căn mà do nơi cảm thọ.

Có nghĩa là khổ trong Tứ Diệu Đế là trống không, không có gì hết. Khổ (Dukkha) có nghĩa là trống không vì trống không mà không thấy rõ, cho nên đau khổ; cho nên khổ ở trong ấy, thực sự ra nó là vô ngã. Bởi thế cho nên, 5 ngày sau; Ngài mới giảng tiếp bài kinh Vô Ngã Tướng. Và khi giảng bài kinh Vô Ngã Tướng, thì 5 anh em Kiều Trần Như bước vào dòng thánh, đắc quả Tư Đà Hoàn; riêng ngài A Nhã Kiều Trần Như đắc quả A La Hán.

Đức Từ Phụ vạch rõ chân tướng, nói Tứ Diệu Đế thì 5 ngài ấy cũng chưa hiểu nên Đức Thế Tôn nói kinh Vô Ngã Tướng; tức là ngã không có ở trong ấy.

Nếu nói rằng có tướng gọi là khổ thì tướng ấy là một pháp; mà hề có Pháp thì “*Phàm sở hữu tướng thì giai thị hư vọng*” kinh Kim Cang. Cái nào có tướng đều là giả, tại sao thế? Tại vì duyên sanh; khổ là do duyên sanh; có người ấy và người ấy có sự liên hệ mật thiết với ta, rồi nay người ấy không còn nữa; người ấy chết đi nên ta đau khổ. Thế thì, đau khổ không phải vì người chết; mà vì cảm thọ, ta yêu thương người ấy; yêu thương vợ, yêu

thương con, yêu thương cha; rồi bây giờ người ấy chết đi, cho nên ta mới đau khổ. Cái cảm thọ ấy làm cho ta đau khổ.

Ngài Kiều Trần Như nói: “Do âm thanh Phật, cho nên con ngộ Tứ Thánh Đế; tức là lời nói của Đức Phật có âm thanh vi diệu gì, cho nên mới ngộ được Tứ Thánh Đế; tức là nương nhờ lời nói của Phật.

Ở đây ẩn dụ gì? Ẩn dụ là bạn không thể nào tự tu được đâu. Bạn phải nương nhờ nơi kinh điển và giáo lý của Đức Từ Phụ; bạn phải nương nhờ nơi kinh điển về những lời dạy của Đức Từ Phụ; phải giữ giới luật; phải hành trì, phải tìm hiểu xem trong kinh nói gì để nương theo đó tu học, chứ còn tự ta sáng chế ra 1 Pháp môn khác để tu thì không thành tựu.

Ngài A Nhã Kiều Trần Như phải nhờ âm thanh của Đức Thế Tôn, mới ngộ được Tứ Diệu Đế; nhờ âm thanh ấy mới đắc quả A La Hán; nhờ âm thanh của Đức Thế Tôn mà đắc quả A La Hán, có nghĩa là gì? Có nghĩa là nhờ trần, biết được trần, biết được âm thanh, hiểu được âm thanh, hiểu được tác dụng của nó, hiểu được lý của nó, thì ngộ.

Ưu-ba-ni-sa-đà đứng dậy thưa: “*Con cũng được lời dạy của Phật khi mới thành đạo; con quán tưởng bát*

tịnh, sanh lòng nhàm chán, ngộ các tánh sắc đều bất tịnh như xác chết; như xương cốt thối mục hóa ra vi trần, rồi cuối cùng trở thành hư không; sắc và không cả 2 chẳng có, nên thành đạo vô học, Như Lai ấn chứng cho con tên là Ni-sa-đà (tức là tánh không); tướng trần đã sạch thì diệu sắc mật viên; Con do tướng mà đắc quả A La Hán. Cho nên Phật hỏi về viên thông thì con nói sắc tướng là hơn cả”.

Ngài Kiều Trần Như nhờ âm thanh, nhờ lỗ tai, nhờ âm thanh tức là nhờ trần. Còn riêng ngài Ưu-ba-ni-sa-đà thì nói nhờ sắc tướng. Tại vì Phật nói rằng: Quán thân bất tịnh, quán các Pháp đều bất tịnh; làm cho nhàm chán và thấy rất rõ cái mà ta thấy đẹp tốt như thế này nhưng tới chừng nó thối, mục ra thì chẳng ra gì hết; cuối cùng trở về hư không. Có nghĩa là có và không vốn là chẳng có; sắc và không, tức là có và không, hiện thực ra và biến mất vốn chẳng có. Thực sự ra, nó là sự biến dịch, “*Sự biến dịch này chẳng qua là sự biến đổi của năng lượng, là sự biến dịch của năng lượng mà thôi. Tức là, theo Luật bảo toàn năng lượng là không có gì mất không có cái gì tạo ra; chẳng qua là thay đổi hình tướng của nó và vì hiểu được sắc và không là vốn chẳng có cho nên mới chứng đắc cho nên “tướng trần đã sạch, diệu sắc mật viên”* và được Như Lai ấn chứng là Ưu-ba-ni-sa-đà

(tức là tánh không), tức là hiểu rõ được tánh không mà nhờ sắc và không; tức là nhìn hình tướng bề ngoài hiểu được bên trong không có gì hết.

Hương Nghiêm đồng tử đứng dậy: “*Bạch Thế Tôn, con lại nghe Như Lai dạy quán các tướng hữu vi; khi về trai đường tĩnh tọa, đang lúc thiền quán thấy các vị Tỳ-kheo đốt hương trầm, mùi hương bay vào mũi; con quán, mùi hương này phi gỗ phi không, phi khói phi lửa, chẳng từ đâu đến chẳng đi về đâu; do đó ý căn tiêu diệt, phát minh vô lậu; Như Lai ấn chứng cho con là Hương Nghiêm, hương trần đã diệt thì diệu hương mật viên, con do hương nghiêm đắc quả. Phật hỏi về viên thông thì con nói hương trần là nhất*”.

Hương Nghiêm khi ngồi tĩnh tọa thiền nghĩ mùi hương trầm bay vào trong lỗ mũi và quán chiếu liền. Ông thấy không phải từ gỗ mới có mùi hương trầm. Phải đốt lên mới có mùi hương trầm. Thế thì gỗ, tự nó không có mùi hương; mùi hương này không từ gỗ ra mà cũng không từ khói ra. Nếu nói rằng nhờ lửa mà có mùi hương trong lửa đâu có mùi hương trầm phải không? Nó phải nhờ có gỗ, phải có oxy, không khí.

Vậy tất cả những mùi hương này chẳng từ đâu đến cho nên cũng sẽ chẳng đi về đâu. Nó do duyên sanh; tức

là phải có gỗ, lửa, khói, oxy... gồm tất những ấy như vậy mới tạo ra mùi hương. Có nghĩa là mùi hương như vậy nhưng tự nó không có thật, do duyên sanh; duyên sanh như huyễn, tức là không thật; vì biết không thật cho nên không có vướng mắc vào vào mùi hương. Vì không vướng mắc mùi hương, cho nên “diệu hương mật viên”, đặc quả A La Hán.

Tức là toàn phân tích cái trần: Sắc tướng, hương trần, rồi âm thanh... Tất cả đều là trần.

Hai vị pháp Vương Tử Dược Vương và Dược Thượng cùng với 500 Phạm Thiên đứng dậy, đánh lễ: *“Chúng con làm lương y nơi thế gian nhiều kiếp từ vô thủy, trong miệng ném những cỏ cây đến mười vạn tám ngàn thứ (18,000 thứ) nên biết hết tất cả các vị đắng, chua, mặn, lạt, ngọt và sự biến đổi các vật hòa hợp hay tự sanh gọi là thuốc nóng hay mát, thuốc độ đều chẳng biết. Từ khi phụng sự Như Lai, biết rõ tánh vị, phi không phi hữu, phi tức thân tâm, phi lìa thân tâm”*.

Cái vị không dính mắc tới cây, cũng không có lìa được cây; tại vì nhờ cây mới biết được mùi vị, cho nên 2 ông này khi ném, ông biết mùi đắng, cay... không phải trong cây đắng, cay; cũng không phải vì lưỡi đắng, cay mà phải có những điều kiện: có nước miếng, có nhận biết

rồi, rồi có cây đu các thứ khác nữa. Tức là do duyên sanh mà nhờ biết được như vậy, phân biệt được bản nhân của vị trần, biết rằng không thực cho nên được Phật ấn chứng cho anh em danh hiệu là Dược Vương – Dược Thượng Bồ Tát.

Vị trần có nghĩa là sao? Có nghĩa là cái bên ngoài nhưng dính vào lưới, tức là trần dính vào lưới nên gọi là vị trần. Cho nên mới nói rằng vị trần là hơn cả. Tức là 2 vị Dược Vương – Dược Thượng Bồ Tát nói là nếm, nếm đến mười tám ngàn vạn ngàn thứ (18,000). Vậy 18,000 thứ là cái gì? Ở Ấn Độ, con số 18,000 tượng trưng cho nhiều, nhiều đến nỗi không đếm xuể. Tuy nhiên, mười tám ngàn vạn thứ (18,000) là gì? Là lục căn, lục trần, lục thức ($3 \times 6 = 18$).

Bạt-đà-bà-la cùng 16 đại sĩ đứng dậy, đánh lễ Phật nói rằng: *“Đến giờ tắm, chúng con theo lệ vào phòng tắm; bỗng ngộ rằng: Tránh nước chẳng rửa được bụi, cũng chẳng rửa thân, khoảng giữa an nhiên vốn vô sở đắc. Cho nên hôm nay theo Phật xuất gia, vì sự huân tập từ xưa chẳng quên; khiến đắc quả Vô học, Như Lai đặt tên con là Bạt-đà-bà-la có nghĩa là Hiền Hộ, do phát minh ra diệu xúc, thành pháp Vương tử”*.

Nghĩa là do xúc, nước làm sao rửa được bụi, cũng không rửa được thân. Nhưng tại sao khi ta tắm thì sạch. Nước tự tánh làm sao rửa bụi nhưng dụng của nó là rửa được, tánh của nó là không mà tác dụng thì rửa được. Chính nhờ như vậy, hiểu được cái lý và được Đức Thế Tôn đặt tên là Hiền Hộ. Và khi Phật hỏi lý do gì ông Bạt-đà-bà-la nói rằng xúc trần là quan trọng. Có nghĩa là trần dính theo xúc. Nãy giờ chúng ta học đều dính líu tới ngũ căn; nhưng nó là trần, là ngũ trần.

Ngài Ma Ha Ca Diếp và Tử Kim Quang đứng dậy, đánh lễ Phật: *“Kiếp xưa trong cõi có Phật Nguyệt Đăng Quang ra đời; con thấp đèn liên tục, cúng dường xá lợi, lấy vàng tử kim quang tô phết hình Phật. Từ đó đến nay, thân thể thường viên mãn, sáng ngời như vàng tử Kim Quang. Con quán thể gian lục trần đều biến hoại; chỉ y theo pháp không tịch, tu diệt tận định thì thân tâm mới có thể trải qua ngàn kiếp như búng ngón tay. Con nhờ do pháp quán không, đắc quả A La Hán”*.

Không có nghĩa là không tịch luôn, diệt tận định luôn. Không còn chấp tướng, chấp tên được gọi là không, đó là hữu vi. Cái không là không thể nói ra được. Thế Tôn khen con là tu hạnh đầu đà bậc nhất, diệu pháp sáng tỏ, tiêu diệt phiền não; như con thì pháp trần là hơn cả. Tức

là tu theo pháp trần thấy rằng nó không có, tịch lặng, yên, không dấy động... cho nên mới đạt pháp không tịch.

Ngài A-na-luật-đà đứng dậy, đánh lễ nói rằng: *“Lúc mới xuất gia, con thường hay nằm ngủ; Như Lai quả con là loài súc sinh. Nghe lời Phật quả, con khóc suốt 07 ngày không ngủ, hư 02 con mắt. Thế Tôn lại dạy cho con tu “Lạc kiến chiếu minh kim cang tam muội” chẳng nhờ vào 02 con mắt nữa mà bỗng xem thấy 10 phương rỗng suốt như trái cây trong bàn tay. Như Lai ấn chứng cho con đắc quả A La Hán, nay con nói “xoay cái thấy quay về bản tánh” là hay hơn cả”*.

Tức là, nếu cái thấy xoay ra ngoài thì thấy lung tung vì nó giao thoa căn trần, cho nên nhiều loạn. Mà ngài A-na-luật-đà chứng vì Phật quả cho nên khóc, do khóc bị mù mắt; nhưng nhờ tu “Lạc kiến chiếu minh kim cang tam muội”, vậy nên không cần con mắt mà vẫn thấy được thế giới..

Ngài Châu Lợi Bàn Đặc Ca (Chu Lợi Bàn Đặc) đứng dậy, đánh lễ Phật, nói rằng: *“Trí nhớ của con kém, không thể tụng trì dù chỉ nhớ 01 số câu kệ của Như Lai trong 100 ngày mà chẳng thuộc. Phật thương xót dạy con an cư, tu số tức quán. Con quán hơi thở, cứ quán hơi thở thôi và khi quán hơi thở tới chỗ tốt cùng thì thấy các*

hành tướng vi tế đời đời từng sát-na, nơi sanh - trụ - diệt - diệt; thì tâm bỗng nhiên ngộ, đạt được đại vô ngã, phiền não đều dứt hết. Cho nên, nếu Phật hỏi thì con nói rằng “Xoay hơi thở trở về tánh không” là hơn cả”.

Ông A Na Luật Đà nói “*Xoay cái thấy trở về bản tánh*”; Ông Châu Lợi Bàn Đặc Ca nói “*Xoay hơi thở về tánh không*”; tức là tất cả đều trở về chỗ rỗng rang, không chạy theo cảnh.

Kiều Phạm Bạt-đề (Kiều Phạm Ba-đề) nói rằng: “*Con có khẩu nghiệp khinh rẻ Sa môn trong quá khứ, cho nên mắc bệnh là nhai như trâu. Phật dạy cho con “nhất vị thanh tịnh tâm địa”, tức là tâm chỉ có 1 vị thôi; con quán biết vị chẳng phải thân, chẳng phải ngoại vật*”. Không phải là vì thân có lưỡi nếm ta mới biết được hoặc là vật có mùi như thế. Không phải vậy, mà cần có nhiều yếu tố giao thoa, do duyên sanh. Cho nên, bên trong thì giải thoát thân tâm; bên ngoài lìa bỏ thế giới, xa lìa tam giới như chim sỏ lông, lìa cấu tiêu trần, pháp nhãn thanh tịnh, đắc quả A La Hán. Cho nên, khi Phật hỏi thì con nói “xoay cái biết vị trở về tự tánh”, tức là nếm, mùi vị, xoay cái biết của vị ấy trở về tự tánh; tức là đừng có chạy theo. Chạy theo thì gọi là gì? Là thức của nếm; tức là biết của nếm thôi; chứ còn khi xoay biết trở về tự tánh mới thấy rỗng rang.

Tất-lãng-già-bà-ta nói như thế này: “*Lúc đi khát thực đang suy nghĩ pháp môn, bất giác bị gai góc đâm cả vào chân; con đau đớn nghĩ rằng: Cái biết về sự đau đớn này nhưng dù biết về cái đau đớn, nhưng bản chất trong sạch chẳng có đau, chẳng có Năng đau và Sở đau; tức là không có ta đau, mà cũng không có cái của ta đau. Tại vì cả 2 cái đấy nó đều không có thật. Thế thì cái đau thì nó từ đâu? Một thân đau thế có 2 giác: Năng giác và Sở giác. Nhiếp niệm chưa bao lâu thì thân tâm bỗng thành không tịch trong 21 ngày, tập khí phiền não đều dứt sạch, đắc quả A La Hán. Cho nên, khi Phật hỏi thì con nói là “quên thân thuần giác” là hơn*”. Bị cái gai đâm đau nhưng thuần cái biết, cái giác của ta thuần; tức là nói rằng không thể nào chia làm 2 là Năng giác và Sở giác được, thì cái đau ở đâu? Và vì biết được như vậy, cho nên chứng đắc A La Hán. Tất cả đều do duyên sanh.



Ngài Tu Bồ Đề đứng dậy nói: “*Lúc còn trong thai đã biết tánh không tịch, cũng khiến chúng sanh chứng được tánh không; như thế cho đến mười phương đều thành tánh không; nhờ Như Lai phát minh giác tánh chơn không, nên tánh không được sáng tỏ, đắc quả A La Hán. Con là bậc nhất, Phật hỏi về viên thông như chỗ chứng thì con nói “xoay pháp về tánh không”;* tức là những cái về duyên sanh, quay trở về chiếu nơi tánh không vì thực sự ra những cái đó rỗng rang.

Ngài Xá Lợi Phất nói: “*Tánh kiến của bản tâm trong sạch, thọ sanh nhiều đời như hàng xa, đối với các pháp biến hóa thế gian, xuất thế gian hẳn thấy liền thông suốt. Con giữa đường gặp anh em Ca-Diếp-Ba thuyết nghĩa nhân duyên, ngộ tâm chẳng bờ bến. Con theo Phật xuất gia, giác ngộ tánh kiến sáng tỏ được đại vô úy đắc quả A La Hán do pháp âm của Như Lai làm chủng tử của Phật. Phật hỏi vì viên thông thì con nói rằng “tánh kiến của bản tâm là sáng tỏ”;* sự sáng tỏ đến chỗ cùng cực đồng tri kiến Phật là hơn cả. Có nghĩa là tánh thấy của bản tâm là quan trọng nhất; không có ngăn ngại.

Ngài Phổ Hiền Bồ Tát nói như thế này: “*Con theo căn cơ tu hạnh Phổ Hiền, hạnh đó theo con mà lập nên tên. Thế Tôn, con dùng tánh văn của bản tâm; tức là nghe bản tâm, phân biệt tất cả tri kiến của chúng sanh. Nếu*

chỗ nào có người phát tâm theo hạnh Phổ Hiền con cười voi sáu ngà, phân thân thành trăm ngàn đến để độ; cho nên khi Phật hỏi viên thông con nói “cái tánh vắng của bản tâm sáng tỏ, phân biệt tự tại” là hơn cả”. Nghĩa là phân biệt mà không phân biệt gọi là phân biệt tự tại; phân biệt mà không câu chấp gọi là phân biệt tự tại; phân biệt mà tự nhiên ý cũng không khởi lên nữa thì đây mới gọi là phân biệt tự tại.

Ngài Tôn-đà-na-la đứng dậy, đánh lễ Phật bạch rằng: *“Lúc con mới theo Phật xuất gia thì giữ đủ giới nhưng tâm vẫn còn tán loạn. Thế Tôn dạy con “Câu-xi-la quán” nơi chót mũi, lúc con mới tu quán này, 21 ngày thấy hơi thở ra như khói; thân tâm liền sáng tỏ, trong sạch, tướng khói lần lần tiêu. Tức là nương theo cái tướng khói để tu và đến khi tu được tới mức tâm rộng rang rồi tự nhiên cái tướng khói ấy cũng biến mất; tâm được khai ngộ. Cho nên, con mới nói là “Quán sổ tức”, tức là tiêu diệt hơi thở, quán lâu phát minh sáng tỏ, dứt sạch phiền não vì vậy “Quán sổ tức” là quan trọng hơn hết”.*

Ngài Phú Lô Na đứng dậy, nói như thế này: *“Từ xưa đến nay con biện tài vô ngại: thuyết pháp. Thế Tôn biết con có biện tài; dạy con dùng âm thanh giúp Phật chuyển pháp luân; con do thuyết pháp đắc quả A La*

Hán. Thế Tôn chứng cho con thuyết pháp bậc nhất, cho nên nếu Phật hỏi con nói “do pháp âm hàng phục tà ma, ngoại đạo”, nhờ âm thanh nói ra mà hàng phục được ngoại đạo, từ cái đáy đưa vào cửa đạo”.

Ngài Upali bạch rằng: “*Nhờ giới luật nên giải thoát được tham dục, phiền não thế gian và trì thân vì trì thân được tự tại; rồi tiếp đến trì tâm, tâm được thông; cho nên thân tâm đều được thông triệt*”. Tức là sử dụng phương tiện để câu thúc thân và tâm, cho đến chỗ không cần thúc nữa, mà tự nhiên đi vào nề nếp.

Tôn giả Đại Mục Kiền Liên nói rằng: “*Khi Đức Phật giảng về nhân duyên thâm sâu của Như Lai liền phát tâm, cả 10 phương thế giới đều khen con là có thần lực. Phật hỏi về viên thông thì con nói rằng “ý thức lảng xãng, quay trở về tịch lặng*”. Nếu khi tâm lảng xãng thì quay nó trở về tịch lặng; diệu tâm sẽ sáng tỏ; như nước đục để lâu ngày không đục tới thì sẽ lắng xuống và trong. Tức là lúc này nói trần, bây giờ nói tới căn.

Ô-sô-sắc-ma nói như thế này: “*Đời người đa dâm như đồng lửa hồng, cho nên Đức Phật không ra đời dạy con quán khách hơi lạnh và nóng trong cơ thể (trong cơ thể ta có cái nóng, cái lạnh thì quán) thì quán rất kỹ. Mà khi quán rất kỹ rồi thì tự nhiên đứng lặng lại, hóa tâm đa*

dâm thành lửa trí tuệ, từ chỗ dâm dục thành trí tuệ. Cho nên, chư Phật đều gọi con là hỏa đầu, nhờ sức “hỏa quan tam muội” cho nên đắc quả A La Hán”. Có nghĩa là nếu như quán hơi ấm, nơi thân tâm lưu thông chẳng ngại phiền não dứt sạch, sanh ra trí tuệ. Nếu thường thường quán chiếu các hơi ấm, tức là nhiệt, năng lượng trong người, quán chiếu lưu thông như thế nào thì tất cả các phiền não đều dứt sạch.

Ngài Trì Địa Bồ Tát nói như thế này: “*Tỳ xá Như Lai khi đi ngang xoa đầu con nói rằng: Nên bình tam địa, tất cả địa thế giới đều bình*”. Nếu mà bình tam địa tất cả địa trên thế giới đều bình; vì khi ấy vị này chỉ lo sửa đường thôi và khi Phật đi qua, Phật nói câu ấy thì lập tức khai ngộ và hiểu được rằng: Vi trần của các thân thể với các vi trần tạo thành thế giới không có sai biệt; tức là chúng sanh bên ngoài và chúng sanh bên trong là giống nhau; tự tánh là không; do vì thấy như thế, cho nên ngộ “vô sanh nhẫn” đắc quả A La Hán.

Nên khi Phật hỏi thì nói rằng quán thân thể và thế giới 2 thứ vi trần không sai biệt; thân của ta và thế giới là hai thứ ấy không có sai biệt. Chúng sanh bên ngoài chúng sanh bên trong nói theo danh từ cho dễ hiểu; chứ còn thực chất đều là năng lượng, bên ngoài là năng lượng, bên trong cũng là năng lượng và thế giới này có 118

nguyên tử. Thấy nhà cửa, đất đai, rừng, cây cỏ, núi non nhưng các khoa học gia đã chứng minh có 118 nguyên tử; mà nếu chia chẻ cho tới tận cùng thì trong đó chỉ có ion cộng và ion trừ (ion⁺ và ion⁻), trong những khoảng trống ấy là khoảng chân không; nên không có gì sai biệt cả. Cho nên, vạn pháp đều bình đẳng, tánh đều rỗng rang; vì hư vọng nên phát ra cảnh trần, nếu trần tiêu thì trí hiện; nghĩa là nếu ta không chạy theo cảnh nữa thì 1 niệm không sanh; mà 1 niệm không sanh, dứt bật thì trí tuệ phát sinh.

Nguyệt Quang Đồng tử liền đứng dậy mới nói rằng: “*Con tu tập thủy quán vào Tam Ma Địa; quán thủy trong thân, từ nước mũi nước bọt cho đến các thứ dịch vị, tinh huyết đều đồng một tánh thủy*”. Tức là máu, nước mắt, nước tiểu ... các thứ đều là cùng một tánh thủy và thấy nước trong thân cùng các nước bể của Liên Hoa Tạng thế giới cũng không khác. Có nghĩa là nước ở trong thân như máu, nước mũi, nước tiểu, nước đờm dãi ... tất cả những thứ nước ấy cùng là H₂O; mà nếu cùng là H₂O nước ngoài biển cũng là H₂O hay nước trên mây cũng là H₂O, nước trong tủ lạnh cũng H₂O ... cùng thấy và khi đã thấy rõ được như thế thì thấy cũng không có cấu, không có tịnh, không có tăng mà cũng không có giảm; thấy rõ được thực tánh của nó là như thế.

Khi con mới tu quán chưa quên được thân; lúc ấy con đang ngồi tọa thiền có một đệ tử nhìn vào thấy nước trong phòng đầy; nhỏ dại không biết nên lấy một miếng ngói ném vào trong nước rồi bỏ đi. Khi xuất định con thấy đau tim; rồi con tự nghĩ: Nay con đắc A La Hán lìa khỏi bệnh duyên, sao bỗng nhiên bị đau tim. Thế rồi, đệ tử lại kể việc trên và con bảo sau này, nếu thấy nước nên mở cửa, vào lấy miếng ngói ra; đệ tử vâng lời khi thấy nước vào lấy miếng ngói ra sau đó thân thể con lại được như cũ.

Tại sao khi ông này ngồi thiền, ông quán thấy nước; rồi người đệ tử ném miếng ngói vào ông lại bị đau? Là vì ông chưa quên được thân. Ông quán được nước, tức là ông quán thủy, thân ở trong nước chảy ra; khi ông ngồi thiền tất cả đều hóa thành nước. Nhưng nước ấy là nước tướng, tướng tri; tức là do tướng mà biết, chứ không phải thực của nó mà biết; chính vì vậy cho nên vẫn còn chấp, chấp có thân và vì như thế cho nên người đệ tử ném miếng ngói vào thân mới đau; khi đã thấy rõ ràng thân là huyễn thì đâu còn có gì nữa đâu mà đau và ông phải tu nhiều đời, nhiều kiếp sau đó mới quên được thân, tất cả thân đều hóa thành nước cùng với nước các bể Hương Thủy nơi mười phương thế giới đồng một tánh chơn không; chẳng hai chẳng khác. Cho nên, Phật

hỏi viên thông thì nói “quán tánh nước một mực lưu thông được vô sinh pháp nhẫn”; tức là biết rõ thân của ta chỉ là nước mà thôi.

Lưu Ly Quang Pháp Vương đứng dậy, đánh lễ, bạch Phật rằng: “*Hồi xưa có Phật Vô Lượng Thanh ra đời, dạy quán thể giới và thân chúng sanh đều do sức gió, vọng duyên xoay chuyển; tức là đều do sức gió của vọng duyên; hễ mà thấy có duyên thì lập tức khởi tâm vọng chạy theo, cho nên là đều theo sức gió*”. Lúc bấy giờ, Ngài quán sự an lập của không gian, sự chuyển động của thời gian, hành động của thân thể, sự động – tịnh của tâm niệm, các thứ động ấy chẳng hai chẳng khác. Tức là cái động của không gian, cái động của thời gian và hành động của thân thể, cái động - tịnh của tâm niệm; những thứ ấy cũng giống nhau, chẳng có gì khác và vì thấy được như thế cho nên giác ngộ.

Nghĩa là thấy rõ các cái động ấy là năng lượng, không có gì khác; cho nên chẳng đến và chẳng đi; nó không có điên đảo và con gặp Phật chưa bao lâu thì được vô sanh pháp nhẫn. Lúc bấy giờ thấy cõi Phật ở Đông Phương bất động, làm pháp vương tử, phụng sự 10 phương Phật, thân tâm phát ra ánh sáng thấu triệt chẳng ngại; Phật hỏi con vì sao viên thông, con nói “quán sức gió, chẳng nơi nương tựa”; sức gió là do duyên, chứ nó không có chỗ

nào nương tựa, không có chỗ nào xuất và cũng không có chỗ nào diệt.

Gió là trạng thái di động của không gian, chỗ nào rỗng bị bốc hơi lên chỗ khác đã kéo tới lấp vào chỗ ấy, cho nên tạo ra gió mà thôi.

Hư Không Tạng Bồ tát nói như thế này: *“Quán Tứ Đại chẳng có nơi nương tựa, vọng tưởng sanh diệt với hư không và cõi Phật vốn đồng. Tứ đại, không có gốc mà cũng không có nơi nương tựa; cho nên vọng tưởng của ta, cũng sanh diệt; hư không và cõi Phật cũng giống nhau; hư không cũng là cõi Phật mà cõi Phật cũng là hư không và khi hiểu được như thế, cho nên đắc vô sanh pháp nhẫn. Nên khi Phật hỏi ngài nói “nhờ quán hư không vô biên”; tức là do sự quán của hư không”*.

Cái quán này là gì? Đây là cái biết - thức. Lúc đầu, chúng ta học về trần, sau đó chúng ta học căn và bây giờ chúng ta học về thức.

Di Lặc Bồ Tát cũng nói rằng: *“A Di Lặc Bồ Tát dù là theo Phật xuất gia, còn ham danh dự thế gian, ưa giao du với các quý tộc; cho nên Đức Thế Tôn dạy con tu tập “duy tâm thức định vào tam ma địa”. Duy tâm thức định vào tam ma địa và từ nhiều kiếp đến nay; dùng tam muội này, phụng sự hàng hà chư Phật. Cái sự ham cầu về*

đanh dự đã dứt sạch, con mới thành được “Vô thượng diệu viên thức tâm tam muội”; ngộ rằng các pháp do sạch đều không; đều do tâm thức mà biến hiện ra thôi. Vì do tâm thức biến hiện ra, vì con ngộ được duy tâm thức như thế; cho nên con quán 10 phương duy thức, tâm thức sáng tỏ, chứng nhập viên thành Phật, xa lìa tánh y tha khởi và biến cái chấp”.

Tức là, những cái gọi là y tha khởi và biến cái chấp đều xa lìa hết; biết rất rõ là do duy tâm biến hiện; mà do duy tâm biến hiện thực sự ra cũng là thức. Cho nên, Ngài Di Lặc tượng trưng cho thức, tức là biết của thế gian.

Khi duy tâm thức định cho đến khi thành vô thượng diệu viên thức tâm tam muội tức là chuyển thức thành trí; tức là biết thành căn bản trí rồi thì viên thành Phật. Khi chưa chuyển thì còn bị cảnh trói buộc (gọi là biến cái chấp); mà khi rời biến cái chấp được rồi, thì bị Pháp buộc (nghĩa là chấp vào y tha khởi). Ham danh dự thế gian là tướng biến cái chấp; ham cầu danh dự thế gian dứt sạch là tướng chấp y tha khởi; đến khi liễu ngộ tất cả các duy tâm thức thì tánh ấy hiện ra vô số Như Lai; đây là tánh viên thành Phật. Giống như người mắt nhắm thấy như thế; còn con mắt không bị nhắm, trong sáng thì viên thành Phật, thấy sao là thấy vậy thôi.

Đại Thế Chí pháp vương tử cùng 52 vị Bồ Tát đồng tu đứng dậy, bạch Phật: “Con nhớ hàng hà sa số kiếp trước, có Phật Vô Lượng Quang ra đời; thưở đó 12 vị Như Lai kế nhau thành Phật như hình với bóng và Như Lai tưởng nhớ chúng con như mẹ nhớ con. Nếu con trốn tránh thì dù nhớ cũng chẳng làm gì được; nếu con nhớ mẹ thì mẹ nhớ con. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện nay hay về sau nhất định thấy Phật, cách Phật không xa, như mẹ nhớ con; vì bởi nếu tâm chúng sanh nhớ Phật và niệm Phật thì hiện nay hay về sau đều nhất định thấy Phật; chẳng nhờ phương tiện, tâm tự khai ngộ, không cần phương tiện gì hết; hễ mà nhớ tới Phật thì đương nhiên cái tâm của ta là tâm Phật, trong tâm đã có Phật; tâm tự khai ngộ như người ướp hương thì thân có mùi hương; cho nên gọi là Hương Quang Trang Nghiêm. Bản thân của con dùng tâm niệm Phật, đặc Vô Sanh Nhân; nay ở cõi này tiếp dẫn người niệm Phật về cõi Tịnh Độ; Phật hỏi con viên thông, con nói “Nhiếp cả lục căn, tịnh niệm tương tục vào tam ma địa” là hơn cả lượt giải”.

Có nghĩa là, người nhiếp cả lục căn, tức là 6 căn thân liễu hết, không để căn chạy theo cảnh nữa; thì niệm như vậy được liên tục và không bị rối loạn “nhất tâm bất loạn”; tâm niệm trong sạch, tịnh niệm tương tục như con

nhớ mẹ; miệng niệm tâm nhớ; tâm nhớ miệng niệm, nhiếp cả lục căn; mà hễ khi đã nhiếp cả lục căn rồi thì cái gì là đúng sai, xấu – đẹp, khen – chê không nghe nữa; mùi thơm – thú vị giống y như nhau; tại vì niệm Phật mà tương tục như con nhớ mẹ; tâm niệm trong sạch rồi thì làm gì còn phân biệt, không khởi lên phân biệt thì làm sao thấy có ngon - dở; thơm – thú vị, khen – chê...nữa; không khởi niệm buồn vui; thân có đau cũng không khởi niệm buồn; hay thân có đang ngồi tòa sen cũng không khởi niệm vui.

Lục căn đã bị thâm nhiếp rồi, cho nên định ở trong Tam Ma Địa; như thế là thấy Phật; cho nên tự khai ngộ; tự tánh Di Đà là như thế. Nếu nhiếp được lục căn thì tự khai ngộ; mặc dù có nguyện lực bất khả tư nghì của Phật Di Đà đi nữa, cũng phải nhờ đến **đại nguyện của chính ta**, tương ứng với đại nguyện của Phật. Nếu mà chỉ dùng tâm nghĩ, miệng nói chỉ là nguyện suông.

Đức Thế Tôn nói: *“Phàm phu tán thán Như Lai, tức là khen Như Lai có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp và những lời giáo lý của Ngài là vi diệu vô cùng; thì Đức Thế Tôn nói những kẻ ấy là phàm phu tán thán Như Lai. Chỉ có những người hiểu, hành trì đúng theo lời của Đức Thế Tôn dạy thì những kẻ ấy theo Đức Thế Tôn nói thì ấy chính là những người tán thán Như Lai”*.

Người muốn tán thán Như Lai chân thật là những người phải hành trì, hiểu những lời Đức Thế Tôn dạy, mới thật sự là những người tán thán Như Lai. Cho nên, nói rằng nếu có đại nguyện mà chỉ dùng tâm nghĩ miệng nói ấy là nguyện suông thôi. Nói tín – hạnh – nguyện mà nguyện kiểu ấy thì chỉ là nguyện suông; mà phải thực hành đúng theo nguyện mới là chân thật.

Nói rằng buông xả thì buông xả; nói bỏ thì bỏ. Đức Thế Tôn dạy là người tu thì không được giận quá một đêm; về nhà có giận thì cũng không được giận quá một đêm. Đức Thế Tôn dạy thì thực hành thì mới gọi là tán thán Như Lai.

Thế thì trong 25 cửa này nói cho bạn điều gì?

25 cửa gồm có $18 + 07$. Trong đó: 3×6 (căn, trần, thức) = $18 + 07$ thất đại (theo mắt, theo mũi, theo tai...), ở đây có vị ấy chỉ cần có 1 cái đã chứng đắc rồi. Ví như ngài Hương Nghiêm, chỉ ngửi mùi hương trầm, mà phát hiện ra được rằng mùi hương trầm ấy không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, đủ duyên sanh nên có lửa, có khói, có oxy, có cây gỗ đấy khi đốt lên có mùi thơm.

Hãy chọn cho ta 1 pháp môn để tu; chẳng cần phải đọc hết tất cả tam tạng kinh điển. Các vị tu sĩ phải có trách nhiệm đi hoằng pháp, cho nên các Ngài ấy phải

học cho hết, để làm sao khi nói ra có lợi lạc cho Đạo tràng. Còn đối với những bạn muốn tu để thoát ra khỏi sinh tử luân hồi, bắt chước như các Ngài này chỉ chọn 1 pháp môn thôi. Nếu nói niệm Phật thì cứ niệm Phật; niệm cho tới lúc nhất tâm bất loạn; niệm như là không còn biết là niệm nữa, niệm không còn vướng mắc vào nữa. Tự nhiên niệm, mà cũng không chú ý nữa mà vẫn niệm thì mới là thù thắng.

Nhất tâm bất loạn có nghĩa là sao? Tại sao nói là nhất tâm bất loạn? Hễ mà còn một niệm, trong kinh nói rằng: Nhẫn đến 1 niệm mà nhất tâm bất loạn là nói ý tứ vậy thôi. Hễ có 1 niệm là vướng theo niệm; tại vì còn 1 niệm thì làm sao nói là nhất tâm bất loạn được. Cho nên, nó là đối đãi; là phản nghĩa; nhưng mà thực sự ra là mượn danh từ thế gian để nói cho dễ hiểu, tức là trụ lại, dứt bặt 1 niệm không sanh, thì nơi ấy trí tuệ phát sinh;

Đức Thế Tôn nói ở nơi 1 niệm không sanh thì rỗng rang; mà hễ rỗng rang rồi thì trí tuệ phát sanh. Ở trong kinh A Di Đà nói là “Nhẫn đến 1 niệm mà nhất tâm bất loạn”, tức là dấu chỉ là 1 niệm thôi mà tâm không tán loạn; mà tâm không tán loạn đâu còn niệm nữa phải không? Tại vì còn 1 niệm tức là còn chạy theo niệm; cho nên mượn niệm, mượn lục tự Di Đà (Nam mô A Di Đà Phật) để loại trừ các vọng tưởng điên đảo; khi đã loại trừ

được những vọng tưởng điên đảo rồi lục tự Di Đà cũng phải biến mất luôn, tại vì rỗng rang; 1 niệm không sanh.

Ngài Vô Nãi rượt theo Đức Thế Tôn rồi nói: “*Này Cồ Đàm hãy đứng lại*” và Đức Thế Tôn đáp: “*Ta đã dừng lại từ lâu, tại sao ông lại không dừng?*”, ngay ở câu đó khi nghe ông Vô Nãi giác ngộ liền. Ta đã dừng lại từ lâu có nghĩa là Đức Thế Tôn đứng lại hay sao; cái thân đứng lại để chờ ông Vô Nãi bắt kịp, để bị giết cho đủ 1000 lỗ tai hay sao? Dừng lại là dừng bất các ý niệm, không 1 niệm sanh nữa. Tại vì ông kia có ý niệm ta đang có 999 lỗ tai rồi, giờ chỉ thêm 1 của Sa môn Cồ Đàm nữa là đủ 1000 để chứng đắc. Có nghĩa là khởi lên niệm có sự chứng đắc và có pháp để tu, có pháp để đạt tới và có quả vị để đạt; mà thật ra quả vị hay pháp đều là do duyên sanh và hễ cái nào có hình tướng thì như trong kinh Kim Cang nói: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*”. Có nghĩa là tất cả những gì có hình tướng đều là giả dối, là hư vọng, là huyễn.

Trong kinh Bát Nhã cũng y như thế: “*Nó là vô hình vô tướng*”; trong kinh Vô Ngã Tướng cũng nói như thế: “*Nó có tướng mà nó vô ngã, nên gọi là vô ngã tướng*”. Khi nói “nhất tâm bất loạn” là nói theo ngôn ngữ vậy thôi. Khi nào 1 niệm cũng không sanh nữa thì trí tuệ phát sinh.

Cho nên 25 cánh cửa, 25 con đường nhưng nói tựu chung lại chỉ có 1 cánh cửa mà thôi: Đường nào cũng đến La Mã; nếu bạn chọn 1 con đường, chọn 1 pháp môn để tu và miên mật hành trì pháp môn đó, tu cho đến nơi đến chốn. Đừng hôm nay chọn tu Thiền, ngày mai chọn Tịnh, ngày mốt là Mật Tông.

Bạn hãy tùy nghi chọn cho 1 pháp môn, rồi cứ thế hành trì cho tới buông luôn cả pháp môn ấy; tại vì chỉ là phương tiện và trong kinh cũng đã nói rất rõ; bạn thấy 25 cái nhưng tất cả chỉ là phương tiện thôi, tới chừng cuối cùng chúng A La Hán rồi, tức là rỗng rang không còn có gì hết.

Ở trong kinh Pháp Hoa có phẩm nói Đức Thế Tôn thấy mấy đứa con mãi lo vui chơi trong nhà lửa, Đức Thế Tôn mới bày ra 3 loại xe và bảo các con ra ngoài này cha sẽ cho; mấy người con nghe thấy thế vui mừng quá, chạy ra theo lời cha nói để được đồ chơi. Và khi các con chạy ra khỏi nhà lửa rồi thì giữa ngã tư đường trống không (hàm ý rằng: trống không, không có gì hết).

Tại sao trong kinh nói: Khi nghe theo lời cha nói có 3 thứ xe và nếu ra khỏi nhà lửa thì được cha tặng, vì ham thích món đồ chơi cha nói nên các người con chạy ra

khỏi nhà lửa và khi chạy ra rồi thì giữa ngã tư đường và thấy trống không.

- “Trống không” là rỗng rang, là không có gì;
- “Ngã tư” là Tứ Diệu Đế; Tứ Diệu Đế là rỗng rang không có gì hết. Cái khổ (dukkha) là khổ rỗng rang. Nếu chấp rằng có cái khổ thực thì khổ đó có hình tướng; mà nếu có hình tướng thì có hoại; hữu hình hữu hoại, duyên sanh; cái khổ không thực, cái thực chính là cảm thọ. Tại vì cảm thọ cho nên mới khổ; cảm thọ mới khổ; có cảm thọ mới vướng mắc.

Kinh Phạm Võng cũng nói thế: 62 pháp lý luận đều không vượt ra khỏi lưới sanh tử. Tại sao thế? Tại vì các vị Bà-la-môn, các nhà đại lý luận đều bị cảm thọ: Nói rằng điều lý luận ấy là đúng; cái ấy là của ta; ta lý luận; ta nói đúng...và hễ có chấp trước, cố chấp như thế; tức là có cảm thọ mà vì có cảm thọ nên có sanh tử luân hồi – Ái nhiễm.

Sau đây là trích mấy câu thơ của cô Hòa thượng Thiền Tâm.

Trong 1 lần Hòa thượng Bửu Huệ lâm trọng bệnh Hòa thượng Thiên Tâm có đến viếng ngài Bửu Huệ và với những dòng thơ chan chứa đạo tình, ý vị siêu thoát.

Bài 1 – Gửi cho Hòa thượng Bửu Huệ

*Sống chết, thanh suy lý vẫn thường
Tuổi cao gần Phật, bận chi thương
Sen thanh thơm thoảng, tòa kinh phạn
Trăng bạc soi ngàn, mái tóc sương
Phai khách viếng thăm, phai tục vị
Dẫn câu trì niệm, đậm liên hương
Nghìn tâm bật dấu, trâu người mát
Muôn trượng dài kim, ánh tỏ tường.*

Bài 2 – Gửi cho Hòa thượng Thích Thanh Từ

*Chốn cũ chơn như lấm nẻo về
Đường tuy khác lối vẫn đồng quê.
Trong Thiên có Tịnh, trời Lư Lãn,
Nơi Tịnh gồm Thiên, nước Đông Khê.
Tiến bước nguồn tâm ngời nguyệt sáng
Quay nhìn bể tục ngát hương thê.
Bao giờ học kẻ cười hoa được
Dem ý sen lành rải bến mê.*



Ngài Bửu Huệ nhập thất 10 năm, không nói một câu, nhập thất 10 năm tới khi ra thất miệng cứng, không thể nói được. Ngài Bửu Huệ dạy chúng tôi. Ngài nói: “*Khi nào con không còn nói gì nữa thì con mới làm được Phật sự. Có nghĩa là luôn luôn quán chiếu vào tâm của ta, đừng có chạy theo cảnh và cũng đừng có nói nữa*”. Tại vì “Há khẩu thần khí tán” mà “Động lưỡi thị phi sanh”, cho nên hạnh không nói là hạnh lắng nghe; hạnh nhẫn. Nó bao gồm hết cả trong ấy. Ngài ở trong thất, nhập thất 10 năm khi bước ra rồi nói không được, miệng cứng lại; phải từ từ 1 thời gian sau rồi Ngài mới nói và Ngài nói rất ít. Ngài Thiền Tâm lúc nào cũng niệm Phật thôi. Khi nghe tới câu “Há khẩu thần khí tán. Động lưỡi thị phi

sanh” là Ngài bỏ hết mọi việc, không nói gì hết nữa; Ngài chỉ niệm Phật thôi “Nam mô A Di Đà Phật”, niệm liên tục cho tới chết luôn, không lúc nào rời, thù thắng như vậy đây.

Ngài Thiên Tâm ở trên Đại Lãnh, Lâm Đồng, có mấy con rắn lớn ra che mộ và lúc còn sống ra ngoài canh cửa khi Ngài ngồi thiền. Và bây giờ cũng có một vị cũng tương tự như vậy là Hòa thượng Pháp Chiếu. Lúc Ngài ngồi trong thất nhỏ, chúng tôi thấy có rắn trước cửa. Ngài không ở trong Chùa mà đi vào trong rừng cắt cái cốc nhỏ chút xíu ở trong ấy để tịnh, để trì chú. Ngài Pháp Chiếu tu theo Mật Tông; rồi cũng có con rắn lớn, ở ngay cửa để canh chừng. Cho nên sự chiêm cảm giữa người tu khi tâm đã thanh tịnh các con vật cũng được chiêm cảm, được thanh tịnh thôi; cùng 1 thể.

Có câu chuyện Ngài Xá Lợi Phất và Đức Thế Tôn, 1 buổi nọ con chim sẻ bị con chim đại bàng rượt; nó hết hồn bay vào trong tay áo của Đức Thế Tôn núp; rất là an lạc tại vì khi núp vào trong ấy con đại bàng không tới nữa. Thế rồi, Ngài Xá Lợi Phất đứng gần, hé mắt vào nhìn xem con chim sẻ ra làm sao; con chim sẻ la um sùm lên hết, nó nhảy la, sợ. Thấy thế, Ngài Xá Lợi Phất mới hỏi: “*Tại sao con chim sẻ bay vào tay áo của Đức Thế*

Tôn thì nó lại an lạc như thế. Nhưng mà tại sao khi Con mới nhìn thì nó lại nhảy lên, la ó um sùm như thế”?

Đức Thế Tôn mới nói là: “*Tại vì tạp khí của ông còn, mặc dù ông chứng đắc A La Hán nhưng ông chưa hoàn toàn thanh tịnh*”; trong khi đó Đức Phật là hoàn toàn một niệm không sanh; đã dứt bật hết rồi, rỗng rang và vì rỗng rang nên con chim an lạc, không bị luồng từ trường, luồng điện ảnh hưởng đến nó. Còn Ngài Xá Lợi Phất mặc dù chứng đắc A La Hán nhưng vẫn còn luồng điện gọi là tạp khí, cho nên Đức Thế Tôn mới nói vì ông còn tạp khí.



BÀI 9: 25 LỜI VÀO MÔN PHI MÔN

Bài trước chúng ta đã học lục căn, lục trần, lục thức và thất đại cộng lại là 25 và chúng ta cũng lấy ví dụ âm thanh nghe tiếng chuông đánh thì chúng ta có nghe, tiếng chuông không đánh thì chúng ta nói vẫn nghe rằng chuông không có đánh. Như vậy tánh nghe vẫn thường hằng, chuông có đến có đi (tiền trần) nhưng tánh nghe vẫn thường hằng.



Cái tánh nghe vẫn như thế, nếu chúng ta phát hiện nó và sống với nó thì chúng ta sống với cái bản thể thanh tịnh còn nếu không, chúng ta chạy theo cảnh thì chạy theo tiền trần và tiền trần thì có đến có đi vì là khách không phải là chủ. Ngay cả bất cứ pháp môn nào quý vị

tu học kể cả pháp môn niệm Phật, mà nếu niệm Phật mà còn thấy mình đang niệm cũng chỉ là tiền trần thanh tịnh, nương vào sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật để diệt trừ tất cả vọng tưởng điên đảo. Nhưng chúng ta vẫn còn vướng vào lục tự Di Đà cho tới khi nào không còn niệm nữa, không mong cầu niệm nữa, cũng không khởi lên niệm muốn gặp Đức Phật A Di Đà mà tự nhiên trong tâm trí của mình rảnh rang, lúc bấy giờ mình sống trong bản thể thanh tịnh nghĩa là nhân đến một niệm nhất tâm bất loạn.

Khi đã nhất tâm bất loạn thì ở trong thể thanh tịnh thường hằng và như vậy là Di Đà tự tánh tự nhiên trong cái rảnh rang của ta và chư Phật là một thì ngay lúc ấy thấy Đức Phật A Di Đà vì tâm thông tâm cùng một thể giống như cái đài radio khi nó cùng làn sóng thì bắt được ngay âm thanh ấy. Cho nên khi thanh tịnh rảnh rang thì Đức Phật A Di Đà cõi Cực Lạc thanh tịnh, khi hai cái thanh tịnh giao thoa và bắt được làn sóng thì sẽ thấy được Phật A Di Đà.

Còn khởi lên vọng tưởng điên đảo thì quý vị niệm để diệt trừ các căn trần thức không bị nhiễu loạn mà thôi. Ngồi thiền cũng thế, khi quý vị ngồi thiền quán hơi thở hay là quán tứ niệm xứ cho tới một giai đoạn không còn quán nữa mà tự nhiên nó rảnh rang thì đã sống trong bản thể thanh tịnh.

Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn rồi mà Ngài A Nan chưa chứng A La Hán, tại sao thế? Tại vì lo văn tự, lo chữ nghĩa, lo tìm hiểu cái này cái kia chứ không nhìn lại tự tánh của mình, không nhìn thấy nó được cho nên còn lằng xằng và vì thế khi có kiết tập kinh điển lần thứ nhất thì Ngài Ca Diếp đuổi Ngài A Nan ra nói rằng ông chưa đắc quả A La Hán tức là chưa liễu trừ kiết sử phiền não, còn là hữu lậu cho nên ông không vào được.

Thế thì liễu trừ kiết sử phiền não là gì? Là buông bỏ đi hết tất cả ngã, ngã sở, kiến chấp đều buông hết thì không còn phiền não nữa. Buông cái ngã mà vẫn chưa buông được vì còn thấy có người và chúng sanh, có người đi độ và chúng sanh được độ, ở vào chỗ ấy là chấp ngã và chấp nhân, ngã sở cho nên không chứng đắc được A La Hán, không diệt trừ được kiết sử phiền não vì thế không được vào tham dự kỳ kết tập Kinh Điển lần I.

Ngài A Nan quyết tâm tu không nói năng gì nữa. Ngài A Nan vừa mới nghiêng mình nằm xuống thì lập tức chứng quả A La Hán, trong tư thế cái thân không chạm đất tại vì nghiêng mình thì cái chân để hồng lên và cái đầu chưa chạm gối.

Ngài A Nan tượng trưng cho đa văn, cho trí tuệ thế gian mà khi ở trạng thái chân không chạm đất, đầu

không chạm gôi tức là lúc bấy giờ không còn điểm tựa nào nữa, không dựa dẫm vào đâu hết, không dựa dẫm vào trời, không dựa dẫm vào đất, ở trong tư thế ấy mà chúng đấng A La Hán có nghĩa là rỗng rang, cái ẩn dụ trong kinh nói là như thế.

Nếu quý vị còn dựa vào kinh, vào pháp, vào ngã, vào Đức Phật thì giống như Ngài A Nan mà thôi. Ngài A Nan mắc nạn (Ma Đăng Già) chỉ vì ý là em Phật, đa văn, thi giả thì trước sau gì Phật cũng ban cho trí tuệ, chính vì điểm này không chịu tu cho nên ở trong trạng thái khi Ngài A Nan chúng đấng nghiêng mình nằm nhưng mà lúc bấy giờ cái chân hồng đất mà cái đầu thì không chạm gôi thì ngay trong giây phút ấy ngài chúng đấng A La Hán có nghĩa là không dựa dẫm vào ai hết, tự mình tìm ra cái của mình.

Nếu quý vị nương theo kinh điển để tìm ra tánh của mình thì đó là điều tốt nhưng nếu quý vị dựa hoàn toàn vào kinh điển để nói rằng kinh nói như thế này ta phải làm như thế này thì sai. Trong kinh Kalama Đức Thế Tôn nói ngay cả người ta nói Phật nói như thế này thì cũng đừng tin vội. Khi đi tìm chân lý Ngài gặp hai vị minh sư dạy cho Ngài pháp thiên đạt tới bát thiên Phi Phi Tướng Xứ nhưng vẫn không ra khỏi sanh tử luân hồi.

Câu hỏi cuối cùng của thái tử Tất Đạt Đa là làm sao ra khỏi ba cõi sáu đường, không có giải đáp. Các pháp môn đều không đưa ra giải đáp, chỉ đạt đến sự an lạc nội tâm và diệt trừ nhiễu loạn, những đối cảnh phan duyên, những cái gọi là lăng xăng vọng tưởng nhưng không đưa đến giải thoát khỏi sanh tử luân hồi cho nên cuối cùng Ngài phải tự mình tìm ra. Ngài ngồi dưới gốc cây Bồ Đề xoay cái bánh nghe trở lại, tự tâm mình thấy sanh sanh, diệt diệt như thế nào và cho tới một lúc Ngài thấy nó tự nhiên biến mất không còn nữa, dứt bật tư tưởng, niệm không sanh và ngay chỗ đó Ngài đại ngộ.

Một niệm không sanh, rỗng rang là đồng một thể với chư Phật mười phương, cho nên là kinh sống. Tại sao Đức Thế Tôn đi tu vì Ngài nhìn thấy các cung nữ ngủ nước miếng chảy ra nhiều nhão đủ thứ bày bày quá nên ghớm, nhàm chán rồi bỏ đi tu. Thế thì cái gì làm cho Ngài nhàm chán, có phải con mắt không? con mắt thấy và cái tâm khởi lên nhàm chán cho nên con mắt với cái tâm nó quan trọng như thế.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm ngài A Nan nói con đi tu vì con mắt thấy 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của Đức Thế Tôn rồi tâm khởi lên ưa thích mà đi tu. Đức Thế Tôn biết ai cũng có con mắt, lỗ tai, lỗ mũi nên chạy theo căn trần thức, nên lấy ngay điểm này khai thị cho Ngài A Nan và

để cho ngài A Nan tự ngộ vì Đức Thế Tôn không thể nào biến ngài A Nan thành Phật được.

Đức Phật rất từ bi nhưng Ngài không thể biến chúng ta thành A La Hán hay Phật được, chúng ta phải tự tu. Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm Đức Phật hỏi Ngài A Nan: “*Các vị chứng đắc A La Hán ông này ăn thì ông khác no được không?*” Ngài A Nan trả lời: “*Không, mặc dù đã chứng đắc A La Hán nhưng ai ăn thì người ấy no*”, có nghĩa là ai tu thì người đó được.

Nếu quý vị nương theo kinh điển của Đức Phật, những lời Đức Phật dạy để tìm cho mình một phương thức để tu, đó gọi là pháp; rồi ở trong đó hành trì cẩn mật thì quý vị sẽ tới, tại vì Đức Thế Tôn đã vẽ ra cái bản đồ để đi từ điểm này đến điểm kia rất rõ ràng, khoa học; chúng ta cứ thế mà đi sẽ tới nơi tới chốn.

Khi Đức Thế Tôn đánh chuông ngài hỏi A Nan và đại chúng có nghe không, khi tiếng chuông đánh lên thì là có tiếng, khi tiếng chuông ngưng thì âm vang đều dứt gọi là chẳng có tiếng thì Phật mới rầy bảo lời các người sao tự lộn xộn với nhau. Đức Phật nói ta hỏi về nghe thì các người trả lời nghe, ta hỏi về tiếng thì các người trả lời tiếng còn bây giờ ta hỏi nghe thì các người trả lời tiếng thế thì chẳng ra cái gì.

Đức Thế Tôn nói tánh nghe tức là có nghe thấy hay không? Mà các vị đó nói hễ đánh chuông thì nghe mà không đánh chuông thì không nghe. Thế thì Đức Phật nói A Nan tiếng dứt chẳng âm vang mà người nói là chẳng nghe nếu thực là tánh nghe phải diệt mà nếu tánh nghe phải diệt thì tiếng chuông đánh lên làm sao người biết được, biết có, biết không thì đó là (thanh trần), hoặc có hoặc không, đâu phải tánh nghe vì người mà có, không.

Tánh nghe nó thường hằng không thay đổi tại vì cái thanh trần có âm thanh vậy thôi. “*A Nan, thanh trần ở trong tánh nghe tự có sanh diệt chẳng phải tánh nghe của người theo thanh trần mà sanh diệt khiến cho tánh nghe thành có thành không*”. Cái thanh trần ở trong tánh nghe có sanh có diệt tức là lúc đánh thì nghe kêu “bong”, không đánh thì không thấy nó kêu nữa nhưng mà cái đó là thanh trần là từ bên ngoài đưa vào có sanh có diệt nhưng tánh nghe vẫn thường trụ lúc đánh thì nghe tiếng chuông cái bong, lúc không đánh vẫn nghe nhưng không thấy tiếng bong, nghe im lặng.

Cho nên **tánh nghe là thường trụ còn thanh trần thì sanh diệt**. Nếu nhận lầm thanh trần là tánh nghe thì là mê muội cho nên cho là thường là đoạn. Tóm lại chẳng nên cho rằng lia các tướng động tịnh, nói chẳng

có tánh nghe tức là tánh nghe không có vướng mắc vào cái động tịnh hay giống như người ngủ mê trên giường trong nhà có người giã gạo, người ấy trong chiêm bao nghe tiếng giã gạo tưởng tiếng khác cho là tiếng trống hoặc tiếng chuông nhưng khi tỉnh dậy thấy nghe tiếng chày nói với người nhà rằng trong lúc chiêm bao đã làm tiếng chày cho rằng tiếng trống.

Người trong chiêm bao đâu nhớ sự động tĩnh, thân hình dù ngủ nhưng tánh nghe không mất cho nên khi ngủ các căn có ngủ không? Khi ngủ các căn không ngủ nhưng tại vì hằng ngày mình sinh hoạt trong mê mờ, tâm khởi lên phiền não, tâm điên đảo chạy theo vọng tưởng cho nên mình không thấy được tánh của mình. Lúc mình thức mình sinh hoạt thì nhiễm vào trong tâm tạo nên một cái gọi là tập khí (hay nghiệp) làm cho chúng ta quen cho nên khi ngủ chúng ta lạc mất cái chơn tánh mà chúng ta chạy theo thanh trần điên đảo. Chúng ta chạy theo điên đảo lúc còn thức thì lúc ngủ nó cũng ô nhiễm như vậy (Kinh Gò Mối).

Cho nên con người ta khi ngủ thật sự các căn vẫn thức mà không biết vì lúc thức đã chạy theo vọng tưởng điên đảo cho nên khi ngủ chính vọng tưởng điên đảo ấy quay trở lại hành xử.

Nghiệp là do ta tạo ra và cũng ta thừa tự cho nên những gì ta làm ra cũng chính ta hưởng thôi, nó đầy đọa mình làm mình khổ cũng chính là điều đó. Cho nên trong lúc ngủ mà các căn nó thức thì nó rất nhạy bén, nó nghe được tiếng này, tiếng kia, ai nói xấu nó cũng nghe.

Khi người ta tu tập hằng ngày đều thức liễm thân tâm, coi chừng con khỉ tâm không cho nó chạy lăng xăng nữa, luôn luôn quán chiếu nhất niệm sanh, nhất niệm diệt đều biết, người hành giả phải luôn quán chiếu tâm mình một niệm sanh biết sanh, một niệm diệt biết diệt thì tới lúc sẽ diệt hết tự nhiên trống vắng, mà một khi đã trống vắng tịch diệt rồi thì các căn hoạt động như cửa sổ lúc nào cũng thức trong lúc ngủ vẫn nghe được tiếng nói từ xa. Cho nên các cơ quan mặc dù nói nó là cửa sổ, căn trần thức chẳng qua do duyên sanh như huyễn nhưng nếu chúng ta biết vận dụng lấy huyễn tu huyễn vì nó là năng lượng lại rất thù thắng.

Trong kinh Duy Ma Cật, ngài Duy Ma Cật đã nói không lìa phiền não mà vào Niết-bàn. Cũng như thế, nếu bỏ sanh diệt giữ tánh chơn thường thì ánh sáng chơn thường tự hiện, căn trần thức ngay lúc đó liền tiêu, tướng vọng tưởng là trần, tánh phân biệt là cấu, cả hai đều xa lìa, tức là ngay cả tánh cũng phân biệt ra, cũng xa lìa

không còn khởi lên ý niệm phân biệt nữa, tự nhiên nó phân biệt thôi nhưng không khởi ý.

Bởi vậy trong Chứng Đạo Ca ngài Lục Tổ Huệ Năng nói rằng “cái ý có phân biệt hay không?” thì Ngài Huyền Giác nói phân biệt cũng không phải ý tức là không có khởi như tấm gương nhận diện ngay không suy nghĩ, không chần chừ như con chó này là con chó cái, đen, già tức là niệm cứ sanh sanh diệt diệt nhưng ở chỗ tự nhiên nhận ra thì giống như tấm gương đi ngang là biết con chó đen nó in vào trong tấm gương ấy, khi con chó đi rồi thì cũng chẳng lưu lại trên tấm gương.

Nếu tâm con người chúng ta tu học được như thế tức là hoàn toàn bản thể thanh tịnh, nhận mà không phân biệt, mà phân biệt cũng không khởi ý là vì tánh thấy của mình nó thấy nó nhận diện ra như thế. Nếu mình nhận diện được như thế thì ngay lập tức các việc mình làm đều đi theo Chánh pháp, đi theo tự tánh thanh tịnh không có vướng mắc một cái gì. Lấy sữa cho con uống cũng là đi theo chánh pháp thanh tịnh, nấu cơm cho chồng ăn cũng thanh tịnh không hề vướng mắc một cái gì hết không phải lăng xăng nấu cái kiểu nào, ăn có ngon hay không.

Khi đã có chánh niệm rồi, quán chiếu nhìn thấy tâm của mình nó sanh diệt thì rảnh rang tự nhiên biết cách nấu cơm làm sao cho ngon, cái vị như thế nào không mặn không nhạt, tự nhiên biết chẳng cần phải nếm nữa, tại vì nó không còn vướng mắc nữa, không chạy theo căn trần thức nữa.

Ngài A Nan bạch Phật rằng dù đã khai thị nghĩa nhưng chúng con xét những người nếu chẳng biết cái gốc thì không thể nào rõ, tức là nói thể thôi nhưng nó rồi nùi, lục căn, lục trần, lục thức mà rồi thì không biết cách nào gỡ ra cho nên mới xin Đức Phật từ bi chỉ cho và cũng sám hối liền, chúng con vốn vô minh từ vô thủy, dù được thiện căn đa văn mang tiếng là xuất gia mà sự tu như người sốt rét cách nhật lúc có lúc không.



Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nói: *“người muốn cầu (câu xung vô minh) tức là căn bản vô minh, thực chất nó là*

gốc thất kết người lưu chuyển trong vòng sanh tử ấy chính là lục căn chứ chẳng phải vật khác”. Lục căn là huyễn không có thực, nếu nói con mắt là có thực thì người chết có con mắt sờ sờ đó nhưng không nhìn thấy. Thế người mù có thấy không, người mù không mắt nhưng vẫn thấy, đừng nói là người mù không thấy, tánh thấy nó nằm ở chỗ nào, nó đều là huyễn do duyên sanh vì có ánh đèn, có vật, có con mắt, trung khu thị giác thần kinh đủ các thứ cho nên hội tụ lại nên mới gọi là cái thấy.

Ta sống trong tập quán, vọng tưởng điên đảo mà không hay biết còn cái tự tánh thấy là chưa có, chưa thấy được nó là sao?

Có một vị Tăng hỏi ngài Triệu Châu: “*Con chó có Phật tánh không*”, Ngài Triệu Châu nói: “*Không*”, vị Tăng ấy nói: “*Đức Thế Tôn dạy các pháp đều có tánh bình đẳng tại sao Ngài nói con chó không có Phật tánh*”. Ngài Triệu Châu nói: “*Con chó có Phật tánh nhưng bị nghiệp thức che mờ, có mà không thấy được thì cũng như không*”.

Chúng ta cũng thế, chúng ta có Phật tánh mà không huân tập thì bị nghiệp thức che mờ chạy theo vọng tưởng điên đảo nên có cũng như không, vì chúng ta hành xử không theo Phật tánh, không theo sự thanh tịnh mà

chúng ta hành xử theo cảm tính, theo lăng xăng vọng tưởng nên sống trong lăng xăng vọng tưởng thì chúng ta gặt hái trong vọng tưởng mà thôi.

Lục căn là gì? Là huyễn không thực, nhưng không bỏ được nó, không có con mắt thì không thấy, không hiểu được việc ra sao, trắng đen thế nào cho nên phải có con mắt, có cái đèn, cái vật, có sự suy nghĩ ở trung khu thị giác thần kinh, tất cả đều phải có thì nương theo cái huyễn để mà tu huyễn.

Ngài A Nan nghe nhưng cũng còn thắc mắc nên hỏi: “*Tại sao khiến con sanh tử luân hồi đều do lục căn?*” Phật bảo: “*Căn trần cùng gốc thất mở chẳng hay, tánh thức hư vọng như hoa đốm trong hư không*”. Tất cả đều biết căn với trần cột trói hay cái thức là cái biết của con mắt chẳng hạn, cũng như hoa đốm trên hư không, do con mắt nhậm thấy hoa đốm nhưng khi chữa hết rồi thì hoa đốm không có nữa. Do trần phát tri vì căn kiến tướng vì cái cảnh nên mới biết, vì có căn nên thấy tướng cho nên kiến và tướng không có tự tánh đều là duyên sanh vì nương vào cái khác nên mới có. Duyên sanh như huyễn, chấp là mắc kẹt.

Ví dụ như nước có nhiều thể: lỏng, đá, băng, thể khí nhưng không có cái nào lộn với cái nào được hết, đâu có

thể cho cái khác vào đóng thành băng được vì băng tan thành nước nhưng nếu cho dầu đóng băng thì tan không thành nước cho nên sự lộn xộn trong căn trần của mình đều như huyễn, nó vọng tưởng, cho nên vọng tức chơn, chơn tức vọng, nó không sai biệt, chơn vọng cũng chỉ là như thể thôi, chẳng qua tá danh.

Khi biết chuyển thức thành trí, chuyển những điều biết chuyển năng lượng ấy trở thành căn bản trí thì gọi là vô thượng Bồ Đề, tức là trí tuệ tuyệt vời. Cho nên nói rằng có 25 cách để vào thì thật ra cũng căn trần thức, mà căn trần thức như huyễn, những thứ ấy do duyên sanh, tự nó không có giá trị, không có năng hoạt, năng sở, không có khả năng để làm gì mà không phải của chính nó nữa cho nên đều là huyễn.

Mà tại sao buông nó thì không làm được gì? Tại vì nếu không nương vào nó thì không thấy chơn tánh của mình, nhưng nếu chấp cứng ngắc vào nó thì kẹt, cũng như con mắt khi thấy nói rằng cái thấy là đúng là coi như kẹt cứng ngay chỗ ấy, cho nên nói rằng 25 lối vào tức là tu cách gì cũng được. Tu con mắt, như Ngài Hương Nghiêm tu cái mũi, vừa mới nghe mùi hương trầm thì phát hiện ra mùi hương trầm ấy là không thực vì mùi hương trầm ấy không từ gỗ mà ra, không từ lửa mà ra, không từ khói mà ra cũng không từ oxy mà ra cũng

không từ lỗ mũi mà ra, nó phải hội tụ đủ các yếu tố, tức là hương trầm từ gỗ trầm mà bị đốt lên nó sanh khói, khói ấy phải có oxy mới cháy được, khói ấy mới chạm vào cái mũi của Ngài rồi dẫn lên trung khu thần kinh ghi nhận rồi mới biết đó là mùi trầm, mùi thơm.

Thế thì tất cả những yếu tố gọi là trầm thơm phải có đầy đủ các yếu tố như là khói, lửa, oxy và bao nhiêu các thứ ấy thì chúng ta theo thuật ngữ nhà Phật gọi là duyên, đủ duyên thì thành tựu; cho nên thực tướng nó là vô ngã, tướng thì có nhưng thật chất là vô ngã, cho nên gọi là vô ngã tướng.

Đa số mọi người đều chấp vô ngã nhưng có hiểu vô ngã là gì không? Nếu nói vô ngã không có thực muốn làm gì thì làm, thì coi như đi theo vọng tưởng điên đảo, chấp thường cũng chết mà chấp đoạn cũng sai, cho nên chỉ cần quán chiếu thường xuyên biết nó là cái gì.

Đại Thế Chí Pháp Vương Tử cùng 52 vị Bồ Tát đồng tu đến đánh lễ và nói rằng niệm Phật tam muội. Ngày trước có một vị Phật hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang dạy pháp niệm Phật tam muội. Đại Thế Chí Pháp Vương nói: *“Vị như người thì có người chuyên nhớ, có người chuyên quên, nếu hai người ấy nhớ nhau không hề gặp nhau, thấy mặt hay chẳng thấy, cứ nhớ mãi sâu vào tâm*

niệm đời này đến đời khác như hình với bóng chẳng cách xa nhau”.

Tức là luôn luôn nhớ tới Phật thì đời này đời khác có quên cũng còn chừng tử ấy, không mất. Mười phương Như Lai tưởng nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con, nếu con trốn tránh thì dù nhớ cũng chẳng làm gì được, con nhớ mẹ thì như mẹ nhớ con thì đời đời mẹ con chẳng xa cách. Tâm chúng sanh mà nhớ Phật thì từ nay về sau nhất định thấy Phật, nếu luôn luôn nhớ Phật thì sẽ thấy Phật. Tại vì tới một lúc nào đó buông xả hết một niệm không sanh cái tâm nó thanh tịnh thì đồng một thể với chư Phật, cùng một tần sóng, không cần dụng công nữa vẫn nghe, vẫn thấy, vẫn hiểu vẫn nhận thì là vô niệm.

Cho nên Ngài nói rằng bản nhân của con là dùng tâm niệm Phật đắc vô sanh nhẫn ở cõi này tiếp dẫn người niệm Phật về Tịnh độ, Phật hỏi con viên thông thì con nói do nhiếp cả lục căn tịnh niệm tương tục vào tam ma địa. Có nghĩa là lục căn không bị vướng mắc, thấy thì vẫn thấy, nghe thì vẫn nghe, mũi vẫn ngửi nhưng niệm Phật thì không dứt, luôn luôn chú tâm theo cái niệm Phật tương tục không buông cho nên được vào tam ma địa tức là vào định.

Người niệm Phật chẳng một sát-na niệm thế gian thì là tịnh niệm, có nghĩa là khi niệm Phật rồi thì không khởi lên niệm thế gian. Mặc dù niệm Nam Mô A Di Đà Phật mà vẫn khởi lên niệm khác ấy, dầu là thiện hay ác đi chăng nữa thì cũng làm xao lãng việc niệm Phật không liên tục, bị gián đoạn. Nếu tịnh niệm tương tục như con nhớ mẹ thì miệng niệm tâm nhớ và nhiếp cả lực căn không còn phân biệt nữa nhất tâm bất loạn, như vậy chắc chắn là thấy Phật. Kinh A Di Đà nói là thể nhập vào tam ma địa (samatha) tức là cõi cực lạc. Tức là không phải đợi đến lúc chết mới gặp Phật A Di Đà, niệm Phật nhất tâm bất loạn thì thấy Phật A Di Đà ngay trước mắt. Cho nên chẳng nhờ tu tập tự khai ngộ như người ướp hương chẳng mong mùi hương mà có mùi hương là nguyện lực bất khả tư nghì của Phật A Di Đà, dù nói nhờ nguyện lực của Phật A Di Đà nhưng cần phải có **đại nguyện của chính mình** để tương ứng với đại nguyện của chư Phật thì mới thành tựu.

Quán Thế Âm Bồ Tát đứng dậy đánh lễ: “*Con từ vô số kiếp con phát tâm Bồ-đề nơi Phật Quán Thế Âm*”, tức là trước đó đã có Phật Quán Thế Âm ra đời và Ngài được Phật dạy cho là văn tu tu mà nhập tam ma địa. Văn tu tu là gì? Văn là nghe, tu là tâm suy nghĩ, tu là nơi cái hạnh của mình, tức là nghe nơi tai rồi tu nơi cái tâm và giữ cái

hạnh của mình. Nghe như vậy vẫn chạy theo lục trần, khi hiểu được sự nghe do trần cho nên quên sự nghe tức là vong sở, vong nghĩa, khi hai cái không còn động tĩnh nữa thì không sanh, năng nghe và sở nghe đều dứt, chẳng còn biết trụ vào đâu, tức là hai tánh nghe và được nghe đều mất hết, giống như Ngài A Nan khi chứng đắc A La Hán thì chân không chạm đất, đầu không chạm gối, tức là không còn dính mắc vào đâu hết.

Kinh Kim Cang có câu “*ung vô sở trụ*” khi ngài Huệ Năng nghe câu này không dính mắc vào đâu hết, nghĩa là thấy nhưng không dính mắc vào đây thì đương nhiên tánh Phật hiển lộ, mười phương pháp giới đều sáng tỏ, không còn chấp sanh chấp diệt nữa. Giác tâm vốn huyền diệu của mười phương chư Phật với Như Lai đồng một tự lực là Phật độ chúng sanh không có năng độ, gọi là vô duyên từ.

Phật độ chúng sanh thật sự không có khả năng để độ cho nên gọi là vô duyên từ, không có duyên thì không độ được tức là chúng sanh nói không nghe thì cũng như không. Phật và ngài A Nan ra chợ gặp bà già, ngài A Nan nói chỉ có Phật độ được thôi, Phật nói: “*Không được đâu, Ta với bà không có duyên nên không độ được*”. Phật đứng trước mặt, bà quay đầu qua tay trái, Phật thị hiện qua tay trái bà quay qua tay phải, Phật thị hiện tay

phải bà nhìn dưới đất, Phật thị hiện ở địa ngục cho bà thấy Phật dạo chơi trong địa ngục thấy cảnh người ta bị xẻ cưa, bà ngẩng mặt lên trời, Phật bay lên trời thị hiện thấy thiên cung toàn cảnh đẹp, bà nhắm mắt lại luôn. Nghĩa là không cách nào có thể giúp người ta được khi người ta đã cứng đầu tới mức cố chấp.

Đức Phật trong một buổi gặp người nài ngựa, Phật hỏi có mấy loại ngựa thì ông ấy nói có 4 loại:

1. *“Như chiến mã thấy bóng roi là biết đúng đường.*
2. *Loại này phải dạy nó tức là vỗ bên trái thì nó quay bên mặt, vỗ bên mặt thì nó quay bên trái.*
3. *Loại này lì tới mức phải châm chích nó, lấy cái đinh đâm vào nó mới chịu nhảy tới đi.*
4. *Loại này cách gì cũng không nghe, đánh cũng không nghe, đâm cũng không nghe làm cái gì cũng không nghe”. Phật hỏi: “Đối với ngựa này ông làm gì?” Ông nài ngựa nói: “Giết bỏ thôi vì không xài được”.*

Ông nài ngựa hỏi Đức Thế Tôn: *“Tỳ Kheo của Ngài có mấy loại?”* Phật nói: *“Cũng có 4 loại:*

1. Loại thứ nhất, không cần nói, chỉ cần giơ tay ra khẩu hiệu là biết rồi, chẳng hạn như ngài Ca Diếp,

Đức Thế Tôn cầm bông sen giơ lên, niêm hoa vi tiêu thì ngài Ca Diếp mỉm cười, tâm thông tâm biết ngay, tại vì đã tu tập từ vô lượng kiếp rồi cho nên giống như con chiến mã nhìn thấy bóng roi là đi đúng đường, đi tới nơi rất nhanh,

2. Tỳ-kheo thứ nhì giống như loại ngựa thứ nhì tức là phải chỉ dẫn, hướng dẫn bằng pháp, khổ, tập, diệt, đạo như thế này, vô lượng nghĩa, bát chánh đạo. Căn cứ lời dạy của Phật nghiêm trì rồi cũng chứng đắc,
3. Loại Tỳ-kheo thứ ba răn đe không được, nói pháp không hiểu thì đặt ra giới luật cấm không được sát sanh, trộm cắp v.v...vì răn đe như vậy mà thâm hiểm được lục căn lục trần cho nên chứng đắc.
4. Loại Tỳ-kheo thứ tư này nói cách gì cũng không nghe, giới luật cũng không nghe, người nài ngựa hỏi: “*Đối với người này Đức Thế Tôn làm sao?*” Phật bảo: “*cũng giết bỏ*”, người nài ngựa nói: “*Vậy là sát sanh*”. Đức Thế Tôn nói: “*Không, giết bỏ là không nói nữa vì có nói cũng vô ích, không ích lợi gì*”.



Tùy theo căn cơ chúng sanh mà mỗi phương tiện được áp dụng lợi lạc như thế nào và khác nhau như thế nào. Lục căn lục trần cũng thế, có người nhờ con mắt mà thấy, có người nhờ lỗ tai. Riêng ngài Quán Thế Âm là nhờ quán âm thanh mà chứng đắc. Ở trong âm thanh có thù thắng như thế nào? Tại vì nhĩ căn viên thông mà ngài Văn Thù tán thán, con mắt chỉ nhìn được phía trước, nhưng cái lỗ tai thì vẫn nghe được tiếng phía sau, ở xa vẫn nghe được.

Con mắt nhìn chăm chú vào một việc thì quên việc khác, nhưng cái lỗ tai có thể nghe cùng lúc 5, 6 âm thanh, phân biệt được tiếng chó, mèo, chim hót, máy bay, con khóc, ... cùng một lúc phân biệt được hết không lẫn lộn. Cái lỗ tai rất là thù thắng, cho nên ngài Quán Thế Âm nhờ cái ấy mà viên thông và ngài Văn Thù Sư Lợi tán thán. Lúc đó Như Lai mới bảo Văn Thù Sư Lợi rằng người hãy xem 25 vị vô học A La Hán này, mỗi vị

trình bày phương tiện thành đạo lúc ban đầu đều nói tu tập viên thông chơn thật lỗi tu của họ chẳng hơn chẳng kém, chẳng trước sau sai biệt, nay ta muốn khai ngộ cho A Nan trong 25 lỗi tu ấy lỗi nào thích hợp sau khi ta diệt độ chúng sanh trong cõi này muốn vào Bồ Tát thừa cầu đạo vô thượng từ phương tiện nào để được thành tựu.

Ngài Văn Thù Sư Lợi vâng ý chỉ liền đánh lễ nơi chân Phật và thừa oai thần của Phật nói nhờ nhĩ căn viên thông, tán thán nhĩ căn viên thông. Cái chính là người nghe vô số Phật tất cả pháp nếu chẳng trừ dục lậu chấp nghe thành lỗi lầm, đừng nghe chấp lời Phật đâu bằng nghe bản văn, nghe bản văn là nghe chính bản thể thanh tịnh như chẳng tự nhiên sanh dù có tên nghe xoay nghe phát thành tiếng đặt tên nghe, nhất căn trở về cõi, lục căn giải thoát, kiến văn (như bệnh nhập), tam giới như hoa đóm, phản văn bệnh nhậm trừ trần tiêu giác trong sạch cực trong sáng, thông suốt chiếu soi khắp hư không trở lại xem thế gian đều như việc trong mộng.

Ma Đăng Già trong mộng sao nhiếp được thân người như người khéo huyền thuật làm ra hình nam nữ. Dù thấy lục căn động do sợi dây điều khiển vì huyền vốn chẳng tánh, dây ngưng thành vắng lặng, lục căn cũng như vậy, dựa nhất tâm sáng tỏ chia thành lục hòa hợp,

nhất căn đã về cội, lục dục đều chẳng thành trần cấu ngay đó tiêu thành sáng tỏ trong sạch.

Xoay cái điên đảo ấy phản văn bản tánh văn mới thành đạo vô thượng có nghĩa là sao? Nghĩa là tất cả những cái mình thấy giống như hoa đóm trong hư không, tánh nghe tánh thấy chẳng qua mình phá chấp đặt cái tên như thế mà thôi. Ma Đăng Già cũng là huyền, đều là mộng, Ma Đăng Già tượng trưng cho cái tánh tâm gọi là cái biết về cái tâm, con mắt thấy thân xúc chạm rồi khởi lên tâm tâm, cái tâm ấy là tâm phan duyên, tâm điên đảo, không thực như huyền. Ma Đăng Già là ẩn dụ, không thực nhưng phải mượn để nói, còn chấp có cái cô tên là con gái của Ma Đăng Già thì cứ chấp, chấp có còn hơn chấp không. Nhưng nếu muốn liễu tri thì Ma Đăng Già chỉ là ẩn dụ nói về cái tánh tâm, nương theo đây để học được hiểu được cái tánh tâm của mình.

Ngài A Nan cũng thế, tu vô lượng kiếp rồi Ngài mượn cơ này mà nói cho chúng sanh đời sau biết cái gì là mộng, cái gì là huyền, cái gì là hoa đóm trong hư không, khi thấy lục căn động do một sợi dây chuyển như huyền vốn không tánh nhưng hiện ngay vì lục căn động, nếu lục căn không động thì huyền cũng không có, dây đờn không khảy lên thì làm sao có âm thanh, nếu lục căn xoay chuyển về bản tâm của mình thì tự nhiên hòa hợp,

nhất căn nó về cội thì lục dục đều thành, tất cả đều trở về soi sáng bản tâm của mình, tánh nghe, tánh thấy, tánh ngửi tất cả đều quay trở về cái tâm, tức là phản văn bản tánh văn như vậy, xoay cái tánh điên đảo ấy trở thành chân thật nghĩa là chuyên hóa năng lượng, lúc bấy giờ mới thành đạo vô thượng.

Đọc bỏ con mắt đi thì có hết cái dâm không? Nếu nói rằng con mắt thấy thì khởi lên tánh dâm thì móc con mắt ra, tánh dâm vẫn còn, mà còn hơn nữa vì tưởng tượng, mà theo cái tưởng cho nên càng làm khổ hơn nữa, thế thì con mắt không làm nên tánh dâm, rồi cô gái bên ngoài có làm cho dâm không? Không, vì bản chất vốn thanh tịnh dính mắc gì tới tánh dâm của mình.

Có nghĩa là cái thức biết về tánh dâm, cái ấy do căn trần giao thoa mà ta không biết, nhận làm giặc làm con, cái thức ấy là bản thể thanh tịnh cho nên cứ nói là biết, nhưng thật sự ra ta biết trong cái vọng tưởng điên đảo, hằng ngày sống trong ấy nên không thấy được bản thể thanh tịnh. Niệm cũng thế, nếu miệng niệm tâm nghĩ nhớ tới Phật, lập tức tất cả vọng tưởng điên đảo từ từ bị khai trừ, đến một lúc nào đó kể cả niệm lục tự di đà cũng chấm dứt luôn, tại vì không còn công năng, không còn tác dụng gì nữa thì tự nhiên ngưng, cái đầu rảnh rang mà trong đấy vẫn nghe tiếng niệm Phật thì mới là thù thắng

vì nhất tâm bất loạn là thấy ngay Phật A Di Đà. Ngồi thiền cũng thế, quán chiếu hơi thở hay tứ niệm xứ, nhưng tới một lúc mình không còn thấy mình quán nữa mà tự nhiên nó đi vào trong cái rỗng rang thì ở nơi ấy thấy rõ được cái thực tánh như tấm gương soi thấy được tất cả vạn vật.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm Phật dạy A Nan: người tu mà không thấy tánh chẳng khác nào như nấu cát mà mong thành cơm, chuyện ấy không thể có được. Có nghĩa là khi đi tu chúng ta phải biết được cái tánh chúng ta nằm ở chỗ nào, rồi chúng ta mới tu được, còn không thì chỉ có chút phước hữu lậu, tụng kinh, in kinh, bố thí, ... thì có phước đời sau được giàu có sung sướng, nhưng không ra khỏi sanh tử luân hồi. Tại vì không thấy được tánh thì khi chết thân trung ấm sẽ đi lạc đường, quay trở lại sanh tử luân hồi. Nhờ những phước đức mình tạo ra ngày hôm nay thì kiếp sau mình sẽ được sung sướng hơn, nhưng để thoát ra khỏi sanh tử luân hồi thì chuyện ấy không có, vì không thấy tánh thì không thể thoát ra sanh tử luân hồi được, Đức Phật đã khẳng định như thế.

Ngài Lục Tổ Huệ Năng sau khi đi đốn củi nghe được câu người ta tụng trong kinh Kim Cang: “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” thì giao hết công việc làm, lo cho mẹ rồi lên gặp Ngũ Tổ xin đi tu, và 8 tháng chỉ có giã gạo

thôi, không làm việc gì, cuối cùng Tổ gọi về trong phòng dạy cho kinh Kim Cang, dạy tới chỗ biết được cái tánh thì lập tức Ngài reo lên: *“Con không ngờ tự tánh vốn thanh tịnh, vốn tròn đầy, tự tánh bao trùm hết tất cả, con không ngờ là nó đầy đủ như thế này từ xưa đến giờ con không thấy”*.

Thấy tánh rồi thì cũng phải sống chung với đám giặc cướp 15 năm để làm gì? Để luyện cái tâm, cho nên thấy rồi mới tu 15 năm trà trộn với đám trộm cắp, ý nói gì trong kinh? Đó là ẩn dụ, khi chúng ta thấy rồi chúng ta phải lao vào trần lao cuộc sống có cha có mẹ, *người tu phải làm những công việc bình thường để huân tập cái tâm*, coi cái tánh có bị ô nhiễm không, biết rằng cái tánh nó là thế nhưng phải quán chiếu thường xuyên, khi nghe bạn đồng tu chửi mắng một câu thì: tại sao khởi lên tâm buồn phiền? Từ đâu mà ra? Từ cái âm thanh hay nó ngược ý của ta? Nếu nó ngược ý ta thì cái ý nằm ở chỗ nào? cái ngã là không có thực tánh thế thì làm sao mình lại khởi tâm buồn? Buồn ở chỗ nào mà ra?

Ngài Lục Tổ tu 15 năm ở trong đám trộm cắp. Ngài tu ngay cái chỗ 6 căn, nhìn thấy, nghe nhưng có động hay không, và tu như thế 15 năm, khi thành thực rồi mới ra giảng pháp, tức là thấy rất rõ cái tánh mình không còn vướng mắc nữa thì mới ra giảng Pháp. Đức Thế Tôn

cũng thế, ngồi dưới cây bồ đề chứng đắc rồi, thấy tánh của mình, nhưng tại sao Ngài đi giảng 45 năm, có người nói vì Ngài từ bi thương chúng sanh, vì Phạm Thiên năn nỉ cho nên đi truyền lại giáo pháp ấy.

25 lối vào nhưng thật sự vào đâu, nếu nói vào 1 cánh cửa thì có cửa để vào, cửa ấy là hữu hình là duyên sanh, duyên sanh thì như huyễn, tức là cánh cửa ấy cũng không có luôn, chẳng qua phương tiện để cho quý vị nghe hiểu lục căn, lục trần, lục thức, $3 \times 6 = 18 + 7$ (thất đại) là 25 để thấy cách nào cũng đi được, nhưng đừng chấp để mắc kẹt, tại vì chỉ là phương tiện, Ma Đăng Già cũng là phương tiện, cái động cái tĩnh cũng là phương tiện, cái nắm tay của Như Lai cũng là phương tiện để chỉ cho cái bản thể thanh tịnh thường hằng không sanh không diệt.

Phật vấn A Nan 7 lần không phải là thực, tại vì Ngài A Nan chấp trước, chấp rằng có cái này có cái kia, có cái tâm và con mắt. Mắt thấy ưa thích nên mới khởi tâm đi tu, vì vậy Đức Thế Tôn mới khai thị chỗ chấp trước, khi được khai thị rồi Ngài A Nan lại vướng vào cái không chấp, tức là nói rằng như vậy là con vô trước, tức là không chấp như vậy có phải là tâm? Tâm không chấp ấy cũng là tâm, cái tên nó gọi là vô trước nhưng thực tướng nó có cái tên, đương nhiên là có tướng, có tướng là

duyên sanh, duyên sanh thì như huyễn, cho nên nó không có thực mà chấp nó có thực, cái vô trước cũng không có luôn.

Nếu nói rằng tâm khởi lên vô trước tức là kiến chấp, pháp chấp, ngã chấp đều kẹt, cho nên ngay cả kiến chấp cũng phải buông, thì ở nơi ấy mới thông dong tự tại, gọi là thông tay vào chợ muốn làm thì làm, bình thường tâm thị đạo, không lăng xăng, đói thì ăn chứ không lăng xăng tôi phải đi ăn Pizza, phở v.v... không nghĩ tới cái chuyện ấy, chỉ biết đói ăn và cũng không có thắc mắc ăn cái gì ngon, cái gì dở.

Đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo: các ông đi khát thực, người ta cúng dường bỏ vào bình bát, trước khi ăn thì trộn đều lên để tránh mùi vị khi ăn miếng ngon khởi tâm ưa thích, miếng dở khởi tâm phiền não. Phật dạy khi trộn vào bình bát cứ thế ăn, để tránh sắc thanh hương vị xúc, không làm nô lệ cho nó, sắc thanh hương vị xúc chính là địa ngục. Khi nghe một lời nói ngọt cảm thấy vui, khi nghe lời mắng chửi cảm thấy buồn phiền, lời mắng chửi là của người ta, chẳng dính mắc gì tới mình, vì chấp có mình, ngã, ngã sở, người ta chê là quyền của người ta, âm thanh chẳng vương mình, cái lỗi tai mình nghe lũng bùng rồi khởi phiền não.

Cho nên nói 25 lối vào là một cửa là ở bài trước nói nhưng bài này nói lại là cửa cũng không luôn, tức là không có lối vào cũng không có cửa, chẳng qua tá danh mượn phương tiện như vậy chỉ cho bản thể thanh tịnh cái tâm chơn thật của mình ở chỗ nào thôi. Pháp môn niệm Phật cũng thế, nhất tâm bất loạn làm sao niệm Phật bất loạn được, vì còn một niệm vẫn là niệm, có niệm thì làm sao thanh tịnh được, cho tới lúc nào không niệm nữa mà tự nhiên niệm thì lúc ấy mới gọi là bản thể thanh tịnh, sống trong an lạc tự nhiên của mình, đói ăn khát uống mệt ngủ khi là chỗ này.

PHẬT PHÁP VẤN ĐÁP

Câu hỏi: Đức Thế Tôn sau 45 năm hoằng pháp Ngài nói rằng ta không nói gì cả. Tại sao Đức Thế Tôn nói Tam Tạng Kinh điển, 5 bộ kinh Nikaya, 7 bộ kinh Đại Thừa, tổng cộng 12 bộ mà tại sao Ngài lại nói ta không nói gì cả?

Trả lời: Tại vì tất cả kinh điển là những lời dạy từ nơi kim khẩu của Đức Thế Tôn, cũng chỉ là ngón tay và cái bè. Ngón tay là chỉ cho thấy mặt trăng, bè là để hành giả đi qua sông mê, khi đã qua sông rồi thì vứt bè, không ai mang theo bè cõng trên vai mà đi. Khi nhìn thấy mặt trăng rồi thì không thể nhìn mãi ngón tay. Chúng ta là

người con Phật tu học thì hãy lấy cái đây làm kim chỉ nam, có nghĩa là không nên chấp. Tin Phật thì phải hiểu ý Phật dạy như thế nào để quay về tự tánh của mình.

Kinh Pháp Hoa nói Chư Phật thị hiện ra đời chỉ vì một đại sự nhân duyên, đại sự ấy là tỏ ngộ tri kiến Phật cho chúng sanh, có nghĩa là nói cho chúng sanh biết những điều Phật biết là Phật tánh nơi chúng sanh và Phật tánh nơi Phật giống nhau, chẳng có gì khác, cho nên mượn phương tiện để chỉ cho mình thôi.

Câu hỏi: Trong kinh nói có nhiều ẩn dụ nhưng chúng sanh còn mê lầm chưa ra khỏi nhà lửa nên khó nhận được sự chỉ dạy trong kinh. Xin thầy chỉ cách đọc kinh và hành theo Kinh.

Trả lời: Kinh có chữ thật ra cũng là phương tiện. Khi ngài Thần Quang giảng kinh Pháp Hoa thì hoa sen mọc mùa đông là hiện tượng rất lạ vì chư thiên cúng dường thì Tổ Đạt Ma mới tới hỏi: “*Cái pháp của ông dạy có liễu đoạn sanh tử không?*” thì ngài Thần Quang nói: “*Có*” nhưng mà Tổ hỏi: “*Kinh là có chữ, là hữu vi, mà sanh tử là vô vi thì làm sao ông nói lấy cái hữu vi để giải quyết chuyện vô vi, chuyện ấy không thể được*”. Có nghĩa là chúng ta nương theo kinh để hiểu ý, nhiều khi

quý vị đọc cả quyển kinh nhưng chỉ tâm đắc có một chữ thôi, chữ ấy đưa quý vị vào Niết-bàn, vào sự an lạc.

Cho nên chúng ta chỉ nương theo kinh mà hiểu được ý. Đức Từ Phụ muốn dạy các hành giả phải quay trở lại quán chiếu cái tâm, khi tâm sanh diệt phải luôn quán chiếu, cho nên tất cả kinh điển chỉ là phương tiện, chỉ cho chúng ta cách để quay lại bản tâm, xoay về tánh nghe bên trong, không nghe bên ngoài nữa.

Kinh Kim Cang rất nhiều nhưng ngài Huệ Năng nghe có 1 câu: “*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” lập tức hiểu rằng các pháp vốn sanh diệt, không vướng mắc vào pháp nào, khách trần tự đến tự đi không có quan tâm nữa, không trú ở đây nữa thì tánh Phật hiển lộ. Quán chiếu hơi thở cũng vậy, chẳng qua là phương tiện cho tới một lúc nào không còn thấy hơi thở ra, hơi thở vô nữa, thản nhiên, biết hơi thở ra vào để loại trừ vọng tưởng điên đảo, đó là phương tiện không phải cứu cánh.

Cũng như niệm Phật để loại trừ vọng tưởng điên đảo, miêng niệm tâm nghĩ nhớ đến Phật thì không khởi lên tà niệm, cho nên niệm Phật cũng là phương tiện không phải cứu cánh, phương tiện diệt trừ vọng tưởng điên đảo, cho tới khi vọng tưởng điên đảo không còn nữa thì niệm Phật cũng tự nhiên biến mất, mình không niệm nữa tự nhiên

nó trống không, trong đầu vẫn niệm tới một lúc trong đầu rỗng rang hết thì là thanh tịnh.

Nếu cái tâm lăng xăng thì quán chiếu nó lăng xăng, đừng ép nó, tại vì ức chế tâm là bị kẹt, cho nên cứ để lăng xăng rồi quán chiếu biết nó lăng xăng; quán chiếu liên tục thì tự nhiên sẽ mất.

Câu hỏi: Khi một người mới tập công phu như niệm Phật hay là trì chú, nhưng khi nghe thầy giảng thì tập trung nghe giảng không còn niệm Phật hay trì chú nữa thì mình có phải cố vừa niệm Phật vừa nghe thầy giảng không?

Trả lời: Khi các căn làm việc thì chỉ làm được một việc thôi, khi chú tâm nghe sư giảng thì không niệm Phật được. Khi nghe thì chú tâm nghe vì chú tâm nghe cũng là một cách để loại trừ vọng tưởng lăng xăng, khi chú tâm nghe thì đừng khởi lên ham muốn, hoan hỷ, hay buồn phiền. Khi nghe thì biết là nghe, nghe cái âm thanh biết nó như vậy, tiếng nói thì biết sư nói, nhưng đừng để tâm chạy theo âm thanh ấy.

Nghe chê thì khởi tâm buồn phiền tức là niệm nhảy ra mà không biết, là vọng tưởng điên đảo, tức là tiền trần, mà ta chạy theo thì ở trong địa ngục. Nếu nghe chỉ là nghe thôi, không có dính mắc vào ý tứ của âm thanh thì

coi như thanh tịnh rồi, cũng như niệm Phật không có dính mắc vào mong cầu khi chết sanh về cực lạc, không khởi lên mong cầu ấy chỉ có niệm thôi thì đương nhiên sẽ rất thù thắng, còn khởi niệm ráng niệm đủ 100 ngàn cái khi chết về cực lạc là vọng tưởng điên đảo.

Khi nghe âm thanh thưởng thức như xem phim, đóng kịch, không thực. Nếu luôn luôn quán chiếu như vậy, hiểu rất rõ lời âm thanh chẳng qua nó là căn trần thức giao thoa với nhau, nghe thích hay ưa khởi lên thì lập tức quán chiếu cái niệm ưa, niệm không đồng ý ở đâu mà sanh ra chỉ cần coi chừng thôi, luôn luôn quán chiếu được như vậy thì an lạc không cần phải đè nén hay loại bỏ nó. Còn niệm Phật trong lúc nghe, khi ngưng nghe lập tức mình niệm Phật trở lại, như vậy thì thù thắng không bị gián đoạn.

Câu hỏi: Trong pháp hành khi con nghe bài giảng kinh Lăng Nghiêm của thầy thì con để ý lại là mình luôn theo dõi trong từng sát-na, ý mình đi lung tung thì mình biết nó đang lung tung, như thế có phải là (đang phản chiếu cái tâm mình không thừa thầy) tức là trong lúc nghe giảng Pháp mà tâm ý nó đi ra ngoài thì lúc đó mình biết tâm mình đã đi, mình cứ tập quen như thế thì nó đi về chơn tâm phải không thầy? Thường thì con thấy vọng tâm cứ theo mãi vậy thôi.

Trả lời: Khi cái tâm đi thì không cần nó được đâu, giống như đứa con 3 tuổi khi thả xuống đất thì nó bò, chạy lằng xằng mà nếu cần là nó khóc. Cái tâm cũng thế, cần nó thì nó không chịu, bị ức chế rồi đâm ra phát khùng phát điên hay não loạn, cho nên cứ để cho nó chạy lằng xằng nhưng khi coi chừng nó, quán chiếu nó giống như đứa con chạy lằng xằng thì dòm chừng, khi nào nó sắp rơi xuống đường thì níu nó lại, thì tâm cũng thế, khi nó lằng xằng biết nó lằng xằng thì lập tức nó quay trở lại, khi vừa thấy nó lằng xằng thì nó quay trở lại, quán chiếu luôn luôn như vậy, khi tâm vọng tưởng thì dừng bật, khi không còn suy nghĩ thì nó dừng lại, cho nên khi nó bắt đầu chạy lằng xằng mà ta dòm ngó thì hết lằng xằng, chỉ cần canh chừng thôi, cứ quán chiếu thì tự nhiên lâu ngày huân tập quen thì sẽ không lằng xằng nữa.

Ngay cả lúc bạn nghe giảng mà tâm không khởi lằng xằng cũng không chạy theo âm thanh? Có lúc khởi tâm buồn, có lúc khởi tâm vui, vui buồn lẫn lộn thì là chạy theo, gọi là lằng xằng. Nghe vẫn nghe như bình thường, đói ăn khát uống, bình thường tâm thị đạo. Nghe vẫn biết nhưng không để tâm lời chê, mà tâm không khởi phiền não, ấy là tu.

Tất cả các phương thức học, hành trì cũng chỉ có một mục đích để chỉ cho thấy cái tâm. Tám vạn bốn ngàn

pháp môn Đức Phật dạy cũng chỉ cho chúng ta thấy cái tâm của chúng ta, giống như cái đồ hộp Ngài không khai được mà chúng ta phải tự khai ra rồi nhìn bên trong. Ngài chỉ cho cách để khai chứ không khaiùm chúng ta.

Tâm ta phải tự quán chiếu để được thanh tịnh, để vượt qua kiết sử phiền não, vượt qua được sanh tử luân hồi. Các Tổ đều dạy: “*Ly Kinh nhất tự tức là đồng ma thuyết*”, nếu rời kinh một chữ thì coi như là ma nói chứ không phải đạo, nhưng nếu “*y kinh giải nghĩa thì tam thế Phật oan*”, y đúng theo lời kinh mà giải thì ba đời Phật đều bị oan vì Phật chỉ phương tiện, mà chấp đó là chân lý thì kẹt, cho nên cái khó là chỗ đấy.

Câu hỏi: Cái chơn tâm vẫn thường hằng cho dù thân tứ đại này có ra đi thì chơn tâm này vẫn còn phải không thừa thầy? Chơn tâm bị vọng tâm che khuất và vô minh tập khí nhiều đời cho nên không nhận biết được chơn tâm phải không thừa thầy? Nếu có đủ duyên nhận biết được chơn tâm thì sống với chơn tâm đó thì vọng tâm đó không còn phải không thầy?

Trả lời: Nói rằng có chơn tâm thường trụ rồi nói rằng nếu mà loại trừ được vọng tưởng điên đảo thì cái chơn tâm giống như không có mây thì có mặt trăng, nếu nói

như vậy đều là chấp. Nếu nói rằng có cái chơn tâm tức là có cái không chơn tâm là vọng tưởng điên đảo, thế thì vọng và chơn là hai cái đối đãi, hai cái đối đãi ấy cũng là sai luôn. Thật sự vọng tức là chơn, chơn tức là vọng, sóng và nước khi có gió thì nổi lên sóng, không có gió là nước, cho nên cái chơn tâm thường trụ hay vọng tưởng điên đảo cũng chính là bản thể thanh tịnh thực của mình, tâm vọng và chơn không có lìa, thấy sóng thì bản thể nó là H₂O cho nên sóng cũng là H₂O mà nước cũng là H₂O, khác nhau cái tướng bề ngoài, còn cái tánh thực sự là giống y hệt, sóng không thay đổi H₂O, cho nên vọng chơn hay chơn vọng không khác, tại chấp có vọng có chơn cho nên kẹt rồi nói buông cái chấp, nghĩa là có chấp cái để buông, cũng kẹt luôn, cho nên mới nói bình thường tâm thị đạo, nhận các hiện tượng y như thực.

Có nghĩa là nếu con khóc thì biết con khóc, nhưng đừng nói cái tướng nó khóc còn cái tánh của nó là ưa nhõng nhẽo, thiếu nước hay thiếu sữa. Nếu không có sữa thì nó khóc cho nên nhân quả đồng thời, tướng tánh là một, vọng chơn cũng là một, khi hiểu ra được thì thông dong không bị vướng mắc chỗ chấp là vọng là chơn, nhưng không vì thế lìa vọng tìm chơn, thấy chơn thì yêu thích, vì khởi tâm ưa thích thì chính cái tâm đó là vọng. Ưa thích chơn là vọng, đi tìm chơn là vọng.

Trong giấc ngủ có nhiều người nằm mơ thấy trúng số rồi thức dậy đi khoe với mọi người tôi trúng số rồi, giờ phải đi mua nhà này kia đủ thứ, quên rằng mình chưa trúng. Cũng như thế, trong cuộc đời hằng ngày có những cái chúng ta hành xử như người nằm trong mộng mà tưởng tỉnh táo, tại vì chấp có chấp không. Khi hiểu được như vậy thì thanh tịnh, các pháp đều làm, niệm Phật vẫn niệm Phật, tụng kinh vẫn tụng kinh nhưng không câu chấp.

Hồi xưa Đức Thế Tôn làm gì có tụng kinh hay bái sám, các Tổ đặt ra nhiều thứ, quý vị muốn theo thì cứ theo, cũng tốt thôi, chúng tôi không có chê bai nhưng chúng tôi chỉ thẳng chơn tâm.

Chúng tôi cùng quý vị tụng bài kinh Tâm Kinh sau đó hồi hướng đơn giản thế thôi, quan trọng vẫn là nhiếp tâm để làm sao trong lúc chúng ta tụng kinh mà tâm ta thành tín, thanh tịnh thì coi như chúng ta chiêu cảm cùng tâm thông tâm với Chư Phật mười phương, như vậy rất là thù thắng.

Quý vị nhìn xem đời sống Đức Phật và chư Thánh Tăng thời Phật thì quý vị sẽ biết các Ngài hành trì như thế nào. Bây giờ chúng ta pháp môn nào cũng tu, niệm Phật cũng nhiều mà có ai chứng A La Hán không? Có khi nào

chúng ta tự hỏi chúng ta làm sai không? Hay có điểm nào chưa thông? Phải tự tìm hiểu, cho nên không câu chấp vào nghi thức. Nghi thức có trong sách vở, chúng tôi thấy tất cả cũng chỉ huyễn hóa không ích lợi gì.

Đức Từ Phụ ra đời thị hiện cũng chỉ có một đại sự nhân duyên là làm sao cho chúng sanh thấy được cái Phật tánh của mình chứ không phải Phật tánh của Phật. Chúng ta không nên câu chấp vào hình tướng, mượn phương tiện âm nhạc, trống bát nhã để cho tâm mình được thanh tịnh, tâm được thành tín, nếu tâm không thành tín thì tất cả phương tiện nghi lễ rồi tâm sân si vẫn nổi lên, bĩ thử vẫn có, ngã sở vẫn có như vậy thì cửa địa ngục mở, sắc thanh hương vị xúc chính là địa ngục, âm thanh sắc tướng cũng là địa ngục, tiếng chuông tiếng mõ cũng là địa ngục nếu không quán chiếu được cái tâm, nương vào đó để nhìn cái tâm thì tất cả là mở cửa địa ngục ra, chẳng có lợi lạc.



BÀI 10: KHÔNG ĐƯỜNG KHÔNG CỬA

Trong một số bài trước, chúng ta đã tìm hiểu về đề tài 25 con đường 1 cánh cửa; có nghĩa là 25 con đường ấy đều dẫn tới 1 cánh cửa - cánh cửa ấy là cánh cửa vào Đạo. Rồi 25 con đường nhưng “môn vô môn”; tức là “cửa không cửa”.

Bài này chúng ta sẽ học 25 cái ấy nhưng là “không đường không cửa”; tức là “Vô đạo, vô môn”.

Đức Thế Tôn hỏi 25 vị Đại đệ tử của Ngài là: “*Bằng cách nào các vị ấy chứng đắc?*”; mỗi vị trình bày sở đắc. Ví dụ như ngài A Nhã Kiều Trần Như thì do: “*Con nương vào âm thanh của Phật*”. Khi Đức Phật giảng Tứ Diệu Đế, con nương vào âm thanh vi diệu, âm thanh trìu mến, âm thanh từ bi của Ngài con thấu hiểu được lẽ huyền diệu ở trong Tứ Diệu Đế. Nương vào âm thanh của Phật là nương vào âm thanh; tức là dựa theo âm thanh ấy, chứ không trú ở trong ấy. Con nương vào âm thanh ấy để phát hiện ra Tứ Diệu Đế và vì thế con chứng đắc.

Ngài Hương Nghiêm nói: “*Con vì quán chiếu mùi hương trầm*”. Một bữa nọ có một huynh đệ đốt trầm lên, mùi trầm tự nhiên chạm vào mũi con; con nghe lời Đức

Từ Phụ, con quán chiếu mùi hương trầm đó từ đâu mà ra, từ gỗ mà ra hay từ lửa ra; từ oxygen(oxy) mà ra hay từ bột lửa mà ra? Con thấy tất cả đều không có; đều do tất cả các nhân duyên tạo ra như thế mà thôi; bởi thế cho nên, con thấy mùi hương là không có thực. Mà nếu mùi hương không có thực nhưng tại sao mũi con lại ngửi thấy? Như vậy, thức của mũi cũng không có thực và vì như vậy, con biết tất cả đây chỉ là vọng tưởng điên đảo và ngay lập tức con được chứng đắc.

Thế thì 25 vị Đại đệ tử tượng trưng cho cái gì? Chúng ta đã học 25 con đường đưa đến 1 cánh cửa; tức là 25 cách nhưng cách nào cũng đi vào cửa Đạo. Có nghĩa là nếu bạn phát tâm tu học, bạn chỉ cần chọn cho 1 pháp môn để tu và luôn luôn quán chiếu, hành trì sẽ được thù thắng, sẽ được chứng đắc, đi tới nơi tới chốn.

Đức Thế Tôn có dạy có đến 8 vạn 4 ngàn pháp uẩn, mỗi một người một tánh. Không ai giống ai và cũng trong chính con người ấy thôi, mà trưa tánh khác, chiều tánh khác, tự trong mỗi 1 người đã có vô lượng chúng sanh; phiền não, dấy lên lúc vui lúc buồn, đủ các thứ ở trong con người ấy thay đổi liên tục, biến dịch. Khi bạn học 1 pháp mà bạn hành trì tới nơi tới chốn thì bạn được lợi lạc vô cùng. Đó là chân lý.

Cho nên, 25 con đường dẫn tới 1 cửa - 1 cửa ấy là cửa đi vào để chứng đắc A La Hán; liễu trừ kiết sử phiền não; thấy rõ chơn tướng của ngã là không. Khi đã chứng đắc A La Hán tức là ngã không còn nữa. Nếu nói rằng: Ta đã đi vào được cửa Đạo; cửa Đạo thực sự là có và quả vị A La Hán cũng có; và vì như thế cho nên vương mắc vào chỗ gọi là “Quả vị A La Hán và cửa vào Đạo”.

Hai mươi lăm pháp môn (25), $18 + 7 = 25$; trong đó 18 là 6 căn, 6 trần, 6 thức; số 7 là thất đại (nói thất đại hay tứ đại gì cũng thế thôi). Thế thì lục căn, lục trần, lục thức này có thật không thừa bạn? Tại vì 25 đây là 25 con đường, mỗi một vị chứng đắc đều theo 1 cách riêng. Có vị nhờ thức, có vị nhờ căn, có vị nhờ trần, có vị nhờ quán chiếu nhưng mà tất cả 25 cách quán chiếu này để đi vào 1 cánh cửa Đạo để chứng đắc A La Hán. Thế thì 25 cái này có khác không thừa bạn?

25 cái ấy có hay không? Căn - trần - thức có hay không? Căn cũng không, trần cũng không mà thức cũng không; chẳng qua tá tanh gọi như thế mà thôi; hễ duyên sanh là nó hiện, vạn pháp do duyên sanh - vạn pháp do duyên diệt. Có nghĩa là tất cả các pháp đều là duyên sanh, mà duyên sanh như huyễn không có thực; cho nên, 25 cái ấy đều không thực. Mà nó đã là không thực thì

nói có là sai; nếu là nói khác nhau cũng là sai; tại vì đâu có thực đâu mà đúng hay sai.

Cho nên nếu nói rằng 25 cái ấy là giống nhau hay khác nhau thì cũng sai cả vì 25 pháp này chỉ là phương tiện. Nếu chấp có đúng - có sai, có con đường - con đường ấy đi vào cửa Đạo. Thì trước hết (1) là ta chấp có con đường; (2) chấp có cửa Đạo, (3) chấp ngã, tức là có Ta đây và Ta đang đi trên con đường ấy đây và nếu ta đi trên con đường ấy thì ta sẽ đi về cửa Đạo.

Cho nên 25 pháp này chỉ là tá danh mà thôi, 25 ấy thực sự ra không có. Tại vì vạn pháp do duyên sanh; Căn - trần - thức cũng do duyên sanh. Thức là do căn với trần giao thoa, chứ có thực đâu; tự tánh vốn là không. 25 con đường dẫn tới 1 cánh cửa; nhưng thực sự là tá danh mà thôi.

Chúng ta học 25 con đường dẫn tới 1 cánh cửa mà cánh cửa này là “*Môn vô môn - Cửa mà không gọi là cửa*”. Tại sao thế? Gọi là cánh cửa là chỗ ấy có hình tướng, mà “*phàm sở hữu tướng thì giai thị hư vọng*” trong kinh Kim Cang đã nói rất rõ như thế. Tức là cái gì có hình tướng thì cái ấy là hư vọng; cho nên cái mà ta nói rằng: Cánh cửa ấy là có hay không thì cũng không đúng vì thực sự ra đó chỉ là phương tiện, tá danh để chỉ

cho ta chon tâm thường trụ của ta mà thôi, chứ có cánh cửa nào đâu.

Tham - sân - si khi đã vút bỏ đi rồi thì chon tâm hiển lộ, không có cửa nào che đậy hay không có cửa nào vào; nhưng tại sao chúng ta nhìn không thấy chon tâm thường trụ sau cánh cửa? Là tại vì cánh cửa có 3 khóa, 3 khóa này là tham - sân - si, vì 3 khóa này đã khóa chặt cánh cửa rồi nên không mở ra được, cho nên không nhìn thấy chon tâm thường trụ của chính bản thân ta.

Chon tâm thường trụ ấy chính là Phật tánh, Bản lai diện mục, Bản thể thanh tịnh ... muốn đặt tên gì thì đặt và đó là tài sản quý báu của ta. Cửa rộng mở mà bị khóa chặt bởi 3 ổ khóa tham, ổ khóa sân, ổ khóa si; mà 3 ổ khóa này cũng không thực. Vì ổ khóa này không có thực, nên mới nói là “Môn phi môn - cửa mà không có cửa”. Do vậy, dù có 25 con đường mà cửa không có cửa, có nghĩa là khi nhìn thấy thì đột nhiên nhìn thấy ngay chon tâm thường trụ của ta, chẳng có cái gì che đậy hết, hoàn toàn hiển lộ ra đấy, ta không thấy vì ta che tới 3 lớp vải là lớp vải tham, lớp vải sân, lớp vải si.

Thế thì nói đúng rằng: không đường và cũng không cửa. Tại sao lúc đầu nói 25 con đường, bây giờ là không đường. Tại vì 25 con đường ấy chẳng qua là tá danh, 25

con đường ấy là mắt - tai - mũi, căn - trần - thức ... tất cả những thứ ấy đều là duyên sanh; mà duyên sanh thì như huyễn; tức là không có thực. 25 cái ấy chỉ là phương tiện, con mắt có thể nhìn thấy 1 vật nói rằng vật ấy là vật gì? Cái tánh biết nằm ở chỗ nào; tức là nhãn thức là cái ghi nhận những ký hiệu, từ nhỏ đến lớn được huân tập, để suy nghĩ như thế cho nên nói như thế.

Chúng ta nhìn bông hồng, chúng ta nói bông hồng màu đỏ và bông hồng tượng trưng cho tình yêu. Thế thì tại sao chúng ta lại nói bông hồng màu đỏ, bông hồng tượng trưng cho tình yêu? Là tại vì từ lúc nhỏ khi chúng ta mới sinh ra, bố mẹ nói nó màu đỏ, đi học thầy cô giáo nói là màu đỏ, bạn bè nói là màu đỏ...và khi gặp người yêu thì người yêu nói là màu đỏ và bông hồng này tượng trưng cho tình yêu. Cho nên, chúng ta có quy ước của thế gian: Mọi người gọi cái ấy là bông hồng, cái ấy là màu đỏ và bông hồng gửi tặng bạn trai/bạn gái là tượng trưng cho tình yêu.

Bài kinh Kalama Đức Thế Tôn đã dạy: Đừng nghe những gì mà người khác nói, đừng nghe những gì kinh sách nói, đừng nghe những gì được truyền từ thế hệ này xuống thế hệ kia, cũng đừng nghe những gì người ta nói rằng cái này là do Đức Phật nói như thế, đừng tin liền mà hãy làm như người thợ bạc thử vàng đem những cái

ấy vào thử. Nếu đó là vàng thật thì còn y nguyên, ngược lại là giả thì đương nhiên bị mất màu, bị chảy ra.

Có nghĩa là hãy áp dụng những điều kinh sách nói; người ta nói; hay cái này là do Đức Phật nói... vào trong cuộc sống, vào con đường tu học. Nếu điều ấy mang lại lợi lạc cho cuộc sống, hạnh phúc hơn, sáng suốt hơn trên con đường tu học thì ấy là chân lý. Ngược lại, nếu không lợi lạc thì nên bỏ đi, kể cả cho người ta nói đó là lời dạy của Đức Phật cũng đừng có tin.

Tại vì vào thời của Đức Phật, ngài chỉ truyền khẩu cho các vị Thánh tăng và những vị Thánh Tăng này lặp lại những lời khẩu truyền đó chỉ dạy cho các thế hệ tiếp theo; cho đến gần 500 năm sau (khoảng gần Công nguyên - thế kỷ I, thời Jesus giáng sanh mới bắt đầu có chữ viết trên lá bối), thế thì làm sao có thể đảm bảo được trong suốt 500 năm ấy những lời dạy của Đức Thế Tôn được người ta lặp lại đúng, hiểu đúng ý như lời dạy của Đức Thế Tôn.

Ngay cả trong thời Đức Thế Tôn mà người ta đã hiểu sai lời dạy của Ngài rồi. Ví như câu chuyện: Dân chúng khiêu nại lên Đức Phật khi các vị đệ tử trong Tăng đoàn hay trò cây đẽ gỗ. Các vị Tỳ-kheo đệ tử của ngài Cồ Đàm, tu sĩ gì mà kỳ cục quá, hay trò cây hái trái hoặc

leo lên đó nằm ngủ. Vì việc đó nên Đức Phật chế ra giới là Tỳ-kheo không leo lên cây. Có 1 vị Tỳ-kheo bị con cọp rượt, vị này chạy trong lúc con cọp đuổi theo, nhất định không chịu trèo lên cây để thoát thân; vừa chạy vị ấy vừa nói “*Đức Thế Tôn dạy không được leo cây...Đức Thế Tôn dạy không được leo cây...*” cho đến cuối cùng bị con cọp vồ được ăn thịt. Sau sự việc ấy, Đức Thế Tôn chế lại giới luật: “Nay Ta sửa lại giới luật, để mở rộng hơn”; khai giá trị phạm là như thế. Có một 1 số vị Tỳ-kheo do nhòm góm thân thể; thấy là xương máu, mủ thịt, thũng phân, thấy dơ nhớp cho nên các vị ấy tự sát, chết hết 1 số vị hoặc là nhờ vị khác lấy dao giết để được giải thoát ra đau khổ, thoát ra khỏi nhòm góm đó. Cho nên Đức Thế Tôn mới nói rằng: “Những người ấy là ngu si”. Nên Đức Thế Tôn mới nói: “Kẻ nào tin Ta, mà không hiểu ta thì kẻ ấy đang phỉ báng Ta”.

Những trường hợp vừa nêu ngay thời Đức Thế Tôn đã xảy ra như thế, hà huống gì tới gần 500 năm sau mới có chữ viết để ghi lại; ai dám đảm bảo rằng là đúng. Đó là chưa kể tới trường hợp, ngay khi Ngài vừa mới nhập Niết-bàn, một lần nọ, Trưởng lão Ānanda, lúc này đã già, gần 120 tuổi, đang đi ngang một khu rừng, bỗng nghe có vị Tỳ-kheo ngâm sai một bài kệ trong Pháp cú kinh: “*Ai sống cả trăm năm không thấy được hạc biển*”

Thua kẻ sống một ngày thấy được con hạc biển”. Trưởng lão Ānanda bèn dùng chân, kêu vị Tỳ-Kheo kia, nói rõ sự sai lạc của bài kệ, rồi yêu cầu đọc lại cho chính xác: “*Ai sống cả trăm năm Không thấy Pháp sanh diệt Thua kẻ sống một ngày Thấy được Pháp sanh diệt*”. Vị Tỳ-Kheo kia đọc thuộc, ghi nhớ rồi về kể lại cho giáo thọ sư. Vị ấy cười, nói rằng: “*Không phải vậy đâu, con đừng có tin! Ngài Ānanda già nua lắm lắm rồi, ngài quên, nhớ sai cũng là chuyện thường!*” Thế là vị Tỳ-Kheo kia bèn yên trí “đi tìm con hạc biển”.

Vì vậy, Đức Thế Tôn đã nói rất rõ trong bài kinh Kalama: *Đừng tin những cái gì người ta nói, kể cả người ta nói đó là lời của Đức Phật nói; mà hãy thử nghiệm những điều đó vào trong cuộc sống, trong tu học, giống như người thợ bạc thử vàng vậy.*

25 con đường là các phương tiện và cánh cửa ấy cũng chỉ là phương tiện mà thôi. Thật sự là chơn tâm thường trụ, nhưng tại vì cánh cửa bị khóa rất chặt, bị đóng kín bởi 3 ổ khóa; 3 ổ khóa đó là ổ khóa tham - ổ khóa sân - ổ khóa si. Khi chúng ta quán niệm, thấy rất rõ như thế thì cửa cũng không có. Vì tham - sân - si là do vọng tưởng điên đảo; tức là do duyên sanh, mà hễ cái gì do duyên sanh thì như huyễn, tức là không thực; vì đã không thực rồi thì có gì đâu chúng ta phải ngại.

Trong Đại Trí Độ Luận, có ngài Pháp sư Hỷ Căn và ngài Pháp sư Ý Căn:

- Pháp sư Ý Căn lo lắng, dạy đệ tử phải cẩn thận dâm - nộ - si vì 3 thứ này làm nhiễu loạn tâm của người hành giả tu không được.
- Ngài Pháp sư Hỷ Căn lại khuyên các đệ tử nên thông dong, tự tại, quán chiếu cho kỹ dâm - nộ - si vốn là năng lượng; mà năng lượng chỉ là huyền, tức là do duyên sanh; có duyên sanh có dâm, có sân, có si.

Thế thì, 25 con đường và “môn vô môn”; 25 con đường để dẫn vào 1 cánh cửa, và cánh cửa ấy không có thực. Nhưng bài này, chúng ta sẽ học “không đường không cửa”. Tại vì 25 con đường ấy có thật? Bây giờ, chúng ta biết chắc chắn rồi là cánh cửa là không có thực rồi, cửa này do 3 ổ khóa tham - sân - si khóa chặt lại; ta thấy rất rõ thực tướng của tham - sân - si, chẳng qua là do duyên sanh, tâm vọng tưởng điên đảo nên không nhận biết được cánh cửa đó thực ra không có; cho nên cứ hướng đầu vào mà không dám bước qua; cứ nói “Đó là cửa... Đó là cửa”, không dám đi qua; cứ lo đi tìm kiếm chìa khóa, cửa không khóa nhưng mà cứ đi tìm chìa, kẹt ở chỗ đấy.

Rồi bây giờ tới 25 con đường, $25 = 18 + 7$. Với 18 là 06 căn, 06 trần, 06 thức, mà căn - trần - thức này cũng không có thật.

Trần là đối tượng, là vật thấy; mà đối tượng tự tánh của nó vốn là không, vốn là thanh tịnh nhưng chẳng qua do duyên sanh nên mới tạo ra nhà, cửa, xe, người trai, người gái, đàn ông, đàn bà, trẻ con ... Tất cả những cái này đều do duyên.

Căn thì mắt - tai - mũi - lưỡi ... Lấy 1 cái làm ví dụ: Nếu bạn nói nhờ con mắt mới thấy, con mắt của người mù không có, mà họ có thấy không? Đừng nói người mù không thấy; con mắt của người chết vẫn còn nhưng có thấy không; cũng đừng nói là con mắt của người chết là không thấy. Nếu nói rằng có con mắt thì nó phải thấy, chứ tại sao người chết không thấy.

Rồi nếu rằng người mù không thấy? Thế thì, nếu chúng ta bước vào phòng tối đen, không có ánh đèn khi ấy chúng ta có thấy gì không? Cũng như người mù, chúng ta không thấy gì cả, cho tới khi chúng ta mở đèn sáng lên, mới thấy được những vật xung quanh chúng ta trong căn phòng đấy. Thế thì, chúng ta nói: Đèn sáng hay con mắt sáng? Nếu chúng ta nói rằng: Con mắt sáng thì tự tánh phải sáng, tại sao vào căn phòng tối lại không

nhìn thấy được gì; mà nếu nhờ ánh sáng khi mở đèn lên mới thấy thì là nhờ đèn sáng chứ đâu phải do con mắt sáng.

Thế thì con mắt và vật, có ảnh hưởng gì tới tánh biết của tánh thấy của con mắt hay không? Không, đó chỉ là phương tiện mà thôi; con mắt chỉ là cửa sổ.

Ở trong Kinh Phạm Võng, Đức Thế Tôn đã nói rõ 62 pháp biện luận của các nhà đại tài đều bỏ đi hết vì không qua được lưới Phạm Võng. Lưới Phạm Võng là gì? Là lưới làm cho con người ta không thể nào thoát ra khỏi sanh tử luân hồi; nói rằng có trời có đất, có tâm hay không tâm, có cảnh hay không cảnh ... Đều bị kẹt hết. Tại vì trong các lý luận ấy đều có sự cảm thọ, đều có sự chấp ngã, chấp pháp, chấp kiến và khi cảm thọ thì bênh vực rằng: Cái điều ta suy nghĩ là đúng, vì có thọ nhận là pháp ấy là đúng; và khi có cảm thọ rồi sẽ có ái, rồi thủ, rồi hành và cứ như thế thập nhị nhân duyên xoay; cho nên sanh tử luân hồi, không ra khỏi được.

Ở trong kinh Phạm Võng, yếu chỉ bài kinh là cảm thọ, hễ cảm thọ dính mắc là kẹt. Và trong kinh Kim Cang nói rất rõ, tại sao ngài Lục Tổ Huệ Năng đang đi đốn củi khi nghe câu “*Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” mà buông bỏ

hết để chúng đắc. Là tại vì chữ thọ đầy, không cảm thọ nữa thì thoát ra khỏi sanh tử luân hồi.

Trong 62 pháp lý luận tuyệt vời của các vị đại biện luận Đức Thế Tôn nói trong kinh Phạm Võng,: “62 pháp biện luận ấy không dẫn tới thoát ra khỏi sanh tử luân hồi”. Tại vì các lý luận gia đều cảm thọ, bênh vực lý luận và vì đều cảm thọ; cho nên có ái - rồi thủ - hành, cứ thế thập nhị nhân duyên xoay, rồi ưu bi khổ não, là nhân là quả thôi.

“Không đường không cửa”: 25 con đường để đi vào cửa Đạo khi Đức Thế Tôn hỏi 25 vị đại đệ tử của Ngài: “*Là các ông chứng đắc như thế nào*”? Thì (1) ngài Anã Kiều Trần Như nói: “*Con nhờ cái âm thanh của Đức Thế Tôn cho nên con hiểu được Tứ Diệu Đế nên con chứng đắc*”; (2) ngài Hương Nghiêm nói: “Con nhờ cái mùi hương trầm, một bữa nọ tăng chúng đốt hương trầm lên, tự nhiên hương đó chạm vào mũi con và đột nhiên con phát hiện rằng mùi hương trầm tự tánh vốn là không có, tại sao con ngửi thấy mùi thơm và rồi con khởi lên ý ưa thích. Thế thì ý ưa thích đó do cảm thọ và ngay chỗ ấy - biết rõ ràng mùi hương trầm không từ gỗ mà ra, không từ lửa mà ra, không từ oxy mà ra, không từ lỗ mũi mà ra cũng không từ căn mà ra hay cũng không từ thức nhận biết của mũi mà ra; mà tất cả đều từ sự tổng hợp.

Sự tổng hợp này là gì? Đó đều là do duyên sanh; còn theo thuật ngữ của toán học là những điều kiện cần và đủ như thế sẽ ra kết quả như thế. Ví dụ như $A + B + C = D$; không có thực vì khi các điều kiện ấy mất rồi đương nhiên sẽ trả về với trống không của nó, nguyên vị của nó. Có nghĩa là nó không thực, không thực ta chấp thực là do cảm thọ.

Đức Thế Tôn nhắc nhở trong tất cả các kinh điển; chữ cảm thọ thô; ngay cả như ngũ uẩn, cũng không làm tác hại đến bạn nhưng nếu cảm thọ ngũ uẩn là kẹt. Nhìn mà khởi tâm ưa thích, rồi thọ cảm giác ấy, rồi phiền não nếu ta không chiếm hữu được. Ví dụ như thấy có chiếc xe đẹp, ta muốn mua mà không có tiền mua, khởi lên tâm buồn phiền sao không đủ phước đức, làm ăn không đủ tiền nên không thể mua được chiếc xe đẹp như thế; tức là có cảm thọ về màu sắc, về vật chất và vì không mua được nên khởi tâm phiền não. Chỗ phiền não là địa ngục, tức là có cảm thọ hay không cảm thọ.

Thế thì 25 con đường ấy không có thực tại vì do duyên sanh, chỉ là phương tiện. Cánh cửa cũng không thực. Thế thì không có đường mà cũng không có cửa thì lấy cái gì tu? Không đường không cửa thì tu thế nào đây? Nếu không đường không cửa, tức là không có bản đồ để chúng ta đi vào Đạo, muốn đi vào Đạo thì đi bằng cách

nào, đi tới đâu? Cho nên, nói rằng có cũng sai mà nói là không cũng sai luôn; nhưng nếu biết rằng nó chỉ là phương tiện để ta đạt tới cứu cánh; có nghĩa là Đức Thế Tôn có để lại kinh điển thì ấy chẳng qua là bản đồ, mà bản đồ không phải là điểm đến.

Ví dụ như bạn mở bản đồ ra, để đi từ Tp.HCM ra Nha Trang lật bản đồ ra và lái xe theo chỉ dẫn đó. Theo bản đồ để đi, chứ bản đồ đâu phải là điểm đến; điểm này điểm kia chấm ở trên bản đồ đâu phải là điểm đến. Bạn đến Nha Trang để nhìn thấy có sóng, có biển, có người đi lại, có hải sản cá tôm ... Chứ không muốn tới bản đồ. Cho nên, kinh điển là bản đồ; còn cái bạn muốn đến là chơn tâm thường trụ của bạn.

Tức là kinh điển chỉ cho bạn biết, quay tất cả các tánh nghe - tánh thấy về bên trong; phản văn tức là quay về bên trong; quay về bên trong tức là không ra bên ngoài, mà không quay ra bên ngoài thì đâu có cần đường nữa; mà cũng chẳng có cửa nào nữa.

Ta quay về bên trong, thì ta quay thôi, như nhà ta quay về ở, mở cửa ra chui vào ta ở, đâu có cần gì nữa. Thế thì tại sao ta mở không ra cánh cửa? Tại vì tâm tham - tâm sân - tâm si, nếu nhìn quán chiếu rất rõ tâm tham - tâm sân - tâm si, biết là huyễn, không có thực thì thông dong

vào. Cửa không có khóa không có chìa. Thực chất tham - sân - si, tự tánh của nó vốn là không, tự tánh của nó vốn là thanh tịnh; do duyên mà thành, không có thực.

Bây giờ làm sao có tâm tham đây? Chẳng lẽ tự nhiên có tâm tham? Hay là do tối 12 giờ khuya, đang đi trên con đường vắng bỗng nhiên thấy 1 túi vàng có 10kg vàng; lúc bấy giờ, hành giả mới thấy có tâm tham hay không? Bấy giờ tâm tham nảy ra: À, không có ai hết, bây giờ trong túi lại có 10 kg vàng, tự nhiên khởi tâm ưa thích (khoan nói tới chuyện có lấy hay không), mừng, ưa thích, khoái, chính tâm ưa thích này mới dẫn ta đi vào mê đạo; tức là bắt đầu khởi tâm, bây giờ ta suy nghĩ, nếu cứ để ở đây mà bị người khác lấy cũng uổng phí; chi bằng ta lấy đem về để đó, rồi xem tìm chủ của túi vàng này ra làm sao; đó là tâm ý của người tu hành chân chính. Còn lỡ không tìm ra được chủ của túi vàng này thì sao? Thôi hay là bây giờ ta lấy làm việc từ thiện, nuôi trẻ mồ côi, cúng dường cho chùa... Tức là ta tìm ra 1 lý do nào đó để biện luận cho hành động, để bảo vệ cho hành động và ta cho rằng đó là đúng. Nhưng thực sự trong tâm của ta đã khởi lên tâm tham rồi, tâm tham đã xuất hiện.

Có nghĩa cánh cửa vào Đạo, thật sự khi nói là cánh cửa có 3 ổ khóa là tham - sân - si là để tượng trưng thôi,

chứ không khóa đầu; không có chìa mà cũng chẳng có khóa. Tham - sân - si là vọng tưởng điên đảo, theo duyên sanh mà thành; không thực. Đi vào ngay tâm của ta; tức là chỗ “phản văn”, thay vì hồi xưa đến giờ con mắt ta chạy rong ruổi theo cảnh trần; bây giờ con mắt xoay trở về nhìn vào tâm của ta; lúc nào cũng vậy nhìn vào tâm của ta.

Khi nhìn 1 đóa hoa, có khởi tâm ưa thích hay không? Thì quán chiếu liền sự ưa thích ấy từ đâu mà có. Nếu ta nhìn 1 cô con gái đẹp, rồi ta nhìn vào tâm khởi lên là tâm dâm hay tâm ưa thích; sự ưa thích ấy từ đâu mà có? Quán chiếu tâm, tức là nhìn vào tâm. Khi nghe 1 câu mắng chửi, rồi khởi lên tâm buồn phiền; quay tánh nghe, thay vì nghe âm thanh của người nghe tâm của ta. Buồn phiền từ đâu mà có? Cái âm thanh đến và đi như khách trần, có thực đâu mà tại sao tâm ta cứ khởi lên phiền não? Cho nên, trong Phẩm Ngân - Kinh Pháp Cú; Đức Thế Tôn thấy tâm của ông Bahiya rất là thành tín, rất khản khoản và biết ông này cũng sắp chết rồi nên Đức Thế Tôn nói như vậy: *“Này hiền giả, nếu nhà người thực tâm muốn tu học, muốn liễu đoạn sanh tử thì hãy nghe lời Ta, hãy quán chiếu như thế này:*

Trong cái thấy chỉ có cái thấy

Trong cái nghe chỉ có cái nghe

Trong cái hiểu biết, chỉ có cái hiểu biết”.

Ông Bahiya quán chiếu chỉ có 1 chút đó thôi mà chứng đắc A La Hán; chỉ trong khoảng 1 đôi giờ gì đó thôi mà chứng đắc A La Hán; trong lúc đi ngoài đường ông cứ quán chiếu, tâm đắc về lời dạy đó để bị con bò húc chết (Chuyện bị con bò húc chết là 1 câu chuyện khác; đó là do nhân - quả, có thể từ kiếp trước ông đã giết con bò nên kiếp này ông bị con bò húc chết lại); nhưng chuyện ông chứng đắc A La Hán là nhờ ông quán chiếu được “*Trong cái thấy chỉ có cái thấy*”.

Đức Thế Tôn nói rằng các pháp đều bình đẳng; tại sao các pháp đều là bình đẳng? Bạn thấy có sông, có núi, cây cỏ, cá, bò, xe, máy bay, con người, trai gái, có người già, trẻ em ... giống không bạn? Tượng thì khác nhưng tánh thấy giống? Giống ở chỗ nào? Giống ở chỗ tại vì tất cả đều là năng lượng; các nhà khoa học đã chứng minh tất cả các vật chất trong trái đất này đều được cấu tạo từ 118 nguyên tử. Mà 118 cấu trúc chỉ có electron, proton và neutron; có nghĩa là ion⁺ và ion⁻, là điện năng, là điện năng (+) và điện năng (-) và trong những khoảng điện ấy có khoảng chân không. Thế thì, các vật chất được cấu tạo lại bởi các hình thể khác nhau như xe cộ, nhà cửa, đường xá, sông nước...là 118 nguyên tử này

thôi; mà 118 nguyên tử chỉ có ion⁺ và ion⁻ tức là electron, proton và notron.

Thế thì, các vật chất giống nhau ở chỗ là các vật chất đều là năng lượng; Đức Thế Tôn đã quán chiếu bằng con mắt Tuệ Nhãn, Ngài nói: “*Vạn pháp giống y hệt, chẳng khác gì hết, vạn pháp bình đẳng giống nhau*”; có nghĩa tất cả đều chỉ là năng lượng. Con mắt bị đánh lừa, cái tai bị đánh lừa, cho nên thấy khác; chứ thực chất là đều giống nhau. Thế thì, cửa cũng không; rồi 25 con đường ấy cũng không luôn; tại vì chẳng qua chỉ là phương tiện. Cho nên “Đường không cửa không” thì có gì cản trở chúng ta để ta nhìn thấy tâm của ta hay không?

Vua Ba-tư-nặc (Pasenadi) đứng dậy bạch Phật, nói rằng: “*Xưa kia con nghe lời Phật dạy, thấy bọn ngoại đạo Ca-chiên-diên chấp pháp cũng có - cũng không và Tỳ-la-chi-tử chấp mãi kiếp tự nhiên đắc đạo; đều nói thân này sau khi chết đoạn diệt, gọi là Niết-bàn. Nay dù gặp Phật vẫn còn hồ nghi, chẳng biết làm thế nào mới chứng được tỏ chỗ “chẳng sanh chẳng diệt” của tâm; có tâm nhưng nói rằng tâm ấy không sanh - không diệt, tâm ấy thường trụ; chơn tâm thường trụ; nhưng mà không biết làm sao để thấy được tâm ấy. Cho nên rất mong mỏi được Đức Phật khai thị, nói cho biết*”.

Đức Phật nói với nhà vua Ba-tư-nặc: “*Thân ông ở đây, nay Ta hỏi ông: Cái nhục thân này là đồng như kim cương thường trụ chẳng hoại hay bị biến diệt*” (Cái thân này có biến dịch, thay đổi hay là thường). Nhà vua đáp: “*Bạch Thế Tôn, cái thân vô thường biến hoại dù chưa từng diệt nhưng con xét thấy trước mắt niệm niệm dời đổi mãi mãi không thôi, dần dần tiêu mòn như lửa thành tro, sự tiêu mòn như lửa chẳng ngừng*”.

Có nghĩa là thân không thấy thay đổi. Tại vì hàng ngày ta nhìn thấy không thấy thay đổi. Nhưng thực sự ra là nó đang già từ từ; hao mòn từ từ; đến một lúc nào đó đến chết là hết; như điện năng hết năng lượng rã ra; tứ đại trả về tứ đại; đất nước gió lửa trả về đất nước gió lửa; như cục pin mà hết pin rồi vứt bỏ vào thùng rác thôi; cục pin thành ra sắt, chì, kẽm... Các thứ thôi, đâu có công dụng gì nữa. Xác thân của con người cũng thế, chẳng qua còn có năng lượng, hơi ấm là còn hoạt động, còn nói, còn buồn phiền... Và vì còn buồn phiền cho nên còn sanh tử luân hồi.

Tại vì chấp có ngã, cho nên còn buồn phiền. Mà hàng ngày, chúng ta chết từ từ mà chúng ta không biết; chúng ta lại quý cái thân ấy: ăn uống tắm rửa, áo quần đẹp rồi làm đủ mọi thứ để chăm sóc thân ấy, dành rất nhiều thời gian để chăm sóc thân; không chăm sóc tâm.

Đức Thế Tôn nói: “*Được sanh ra một đời làm người rất là khó, phải tu vô lượng kiếp mới được làm người*”; mà chỉ chăm lo thân, thân này hoại lúc nào không biết; tâm không lo, lỡ kiếp sau ta đầu thai thành con gì đó có 4 chân, 8 chân hay con gì đó có vô số chân?

Đức Phật lại hỏi: “*Hình thể của ông đâu phải bỗng nhiên mà biến hoại*”? Nhà vua nói: “*Sự biến hóa âm thầm dòi dổi, con không có hay; đông hạ thu sang từ từ như thế này; rồi bây giờ già da nhăn mà cũng không thể nào biết được; mà vạn vật đều chịu quy luật như thế*”. Đức Phật hỏi tiếp: “*Trong lúc mà ông sanh sanh diệt diệt như thế, thì ông có biết là có cái gì trong thân không diệt chẳng*”? Vua Ba-tư-nặc trả lời: “*Dạ con không biết*”. Đức Phật nói: “*Nay Ta chỉ ông cho ông biết cái tánh chẳng sanh - chẳng diệt*”.

Đức Phật hỏi nhà vua: “*Bệ hạ thấy nước sông Hằng từ lúc bao nhiêu tuổi*”? Nhà vua đáp: “*Dạ, lúc con lên 03, mẹ con dẫn đi qua sông này nên con đã biết sông Hằng rồi*”. Phật hỏi: “*Như lời ông đã nói lúc 20 tuổi thì hơn 10; đến 60 thì niệm niệm, đời dổi hàng ngày; vậy khi 3 tuổi ông thấy nước sông, rồi khi 13 tuổi thì tánh thấy thì như thế nào*”? Nhà vua nói: “*Thì cái tánh thấy giống như thế thôi; 60 tuổi cũng thế thôi; không có đời dổi nhưng mà nước sông thì có đời dổi; con người con*

thì già từ từ, da tóc nhăn nheo nhưng tánh thấy của con về sông Hằng hồi lúc 3 tuổi cho đến năm nay 62 tuổi không có khác”.

Có nghĩa là bản kiến vốn chẳng sanh - diệt biến đổi; bản kiến là tánh thấy không sanh diệt, không biến đổi. Tại vì thấy nó cũng thể thôi. Đức Phật nói: “*Nay ông tự than đã già, vậy ông thấy sông Hằng lúc còn nhỏ với lúc bây giờ; tánh thấy có già - trẻ gì không? Cái thấy lúc năm 3 tuổi về sông Hằng và cái thấy về sông Hằng lúc 60 tuổi có khác không?*” Nhà vua đáp: “*Bạch Thế Tôn, nó không khác, giống hệt như nhau*”. Cho nên, Đức Phật mới nói: “*Mặt ông dù da nhăn mà tánh thấy chưa từng nhăn; hễ có nhăn thì nó sẽ biến dịch; mà đấng này nó y nguyên như vậy, có nghĩa là nó không có biến dịch, bất biến. Mà hễ cái nào có biến thì có sanh sanh - diệt diệt; còn cái nào không biến thì thường trụ. Cho nên, theo tà thuyết của bà Mạt-già-lê: Cho rằng thân này sau khi chết là đoạn diệt, là sai*”.

Có nghĩa là sau khi chết rồi, chúng ta có 1 thân khác mà thân ấy không thể nhìn được bằng con mắt thường, con mắt trần tục. Chứ nếu nói rằng đoạn diệt tức là hết; chết là hết đó là sai; tại vì tánh thấy ấy thường trụ; không chết theo thân. Cái thân chết mà tánh thấy không chết; có nghĩa là trí tuệ ấy không chết.

Trong quá khứ, Đức Thế Tôn có 1 kiếp làm con khi và vẫn làm con khi đầu đàn. Tức là trí tuệ đó được mang theo nếu chúng ta huân tập, chúng ta giữ được sự thanh tịnh; những gì chúng ta hiểu biết được gọi là gia sản trí tuệ. Trí tuệ này không mất, thân có mất nhưng trí tuệ này không mất; tánh thấy - tánh biết không mất.

Nhà vua năn nỉ Đức Thế Tôn: *“Nói tại sao chúng con lạc mất chơn tánh, hành theo điên đảo; xin Đức Phật từ bi chỉ cho chúng con”*. Thế thì ngay lúc bấy giờ, Đức Như Lai mới duỗi cánh tay, ngón tay chỉ xuống đất và hỏi ngài A Nan: *“Nay người thấy tay Ta chỉ như vậy là thuận hay nghịch, là chánh hay là đảo”*? Ngài A Nan đáp lời: *“Chúng sanh thế gian cho đây là đảo, mà con chẳng biết thế nào là chánh - thế nào là đảo”*? Phật bảo: *“Nếu người thế gian cho đây là chánh thì lấy gì làm chánh”*? Ngài A Nan nói: *“Nếu Như Lai đưa cánh tay chỉ lên trời thì đó gọi là chánh, nghĩa là thuận; mà chỉ xuống dưới đất là ngược”*. Thế thì Phật mới giơ cánh tay lên bảo rằng: *“Theo tánh thấy là chánh, theo cảnh trần thì là đảo. Tánh thấy chẳng có chánh - đảo; cảnh trần mới có chánh - đảo”*.

Cái tánh thấy thì theo tánh thấy là đúng, có nghĩa là thuận; còn theo cảnh trần, là biến dịch là ngược. Cho nên, tánh thấy không có chánh - đảo nhưng cảnh trần thì

có chánh - đảo. Nay tánh thấy duyên theo cảnh trần thì là 1 lớp điên đảo, lại theo lý lẽ thường tình theo cánh tay chỉ xuống thuận theo thân mới là chánh; cánh tay chỉ lên trời, nghịch với thân là đảo. Nay người thế gian, đầu đuôi đối nhau cho thuận là đảo; cho nghịch là chánh, thành điên đảo bội phần. Người thế gian thường thường điên đảo theo cái kiến của người ta; chấp ngã - chấp pháp - chấp kiến, cho nên điên đảo, cho nên nói ngược nói xuôi.

Đức Thế Tôn nói: Nếu lấy tay mà chỉ xuống dưới đất mà thuận với thân mới là thuận; chứ tại sao lại nói chỉ lên trời mới là thuận; tức là đi ngược. Cho nên, Đức Thế Tôn mới nói: *“Vậ đem thân người so với Pháp thân thanh tịnh của Như Lai thì được biết rõ; Thân Như Lai gọi là Chánh biến tri; thân các người gọi là Tánh điên đảo. Thế thì các người hãy quán xét giữa thân người và thân Phật; cái cho là điên đảo ấy ở chỗ nào gọi là điên đảo?”* Tại vì ở chỗ thanh tịnh gọi là pháp thân của Như



Lại; mà điên đảo thì tại sao gọi là điên đảo. Tại vì tất cả đều quy ước, đi ngược lại tánh. Tại vì thức lâu ngày bị tạp nhiễm.

Cái gì làm cho chúng ta bị lừa? Do chúng ta từ nhỏ tới lớn, đều nghe nói như thế; cho nên chúng ta chấp nhận như thế; cho nên chúng ta bị lừa mà không biết. Thanh tịnh Pháp thân tức là Diệu tâm sáng tỏ chơn thật; tức là khi nhìn, giống như cái kính - con chó đi ngang, biết con chó đen, con chó cao, con chó thấp... nhìn được liền.

Nhưng không khởi tâm ưa thích, khởi tâm phân biệt, không nói rằng con chó ấy dữ hay hiền hay là như thế nào. Nó chỉ ghi nhận thôi và cái đó là niệm đầu tiên; con mắt chúng ta khi nhìn 1 vật gì lập tức con mắt chúng ta biết đó là chơn tánh của chúng ta; nhìn là biết liền, biết đó là con chó, con mèo, con trai, con gái hay là con kiến, con gì ... là biết ngay. Nhưng mà chúng ta không ngừng ở đây, chúng ta khởi lên niệm thứ 2, thứ 3 là con chó này chắc là con chó hung dữ; con chó này chắc là con chó nhà giàu; con chó này chắc là con chó cái...tức là vọng tưởng điên đảo, che lấp đi chơn tánh; cho nên không nhìn thấy được chơn tánh, không sống ở trong chơn tánh thường trụ - tức là bỏ nhà mà đi hoang.

Đức Thế Tôn giơ cánh tay lên để nói cho ngài A Nan biết như thế nào là chánh - như thế nào là đảo; có nghĩa là như thế nào là thuận - như thế nào là nghịch. Mà Tu Bồ Đề cũng vậy: Khi ngài ngồi thiền trong hang, nhờ căn thức tức là quán chiếu nó là huyễn; cho nên thấy được pháp thân của Như Lai - gọi là Chánh biến tri; còn như ngài A Nan dùng con mắt để thấy tay của Như Lai, rồi khởi lên tâm phân biệt là thuận hay nghịch; ấy là duyên theo lục thức; tức là căn - trần - thức.

Vì thấy cái tay và có con mắt, cho nên mới nói rằng thấy thuận - thấy nghịch; có nghĩa là theo thức; thức ấy là bỏ gốc theo ngọn; tức là bỏ nhà đi hoang. Thức là sống trong vọng tánh điên đảo; chỉ khi nào tĩnh tâm lại, ngồi quán chiếu, tức là phản văn, quay trở lại tánh nghe - tánh thấy - tánh ngửi ... quay trở lại tâm của ta. Ví dụ khi ta ngửi 1 mùi gì, trong tâm khởi lên đó là mùi ưa thích hay mùi phiền não? Nếu mùi ấy thối khởi lên phiền não; nếu mùi ấy thơm khởi lên tâm ưa thích; cái ấy gọi là chạy theo cảnh; còn nếu quán chiếu liền khi ấy ta sẽ nói: Ah...quay lại xem tâm ta là ưa thích hay phiền não; từ đâu mà sanh. Nếu biết rằng do duyên sanh có, ở ngay chỗ ấy buông liền, không theo cảnh. Mà không theo cảnh thì sống với chơn tâm thường trụ và như vậy, mới tìm ra được bản thể thanh tịnh.

Bởi thế, cho nên 25 con đường cũng là phương tiện; cửa cũng là phương tiện, không có khóa. Tham-Sân-Si là 3 ổ khóa lớn nhưng 3 ổ khóa này không thực. Tại vì do vọng tưởng điên đảo cho nên kết tụ lại nên gọi là có 3 ổ khóa; chứ thực sự ra không có.

“Không đường không cửa” - có nghĩa là không có con đường nào để vào đâu hết và cũng không có cửa, cửa này cũng không khóa; cho nên, người hành giả con Phật khi đã hiểu rõ được chân tướng của các Pháp rồi cứ thế thông dong mà đi; có nghĩa là thông tay vào chợ.

PHẬT PHÁP VẤN ĐÁP

Câu hỏi: Tác ý là vọng tưởng phải không ạ?

- ❖ Sư cô Tâm Thanh đáp: Tác ý hay là không tác ý gì đều là vọng tưởng.

*“Một phút chơn tâm chưa tỏ ngộ,
Trăm năm huyền thế mới mòn”*

- ❖ Sư Minh Tâm đáp:

Câu hỏi này rất hay; có tác ý của trí tuệ. Hễ có tác ý đương nhiên có niệm; hễ có tác ý là đương nhiên có việc; hễ có niệm có nghiệp; có dính mắc với nhau. Hễ có tác

ý thì không thể nào nói là không phải là niệm; tại vì thực thể của nó liên đới. Trong bài Kinh Trạm Xe Đúc Thế Tôn có giải thích: Đi từ điểm này đến điểm kia, qua nhiều đoạn, có lúc đi xe ngựa, có lúc đi xe thồ, có lúc đi xe hơi, có lúc đi bộ ... Khi cuối cùng tới 1 điểm cuối; chúng ta có thể nói tới điểm cuối ấy bằng phương tiện nào hay không? Ở trong bài kinh Trạm Xe rất rõ: Không thể nào nói là đi bộ, xe ngựa, hay đi xe thồ, hoặc là đi xe hơi ... Để đến được điểm ấy. Cũng như thế, chúng ta học đạo là luôn luôn có từng lớp; ở trong trường chúng ta cần học hết tiểu học, phổ thông cơ sở, rồi lên trung học, tiếp tới đại học... Cứ phải từng bậc như thế. Nhưng nói rằng nhờ tiểu học mà chúng ta lên tới ngày hôm nay cũng không được; mà nói là phổ thông cơ sở, hay trung học, đại học cũng không được. Không phải tự nhiên nó có như thế; cho nên chẳng qua chỉ là phương tiện mà thôi. Lúc đầu chúng ta tác ý là chúng ta tác ý thiện nên trong kinh lúc nào cũng dạy “Luôn làm các điều thiện; luôn tránh các việc ác” đây là phương pháp tu học; nhưng cuối cùng đến câu thứ 3 dạy là “Luôn giữ tâm thanh tịnh” - có nghĩa là thiện, ác cũng không còn khởi lên niệm nữa; làm việc thiện cũng không khởi lên niệm nữa. Cho nên, được chỗ thanh tịnh: Làm cứ làm, tu cứ

tu nhưng đừng khởi lên niệm mong cầu tu để chứng đắc, tu để thoát ra khỏi sanh tử luân hồi.

Cánh cửa vào tâm không có khóa, có 3 ổ khóa nhưng không có chìa; chứ còn thực sự không có khóa nên cứ việc thông dong đẩy cửa đi vào. Cho nên, tác ý - lúc đầu thực sự ra chúng ta phải có tác ý; tác ý để tránh việc ác, thấy việc ác là tác ý tránh, thấy việc thiện tác ý cố gắng để làm. Nhưng cuối cùng sau khi đạt tới mức đó rồi, luôn luôn làm việc thiện mà không việc ác nữa; cho tới lúc chúng ta tác ý là việc thiện - việc ác cũng không quan tâm nữa; cứ tự nhiên làm là theo Chánh pháp, tự nhiên làm điều thiện - nói việc thiện - suy nghĩ điều thiện. Khi ấy không còn tác ý nữa, tất cả đều thuần thực, tâm - thân đều theo chánh pháp thì đâu có cần gì phải tác ý; tự nhiên làm là thuần thực rồi.

Cũng như người niệm Phật; lúc nào cũng niệm “Lục tự Di Đà - Nam mô A Di Đà Phật”, cố gắng niệm, niệm 1 thời gian rồi tự trong tâm niệm, không còn niệm ra miệng nữa nhưng mà giống như con nhớ mẹ là tự nhiên niệm thôi; không cần niệm nữa mà vẫn niệm; các vọng tưởng điên đảo bị dẹp tan; cho tới 1 lúc nào đó rồi - ngay cả “Lục tự Di Đà” cũng không còn niệm nữa tự nhiên tâm trống vắng, rỗng rang. Mà khi tâm rỗng rang ấy là

thanh tịnh, Bản thể chân như; tức là mượn phương tiện để loại trừ phương tiện; lấy huyền mà tu huyền.

Ngài Huyền Giác khi gặp Lục Tổ Huệ Năng, nói rằng: *“Sanh tử là việc hệ trọng cho nên không đánh lễ tổ”*. Tổ mới hỏi lại rằng: *“Chẳng lẽ không thấy được lẽ vô sanh”*? Tại vì nếu đã vô sanh thì đâu cần gì phân biệt, đâu còn gì là sanh - tử, thấp - cao, gần - xa ... Khi đã biết rồi: bản chơn tâm thường trụ là như thế thì có gì đâu mà phải nói là sanh - tử, là mau chóng. Cuối cùng Tổ nói: *“Nếu không phân biệt thì lấy gì mà biết; không phân biệt thì làm sao biết trắng - biết đen; biết thiện - biết ác”*; ngài Huyền Giác giải bày: *“Thấy ý, có ý nhưng mà cũng không khởi lên phân biệt; phân biệt cũng không phải là ý luôn, chẳng qua như tấm gương - cái gì đi ngang thì nó ghi nhận”*; con chó đi ngang thì ghi nhận là con chó; con mèo đi ngang thì ghi nhận là con mèo... tức là tánh biết của chúng ta: khi sự kiện gì hay vật gì đi ngang thì tự nhiên biết; không cần phải phân biệt; biết nhưng không chấp, không dính cứng nhắc vào đấy; thì đấy gọi là bản tâm thanh tịnh; chơn như thường trụ; chơn tâm tam muội ...

Câu hỏi: “Lắng lòng thanh tịnh, một niệm không sanh. Thường hằng thấy tánh” đó là chơn tâm phải không?

Trả lời: Thử lắng lòng thanh tịnh, rồi 1 niệm không sanh rồi xem đó có phải là chơn tâm không? Chứ nếu bạn hỏi thì cũng không thể nói được; tại vì nếu gì nói được thì là văn tự; mà nói được qua văn tự thì ấy là huyền, cái ấy không có thực. Cho nên, bạn trước tiên cứ lắng lòng thanh tịnh đi; giống như cái lu nước mà đang bị đục, bị bùn vậy. Nếu để lâu ngày không khuấy vào đấy, đừng có lắc lu nước ấy, để lâu ngày lớp bùn, đục đó được lắng xuống; lúc tự nhiên sẽ cảm nhận được (là phản văn, quay vào bên trong; không chạy theo cảnh, không chạy theo trần nữa).

Giống như việc người nào uống nước nóng lạnh tự người ấy biết thôi; nói cho người khác nghe cũng không thể hiểu. Bây giờ, nếu có nói cho bạn nghe: Chơn tâm nó là A, là B, là C... thì bạn cũng không thể hiểu được, bạn cũng không tin được và chúng tôi cũng không nói được. Tại vì, nước khi tự uống thì bạn mới biết nóng lạnh; chúng tôi chỉ giúp, chỉ cho bạn cách để lắng tâm thanh tịnh xuống. Tức là bây giờ nói cho bạn biết 25 con đường để đi và cánh cửa đều không có thực; chẳng qua là tá danh, phương tiện thôi. Mắt - tai - mũi - lưỡi, tưởng là thực, căn cứ vào những cái ấy để tìm ra tánh biết là sai; tại vì những cái ấy là vọng tưởng điên đảo, không thực. Cho nên, tánh biết trong chỗ 25 cánh cửa để đi vào

Chơn Tâm Thường Trụ bị khóa cứng bởi vì có tham - sân - si; cánh cửa ấy cũng không thực luôn; 3 ổ khóa đó là huyền. Nghĩ rằng 3 ổ khóa đó to thiết nhưng không có khóa; tại vì tham - sân - si là do duyên sanh; không có thực; mà cái gì do duyên sanh như huyền.

Câu hỏi: Theo vô ngã, con rùa và con cá ý nói là gì? Xin từ bi khai triển?

Trả lời: Con rùa sống ở dưới nước, nhưng một hôm đi lên bờ chơi, nó thấy có cây cỏ có cỏ không gian, rồi có nắng có chim, có con người nữa... Có đủ các thứ. Nó thấy lạ quá như đất thì khô, có không khí ... Vui quá; rồi về, lặn xuống nước gặp con cá thì rùa kể cho cá nghe là ta đã đi lên bờ chơi và thấy những cảnh lạ và vui như có đất khô, có con người, có hoa nở, có cây cỏ... Cá nghe thế hỏi: *Thế có lỏng lỏng như ở dưới này không?* Rùa đáp: *Không. “Mày nói xạo”* và cá hỏi tiếp: *Thế ở đó có ướt ướt như dưới đây không?* Rùa trả lời tiếp: *Không.* Cá lại nói: *Mày nói xạo ... nếu ở đó không lỏng lỏng, ướt ướt như dưới đây thì là sao mà bơi, mày bị điên à, mày đi chơi về mày bị điên rồi.*

Có nghĩa là người nào đã thể nhập đến giai đoạn ấy rồi tự nhiên người ta biết thôi. Người ta đã thể nhập được vào đây rồi cũng không thể nói lại cho người khác hiểu

được; bởi vì văn tự không đủ để diễn đạt, mà nếu nói cho người nghe họ cũng không tin, không hiểu; giống như câu chuyện của Rùa và Cá vẩy. Bây giờ, nếu Rùa có nói như thế nào thì Cá cứ cho là Rùa bị điên, Rùa đang nói xạo.

Câu hỏi: Phật và ma. Ma vương đi phá Phật, ma này hàm ý là ma gì?

Trả lời: Nếu tâm của ta thấy như thế nào; căn - trần - thức giao hưởng với nhau, chiêu cảm với nhau thì là Ma. Thấy rất rõ các pháp là có có - không không, là ma lúc ẩn lúc hiện.

Còn nếu là Phật - Chơn Tâm Thường Trụ; tức là pháp tánh - pháp thân tự nhiên thường trụ; có nghĩa là tánh thấy - tánh nghe, không thay đổi. Lâu lâu bạn mới vào trong Đạo tràng chúng tôi không quay trở lại được.

Câu hỏi: Ma vương đi phá Phật, ma này hàm ý là ma gì?

Trả lời: Nếu nói theo sự có ma đây. Hồi Đức Phật thị hiện ra thì có Ma Ba Tuần tới phá và ma đã nói rằng: *Bây giờ chúng con không phá được Ngài tại vì Ngài có sức mạnh, có đạo lực, có Tăng đoàn rất là thanh tịnh; cho nên chúng con không phá được. Tuy nhiên, cho đến*

đời Mạt pháp - khi Ngài không còn nữa, Chánh pháp xa rời, người ta sống không thanh tịnh chúng ta sẽ phá, chúng con sẽ giả ra làm Tăng, làm Ni, đủ các thứ ... để phá cho tan mất Đạo Phật. Giống như hiện nay, bạn thấy có rất nhiều thầy chùa giả, sư cô giả, làm phá giới, làm linh tinh đủ thứ để mà não loạn con người; để người ta không tin - tức là phá kiến. Nhưng mà thực sự ra, những người ấy do ma biến, giả ra như thế thôi; chứ còn người tu chân chánh vẫn là tu chân chánh; cho nên nếu lấy con mắt phàm nhìn không thể nào phân biệt được giữa Ma và Phật; giữa Phật và Ma.

Nếu nói về lý, ma cũng chính là Phật; hễ tâm của ta khởi lên vọng niệm điên đảo thì ấy là ma; tâm của ta ở trong chỗ thanh tịnh, giữ theo chánh pháp thì ấy là Phật, tức tâm tức Phật - trong tâm đã có Phật. Cho nên, khi nào khởi lên vọng tưởng điên đảo tham - sân - si nổi dậy thì ấy là ma. Ma cũng là ta, mà Phật cũng là ta.

LUẬN GIẢI VỀ TÂM TRONG KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 2

TIỀN TRẦN BIÊN DỊCH, BẢN TÁNH CHĂNG THAY



TUỆ TÂM THIỀN THƯ QUÁN

Website: www.tuetam.info

Facebook: Tuệ Tâm Thiền Thư Quán

Email: tuetamthienthuquan@yahoo.com

Lotus Wisdom Publishing Co. 2023